

MỤC LỤC

I. CON ĐƯỜNG CỦA SỰ THỐI NÁT - PHIÊN TOÀ ĐẠI HÌNH.....	2
II. LÊN ĐƯỜNG - SAINT-MARTIN-DE-RE	39
III. VƯỢT NGỤC LẦN THỨ NHẤT - TRỐN KHỎI NHÀ THƯƠNG.....	77

I. CON ĐƯỜNG CỦA SỰ THỐI NÁT - PHIÊN TOÀ ĐẠI HÌNH

Cái tát mạnh đến nỗi mãi mười ba năm sau tôi mới gương dậy được. Quả nhiên đó không phải là một cái bốp bình thường, và để dằn nó vào mặt tôi, họ đã xúm lại khá đông.

Hôm ấy là ngày 26 tháng Mười năm 1931. Từ tám giờ sáng tôi đã được đưa ra khỏi căn buồng giam dành cho tôi ở nhà lao Conciergerie từ một năm nay. Tôi đã cạo mặt nhẵn nhụi, ăn mặc chỉnh tề: bộ com-lê này ở một hiệu may có hạng làm cho dãn dấp tôi thêm phần trang nhã. Sơ-mi trắng, thắt một chiếc nơ bướm bướm màu xanh nhạt điểm thêm một nét cuối cùng làm cho trang phục của tôi càng hoàn chỉnh.

Tôi đã hai mươi lăm tuổi, nhưng trông chỉ độ hai mươi. Bọn cảnh sát hơi chững lại trước cái dãn dấp “gentlemen” của tôi, nên cư xử với tôi khá lịch thiệp. Họ còn cởi khóa tay cho tôi nữa là khác. Họ với tôi cả thấy sáu người đang ngồi trên hai chiếc ghế dài đặt trong căn phòng trống trải. Bên ngoài trời u ám. Trước mặt chúng tôi có một cánh cửa chắc hẳn là dẫn sang phòng xử án, vì nơi này là Tòa án quận Seine ở Paris.

Lát nữa tôi sẽ bị tố cáo về tội giết người. Trạng sư của tôi ông Raymond Hubert, có đến chào tôi. “Không có lấy một bằng chứng đích đáng nào chống lại anh, tôi tin chắc là chúng ta sẽ được trắng án”. Tôi nghe hai chữ “chúng ta” mà không khỏi mỉm cười. Cứ như thể chính ông ta - luật sư Hubert, cũng sắp ra trước tòa án đại hình với tư cách bị cáo, và nếu có hình án gì thì ông ta cũng sẽ cùng chịu với tôi.

Một viên lục sự mở cửa mời chúng tôi vào. Qua hai cánh cửa mở rộng, có bốn viên cảnh sát đi hai bên cùng với viên chuẩn úy chỉ huy họ, tôi bước vào một gian phòng rộng mênh mông. Để dãn

cho tôi cái tát kia, họ đã trang hoàng cho gian phòng toàn bằng màu đỏ thẫm như máu: những tấm thảm, những tấm rèm trên các cửa sổ lớn, cho đến cả những bộ áo dài của các quan tòa lát nữa sẽ xét xử tôi.

- Thưa các vị, Tòa đã ra!

Từ một cánh cửa ở bên phải lần lượt bước ra sáu người. Quan Chánh án, rồi đến năm vị quan tòa, đều đội mũ vải đỏ. Quan Chánh án đứng lại trước cái ghế đặt ở giữa, và hai bên các vị quan tòa khác cũng đứng vào chỗ. Một cội im lặng trang nghiêm trùm lên gian phòng: ai mấy đều đứng yên, kể cả tôi, cho đến khi Tòa ngồi xuống mọi người mới ngồi theo.

Viên chánh án, có đôi má phính ửng hồng trên hai lưỡng quyền, vẻ mặt khắc nghiệt, nhìn thẳng vào mắt tôi mà không để lộ một cảm xúc nào. Ông ta tên là Bévin. Sau này ông ta sẽ chủ trì những cuộc tranh luận một cách không thiên vị, và thái độ của ông sẽ làm cho mọi người hiểu rằng, là một quan tòa chuyên nghiệp, ông ta không lấy gì làm tin tưởng vào sự thành thật của các nhân chứng và các nhân viên cảnh sát. Không, ông ta sẽ không có phần trách nhiệm nào trong cái tát, ông ta chỉ làm cái việc dọn nó lên cho tôi ăn mà thôi.

Công tố viên là luật sư Pradel. Tất cả các trạng sư đều rất sợ ông ta. Ông ta nổi tiếng là người cung cấp đặc lực nhất cho máy chém và cho các nhà lao trong nước cũng như hải ngoại.

Pradel là biểu trưng của bàn tay trừng phạt của công lý. Đó là người buộc tội chính thức của xã hội, một sức mạnh không có chút nhân tính. Ông đại diện cho Pháp Luật, cho Cán Cân Công Lý, chính ông cầm cái cân ấy và ông sẽ đem hết sức mình ra để làm cho nó nghiêng về phía ông. Đôi mắt kèn kèn của ông hơi cụp mi xuống nhìn tôi chầm chầm từ trên cao. Trước hết đó là chiều cao của cái bệ ông ta đứng, thứ đến là chiều cao của vóc người ông, ít ra cũng phải một thước tám, nó làm tăng cái vẻ hách dịch của ông ta lên rất nhiều. Ông ta không bỏ tấm áo khoác màu đỏ, mà chỉ đặt cái mũ xuống trước mặt. Ông ta chống hai tay lên bàn, hai bàn tay to như hai cái bồ cào. Một chiếc nhẫn vàng cho biết rằng

ông ta đã có vợ, và ở ngón tay út ông đeo một cái đinh móng ngựa nhẵn bóng thay cho nhẫn.

Ông hơi nghiêng về phía tôi để tăng thêm sức áp đảo ông có vẻ như đang nói với tôi: này anh bạn trẻ, nếu anh nghĩ rằng anh có thể thoát khỏi tay tôi thì anh nhầm đấy. Người ta không thấy tay tôi có vuốt nhọn, nhưng bộ vuốt này luôn luôn có mặt trong tâm hồn tôi, và nó sẽ xé tan anh ra không có cách gì thoát nổi. Và sở dĩ tất cả các trạng sư đều sợ tôi, sở dĩ trong giới quan tòa tôi nổi tiếng là một công tố viên nguy hiểm, chính là vì không bao giờ tôi để sống mất môi.

“Tôi không cần biết anh có tội hay không, nhiệm vụ duy nhất của tôi là sử dụng tất cả những gì có thể sử dụng được để hại anh: cuộc sống phóng đảng của anh ở khu Montmartre, những lời khai mà cảnh sát đã mớm cho các nhân chứng và những báo cáo của chính bọn cảnh sát. Với mớ tài liệu ghê tởm mà viên dự thẩm đã thu thập được, tôi phải tìm hết cách để làm cho anh trở thành xấu xa đến mức bọn bồi thẩm phải quyết định gạt anh ra ngoài xã hội”.

Tôi có cảm giác là nghe thấy những câu nói này rất rõ, trừ phi tôi nằm mơ, vì quả tình “kẻ ăn người” này đã gây được cho tôi một ấn tượng rất mạnh.

“Bị cáo nhân, anh hãy để mặc cho ta làm, và nhất là đừng tìm cách tự vệ: ta sẽ dẫn anh lên con đường của sự thối nát”!

“Và ta mong rằng anh đừng trông mong gì vào bọn bồi thẩm: chớ có ảo tưởng. Mười hai con người này chẳng hiểu gì về cuộc sống đâu”.

“Anh cứ thử nhìn họ mà xem. Họ đang ngồi trước mặt anh thành một dãy: rõ ràng là mười hai miếng pho-mát từ một tỉnh lẻ nào đó mới chở về Paris. Đó là những anh chàng tiểu thị dân, những anh công chức về hưu, những gã lái buôn. Chẳng hơi đâu mà nói kỹ về họ. Dù sao thì chắc anh cũng không khờ khạo đến nỗi tưởng rằng những con người như thế có thể hiểu được quãng đời hai mươi lăm năm mà anh đã sống và cách sinh hoạt của anh ở Montmartre. Đối với họ, quảng trường Pigalle và quảng trường Trắng chính là Địa ngục, và tất cả những người sống về đêm đều

là những kẻ thù của xã hội. Tất cả bọn họ đều vô cùng hãnh diện với cái chân bôi thảm ở Tòa Đại hình. Ngoài ra anh cũng nên biết rằng họ rất đau khổ vì cái thân phận tiểu thị dân nhỏ bé của họ”.

“Thế mà anh, anh bước ra trước mặt họ, trẻ trung, tuấn tú. Chắc anh hiểu thừa rằng ta sẽ chẳng nỗ lực gì mà không miêu tả anh thành một tên sở khanh của những đêm Montmartre, cho nên ngay từ đầu ta sẽ biến bọn bôi thảm này thành những kẻ thù của anh. Anh ăn mặc sang trọng quá: đến đây lẽ ra anh phải ăn mặc thật khiêm nhường. Ở chỗ này anh đã phạm một lỗi nghiêm trọng về chiến thuật. Anh không thấy là họ ganh tị với cách ăn mặc của anh sao? Họ thì toàn mua đồ may sẵn ở cửa hàng Samaritaine, và dù có nằm mơ họ cũng không dám nghĩ rằng mình có bao giờ đi may đo lấy được một bộ”.

Bây giờ đã mười giờ, Tòa đã sẵn sàng mở đầu cuộc tranh luận. Trước mắt tôi là sáu viên quan tòa trong đó có ông công tố viên hung hãn sẽ đưa hết uy quyền ma quái của mình, đưa hết trí thông minh của mình ra để thuyết phục mười hai gã tiểu thị dân kia rằng tôi là kẻ có tội và bản tuyên án ngày hôm nay chỉ có thể là tội lưu đày hay máy chém.

Người ta sắp xử tôi về cái tội giết một tên ma-cô, một tên dốt gái của giới ăn chơi Montmartre. Không có lấy một bằng chứng nào. Nhưng bọn cớm cứ mỗi lần tìm được thủ phạm là một lần thêm lon, cho nên sẽ một mực khẳng định rằng tôi là thủ phạm. Thiếu bằng chứng, chúng nó sẽ nói là nắm được những sự kiện “bí mật” từ một nguồn riêng, cho chúng nó biết một cách chắc chắn, không còn hồ nghi gì nữa. Một nhân chứng do chúng chuẩn bị, một cái đĩa hát sống chế tạo tại số nhà 36 quai des Orfevres, tên là Polein, sẽ là chỗ dựa hữu hiệu nhất của lời buộc tội. Vì tôi một mực quả quyết rằng tôi không quen biết hắn ta, đến một lúc nào đó ông chánh án hỏi tôi một cách rất vô tư: “Anh nói rằng người làm chứng này nói dối. Được. Nhưng tại sao người ấy lại đi nói dối? Để làm gì?”

- Thưa ngài Chánh án, sở dĩ từ khi bị bắt cho đến nay đêm nào tôi cũng không sao chợp mắt được, điều đó không phải vì hồi

hận: có phải tôi giết Roland le Petit đâu? Chẳng qua vì tôi cứ nghĩ mãi không biết tại sao, cái gì đã thúc đẩy người làm chứng này hằn học đối với tôi như vậy và luôn luôn tìm cách hại tôi, cứ mỗi lần lý lẽ của bên nguyên xem chừng yếu đi thì lại cố nghĩ thêm những lời khai mới để củng cố cho nó.

Rốt cục, thưa ông Chánh án, tôi phải đi đến kết luận là cảnh sát đã bắt quả tang hấn đang làm điều gì phạm pháp nghiêm trọng và đã thương lượng với hấn: sẽ làm ngơ cho, với điều kiện là phải buộc tội thành Bướm bướm. Lúc bấy giờ tôi cũng không ngờ là tôi đã nói đúng sự thật đến như thế. Tên Polein hôm ấy được giới thiệu ở phiên tòa là một người lương thiện chưa hề can án, thì mấy năm sau đã bị bắt và bị xử về tội buôn lậu bạch phiến.

Trạng sư Hubert ra sức bào chữa cho tôi, nhưng ông ta không có được cái tầm cỡ của ông Công tố viên. Chỉ có trạng sư Bouffay, nhờ sự công phẫn sôi sục của ông ta, đã gây khó khăn cho ông Công tố viên trong một thời gian nào đó. Tiếc thay cũng chẳng được bao lâu và trong cuộc đấu khẩu tay đôi này sự khôn khéo của Pradel đã thắng một cách khá nhanh chóng. Hơn nữa ông ta đã biết cách làm cho bọn bồi thẩm hài lòng: họ hết sức hãnh diện được một nhân vật đầy uy thế như ông ta coi như những người bằng vai phải lứa và như những người đồng sự.

Đến mười một giờ tối hôm ấy, ván cờ đã vãn. Các trạng sư bào chữa cho tôi bị chiếu bí. Và tôi, người vô tội, đã bị lên án.

Cái xã hội Pháp do Công tố viên Pradel đại diện đã loại bỏ vĩnh viễn một thanh niên hai mươi lăm tuổi. Và không có hy vọng gì giảm án hết! Món ăn sang trọng này đã được quan Chánh án Bévin dọn ra trước mặt tôi bằng cái giọng không có âm sắc của ngài.

- Bị cáo nhân, đứng dậy.

Tôi đứng dậy. Một bầu không khí hoàn toàn im lặng bao trùm lấy căn phòng, mọi người nín thở, tim tôi đập nhanh hơn. Bọn bồi thẩm kẻ thì nhìn tôi, kẻ thì cúi đầu. Họ đều có vẻ xấu hổ.

- Bị cáo nhân, hội đồng bồi thẩm đã trả lời khẳng định cho tất cả các câu hỏi của Tòa trừ câu hỏi về khoản có chủ mưu từ trước hay không, cho nên Tòa xử anh tội khổ sai chung thân. Anh có điều gì cần nói không?

Tôi đã không choáng váng, thái độ của tôi vẫn giữ được bình thường, chỉ có hai bàn tay tôi xiết hơi mạnh vành móng ngựa.

- Thưa ngài Chánh án, có, tôi cần nói rằng tôi thực sự vô tội và là nạn nhân của một âm mưu của cảnh sát.

Từ cái góc dành cho những quý khách phụ nữ ăn mặc sang trọng ở phía sau Tòa, một tiếng rì rầm vẳng đến tai tôi. Tôi nói với họ, đồng dạc nhưng không quát tháo:

- Thôi im đi, các bà đeo chuỗi ngọc đến đây thưởng thức những cảm giác không lành mạnh. Màn kịch đã diễn xong. Một án mạng đã được cảnh sát và tư pháp của các bà giải quyết ổn thỏa, vậy các bà phải lấy làm thỏa mãn chứ!

- Đưa phạm nhân đi - quan Chánh án nói.

Trước khi ra khỏi phòng, tôi nghe một tiếng nói rõ to: “Anh đừng buồn phiền, em sẽ đến tận đây tìm anh”. Đó là Nénette, nàng Nénette trung thực và cao thượng của tôi, đang gửi đến tôi những tình cảm đầm ấm của nàng. Những người thuộc giới giang hồ có mặt trong phòng đều vỗ tay. Họ thì họ biết thực chất vụ án mạng này, và làm như vậy họ muốn tỏ ra cho tôi biết rằng họ tự hào về tôi, vì tôi đã không đầu hàng bọn cảnh sát và đã không tố giác một người nào.

Khi đã đi sang căn phòng nhỏ mà tôi ngồi trước khi xử án, bọn cảnh sát khóa tay tôi lại. Cổ tay bên phải của tôi có một sợi xích ngắn nối với cổ tay bên trái của một viên cảnh sát. Không ai nói với ai một lời. Tôi xin một điều thuốc. Viên quản đưa cho tôi một điều và châm lửa cho tôi. Cứ mỗi lần tôi đưa tay lên điều thuốc hay bỏ tay xuống, viên cảnh sát đứng bên phải tôi lại phải đưa tay lên hay đưa xuống theo tôi.

Tôi đứng hút hết khoảng ba phần tư điều thuốc lá.

Chẳng ai nói một câu nào. Người đầu tiên mở miệng là tôi. Tôi nói với viên quản: “Đi thôi”.

Xuống mấy lượt cầu thang với khoảng mười hai viên cảnh sát đi áp tải, tôi bước ra sân sau của tòa án.

Chiếc xe hơi chở tù đã đợi sẵn chúng tôi ở đây. Đó không phải là loại xe chở tù có ngăn ra nhiều xà lim. Trong thùng xe có xếp khoảng mười cái ghế dài.

Viên quản nói: “Conciergerie”.

Nhà lao Conciergerie

Đi đến tòa lâu đài cuối cùng của hoàng hậu Marie-Antoinette, bọn cảnh sát giao tôi cho viên quản tù. Hắn ký giấy nhận tù xong, họ ra đi im lặng, nhưng trước đây viên quản xiết chặt hai tay bị khóa của tôi, khiến cho tôi rất ngạc nhiên.

Viên quản tù hỏi tôi:

- Chúng nó xử anh mấy năm?

- Chung thân.

- Vô lý? - Viên quản tù đưa mắt nhìn bọn cảnh sát và hiểu rằng đó là sự thực. Viên quản tù đã ngũ tuần: ông ta đã chứng kiến khá nhiều chuyện đời và biết rất rõ vụ án của tôi. Ông ta đã có lòng nhân hậu nói với tôi câu sau đây:

- Chà, cái quân đều cáng! Chúng nó điên hết rồi hay sao?

Ông ta nhẹ nhàng cởi khóa cho tôi và thân hành đưa tôi đến tận căn xà-lim dành riêng cho tử tù, cho người điên; cho tù khổ sai, cho những người đặc biệt nguy hiểm: tương, sần và cửa đều có đệm da dày. Trước khi đóng cửa lại, ông nói:

- Can đảm lên, Bướm bướm ạ. Sẽ chuyển lại cho anh một số đồ đạc và thức ăn. Can đảm lên nhé!

- Cám ơn sếp. Ông cứ yên chí, tôi sẽ có đủ can đảm, và tôi hy vọng rằng họ sẽ không nuốt trôi được cái án chung thân này đâu.

Mấy phút sau, có tiếng cào cửa. “Cái gì thế?”

Một tiếng người trả lời: “Không có gì đâu. Tôi chỉ đến treo cái biển thôi”.

- Biển gì thế?

- “Khổ sai chung thân. Cần theo dõi sát sao.”

Tôi nghĩ bụng: họ điên thật. Chẳng lẽ họ nghĩ rằng cái vớ mà họ giáng lên đầu tôi có thể làm cho tôi mất trí đến mức tự tử? Tôi là người gan dạ, và tôi sẽ đủ can đảm. Tôi sẽ đấu tranh chống lại tất cả bọn họ, chống lại cả thiên hạ nếu cần. Ngay từ ngày mai tôi sẽ hành động.

Sáng hôm sau, trong khi uống cà phê, tôi đã tự hỏi: liệu có nên chống án không? Để làm gì? Liệu ra trước một toà án khác tôi có được may mắn hơn không? Và sẽ mất bao nhiêu thì giờ vào việc ấy? Một năm, có thể là mười tám tháng... và để làm gì: để được đi đây khổ sai hai mươi năm chứ không phải chung thân nữa?

Vì tôi đã nhất quyết vượt ngục, thời gian lâu mau không còn nghĩa lý gì. Và tôi bất giác nhớ lại câu của một phạm nhân hỏi chánh án: “Thưa ngài, ở Pháp án khổ sai chung thân phải bao nhiêu năm mới mãn hạn ạ?”

Tôi đi quanh quần trong buồng giam. Tôi đã đánh điện cho vợ tôi để an ủi nàng, và cho em gái tôi, đã một mình bênh vực tôi trước tất cả mọi người. Màn kịch đã hết, tấm màn đã khép lại. Những người thân của tôi chắc phải đau khổ hơn tôi, nhất là ông bố già tội nghiệp của tôi ở tận vùng quê hẻo lánh: phải mang cây thập tự nặng nề này chắc ông cụ khổ lắm.

Tôi giật mình: nhưng tôi vô tội kia mà! Quả tôi vô tội nhưng đối với ai? Phải, tôi vô tội đối với ai? Tôi tự nhủ: điều phải nhớ kỹ nhất là đừng bao giờ bày trò nói với ai rằng mình vô tội, người ta sẽ cười cho. Chịu án chung thân chỉ vì một thằng ma cô, rồi lại còn nói rằng kẻ khác đã giết hấn, thì thật quá lố. Câm mồm đi là hơn cả.

Vì trong thời gian ở nhà tù Santé cũng như Conciergerie tôi chưa bao giờ nghĩ đến cái khả năng bị xử nặng như vậy, cho nên

tôi không lúc nào bận tâm hình dung thử xem “con đường của sự thối nát” là cái gì.

Thôi được. Điều trước tiên cần phải làm là bắt mối với những người đã có án mà sau này có thể cùng vượt ngục.

Tôi chọn một người Marseille tên là Dega. Người này thế nào tôi cũng sẽ gặp ở phòng cắt tóc: ngày nào hắn cũng đến đó cạo râu. Tôi xin đến phòng cắt tóc. Quả nhiên, khi đến tôi trông thấy hắn đang đứng quay mặt vào tường. Tôi trông thấy hắn đứng vào lúc hắn lén lút để cho một người khác vượt lên trước để hắn có thể kéo dài thời gian xếp hàng. Tôi đến đứng sát cạnh hắn sau khi gạt một người khác ra. Tôi nói thì thầm rất nhanh:

- Thế nào bác Dega, khỏe không?

- Ổn cả, Papi ạ. Tớ mười lăm năm, thế còn cậu? Nghe nói chúng nó “muôi” cậu rồi phải không?

- Phải tôi bị chung thân.

- Chông án chứ?

- Không. Cần nhất là phải ăn cho no và tập thể dục. Phải cố giữ sức khoẻ Dega ạ, vì chắc chắn là sẽ cần đến gân cốt.

- Cậu có bim không?

- Có tớ có mười bị*(*tức mười ngàn francs) bằng Anh. Thế cậu?

- Không có.

- Tớ khuyên cậu nhé: phải nạp ngay đi. Trạng sư của cậu là Hubert phải không? Thằng cha ấy tòi lắm, nó không chuyển cho cậu đâu. Cậu báo vợ cậu đem plan nạp sẵn đến Dante, bảo cô ta giao lại cho Dominique le Riche: tớ cam đoan là nó sẽ đến tận tay cậu.

- Suyt, thằng cớm đang nhìn chúng mình.

- Lợi dụng lúc này để nói chuyện đấy phỏng?

- Ô? Không có chuyện gì quan trọng đâu ạ, - Dega đáp - Hắn nói là hắn ốm.

- Bệnh gì thế? Bệnh táo bón đại bình à? - Đoạn tên cớm ngu xuẩn cười phá lên.

Đời nó là thế. “Con đường của sự thối nát”, tôi đã bước vào rồi. Người ta cười ha hả trong khi giấu cọt một thằng nhóc hai mươi lăm tuổi bị xử đày cho đến chết.

Tôi đã nhận được plan. Đó là một cái ống bằng nhôm, mài nhẵn thín, có thể tháo ra bằng cách vặn ở giữa. Nửa này xoắn ốc vào nửa kia. Nó đựng năm ngàn sáu trăm francs bằng giấy bạc mới. Khi nhận được nó, tôi đưa lên môi hôn cái ống dài sáu phân, to bằng ngón tay cái này; vâng, tôi đã hôn nó trước khi nhét vào hậu môn. Tôi thở thật mạnh để hút nó vào sâu trong đại tràng. Nó là cái tủ két của tôi. Họ có thể bắt tôi cởi hết ra, chằng hai chân, bắt tôi ho, bắt tôi cúi gập người xuống: tha hồ; không thể nào biết là tôi có giấu một cái gì. Nó nằm ở một vị trí rất cao trong đại tràng. Nó là một bộ phận của thân thể tôi. Nó là cuộc sống của tôi, là tự do của tôi mang ở trong mình, đó là con đường đưa tôi đến phục thù. Vì tôi nhất định sẽ trả thù! Thậm chí đó là ý nghĩa duy nhất của tôi lúc này.

Bên ngoài, đêm đã khuya. Trong xà-lim chỉ có một mình tôi. Một ngọn đèn lớn gắn trên trần cho phép tên lính canh nhìn thấy tôi qua cái lỗ nhỏ trên cửa. Ánh sáng gay gắt của nó làm cho tôi lóa mắt. Tôi đặt chiếc khăn mù-soa gấp tư trên mắt, cho đỡ chói. Tôi nằm trên một cái đệm đặt trên chiếc giường sắt, không có gối, và ôn lại từng chi tiết một trong cái phiên tòa kinh tởm vừa qua.

Đến đây, để người đọc hiểu được trình tự của câu chuyện, hiểu thấu hết những cơ sở sẽ làm chỗ dựa cho tôi trong cuộc vật lộn dai dẳng này, có lẽ tôi cần nói dòng dài một chút, nhưng dù sao tôi cũng phải kể hết tất cả những gì đã xảy ra với tôi, tất cả những gì tôi đã thấy diễn ra trong trí tôi trong những ngày đầu bị chôn sống.

Khi đã vượt ngục tôi sẽ làm gì? Vì bây giờ, khi đã có plan, tôi không còn mảy may do dự trong ý đồ vượt ngục.

Trước hết tôi sẽ về Paris ngay, càng nhanh càng tốt. Kẻ phải giết trước tiên là Polein, tên làm chứng điêu. Kế đến là hai kẻ chủ

mười trong vụ án. Nhưng chỉ hai tên thôi thì chưa đủ, phải là tất cả những kẻ tham gia vào âm mưu này. Hoặc giả càng nhiều càng tốt. À! Phải rồi. Thoát được ra ngoài một cái là tôi sẽ về Paris. Tôi sẽ có một cái rương đựng đầy chất nổ, càng nhiều càng tốt. Tôi cũng không biết rõ là sẽ cần bao nhiêu: mười, mười lăm, hay hai mươi ki-lô? Thế là tôi cứ ngồi tính nhẩm xem cần bao nhiêu thuốc nổ để giết cho được nhiều người.

Dùng mìn dynamit chẳng? Không, cheddít thì hơn. Mà tại sao không dùng nitroglycerin? Thôi được, sang bên kia tôi sẽ hỏi ý kiến những người thông thạo về khoản này. Nhưng về phần bọn cớm thì cứ yên chí: tôi sẽ thanh toán sòng phẳng, và chúng nó không lo bị thiệt thòi.

Hai mắt tôi vẫn nhắm và chiếc khăn mùi-soa vẫn áp lên mi mắt. Tôi trông thấy rất rõ cái rương, bề ngoài thì hiện lành vô hại, nhưng bên trong chất đầy thuốc nổ và cái đồng hồ báo thức, được điều chỉnh rất chính xác, sẽ làm cho ngòi nổ hoạt động. Chú ý: phải tính sao cho nó nổ đúng mười giờ sáng trong phòng báo cáo của sở Cảnh sát hình sự, số 36 Quai des Orfevres lầu một. Vào giờ này có ít nhất là năm trăm thằng cớm tập hợp ở đây để nhận lệnh hoặc nghe báo cáo. Có bao nhiêu bậc trên cầu thang? Tôi không được nhầm lẫn.

Phải canh giờ thật chính xác sao cho cái rương được đưa từ ngoài phố vào đến mục tiêu đúng vào giây lát cần nổ. Và ai sẽ khiêng cái rương? Được rồi, tôi sẽ hành động thật táo bạo. Tôi sẽ đi tắc-xi đến đỗ ngay trước cửa sở cảnh sát hình sự và sẽ lấy giọng hách dịch nói với hai tên cớm đứng gác: đưa ngay cái rương này lên phòng báo cáo, nói với ông cầm Dupont là cảnh sát trưởng Dunois gửi cái này và sẽ lên gặp ông ta ngay”.

Nhưng liệu họ có tuân lệnh không? Nhỡ ra, trong cái đám người đàn độn ấy tôi lại rơi đúng vào hai phần tử thông minh duy nhất của cái tập đoàn này thì sao? Lúc bấy giờ sẽ hỏng hết. Phải nghĩ ra cách khác. Thế là tôi lại tìm, tìm nữa. Trong thâm tâm tôi không chịu chấp nhận rằng mình sẽ không tìm được một cách gì ăn chắc một trăm phần trăm.

Tôi ngồi dậy để uống chút nước. Nghĩ nhiều đau cả đầu.

Rồi tôi lại nằm xuống, mắt không đắp khăn mù-soa nữa. Giờ phút trôi qua chậm rãi. Và cái ánh sáng kia, cái ánh đèn chói chang kia, trời ơi là trời! Tôi thấm nước chiếc khăn mù-soa và lại đắp lên mặt. Nước mát làm cho tôi thấy dễ chịu, và chiếc khăn ướt dề lên mi mắt sát hơn. Từ nay tôi sẽ dùng mãi cách này.

Những giờ dài dằng dặc mà tôi hoạch định cách phục thù sau này, óc tôi làm việc khẩn trương đến nỗi tôi như trông thấy mình đang thực hiện ý đồ trong hiện tại. Mỗi đêm, và thậm chí cả một phần của thời gian ban ngày nữa, tôi đi lại trong thành phố Paris như thể việc vượt ngục đã xong xuôi. Đó là điều chắc chắn mười phần: tôi sẽ vượt ngục và sẽ về Paris. Và dĩ nhiên việc đầu tiên là tôi sẽ đưa giấy thanh toán nợ nần, thứ nhất là cho Polein và sau đó là cho bọn cảnh sát. Thế còn bọn bồi thẩm thì sao? Cái bọn ma bùn ấy sẽ tiếp tục sống yên ổn sao? Chắc là về nhà, chúng nó rất hài lòng là đã làm tròn bổn phận với một chữ B viết hoa. Tròn đầy vẻ quan trọng, chúng nó sẽ tha hồ vênh váo với hàng xóm láng giềng và với người vợ đầu tóc bờm xờm đang đợi chồng về ăn bữa tối.

Thôi được. Bọn bồi thẩm thì sao nhỉ, phải làm gì cho chúng nó? Không làm gì hết. Đó chỉ là thứ người thẩm hại đáng thương. Chúng nó có được đào tạo huấn luyện gì đâu để mà làm quan tòa? Nếu là một viên cảnh sát hay hải quan về hưu, hấn sẽ xử sự như một viên cảnh sát hay hải quan. Nếu là một gã đưa sữa hay đưa than hằng ngày, thì thái độ của hấn sẽ là thái độ của thằng đưa sữa đưa than. Chẳng qua chúng nó chỉ theo đuôi công tố viên: tên này chẳng khó gì mà không bỏ được chúng nó vào túi. Chúng nó không phải là những kẻ chịu trách nhiệm thật sự. Cho nên tôi quyết định sẽ không làm gì chúng nó: thế là tuyên án xong.

Trong khi viết lại những ý nghĩ này, những điều mà tôi đã thực sự nghĩ đến cách đây bao nhiêu năm và giờ đây đang ùn ùn kéo về trước mắt tôi một cách minh xác kinh khủng, tôi tự nhủ: thế mới biết cảnh im lặng hoàn toàn, cô đơn tuyệt đối mà một người còn trẻ trung bị nhốt xà-lim phải chịu đựng, có thể làm nẩy

sinh cả một cuộc sống tưởng tượng rõ nét đến chừng nào trước khi chuyển sang tình trạng điên rồ. Nó mạnh mẽ và sinh động đến nỗi con người bị phân đôi thực sự. Hắn bay bổng lên và lang thang khắp những nơi nào hắn thích. Hắn về nhà, gặp cha, gặp mẹ, gặp gia đình, hắn bay ngược về thời thơ ấu, bay qua các giai đoạn của cuộc đời. Nhất là sau đó hắn dựng lên những tòa lâu đài mộng tưởng mà hắn phát minh ra với một sức tưởng tượng vô cùng nhạy bén, đến nỗi trong sự phân thân khủng khiếp này, rốt cục hắn tin rằng mình đang thực sự sống qua tất cả những cảnh đang mơ ước.

Ba mươi sáu năm đã trôi qua, thế mà ngòi bút của tôi không phải cố gắng một mảy may khi viết lại những điều tôi đã nghĩ trong thời đoạn ấy của đời tôi.

Không, tôi sẽ không làm hại bọn tôi thám một mảy may. Nhưng còn viên công tố thì sao? À! Tên này thì không thể để cho nó thoát đòn. Vả chẳng đối với hắn tôi đã có sẵn một phương án trọn vẹn do Alexandre Dumas vạch rõ từ đầu chí cuối. Tôi sẽ hành động đúng phóc như trong truyện bá tước Monte-Christo, như nhân vật chính của truyện đã xử lý cái thằng cha bị anh ta bỏ xuống hầm cho chết đói.

Tên quan tòa này phải chịu trách nhiệm. Con kèn kèn mặc áo đỏ này hoàn toàn xứng đáng để cho tôi hành quyết nó dưới hình thức khủng khiếp nhất có thể tưởng tượng được. Phải đấy, đúng rồi, sau Polein và bọn cớm, tôi sẽ dành hết cho con cú vọ này. Tôi sẽ thuê một cái villa. Nó phải có một cái hầm sâu, có tường dày, có một cánh cửa thật nặng. Nếu cửa không đủ dày thì tôi sẽ lót thêm một cái đệm và chêm thêm vỏ bào. Khi đã có được cái villa rồi, tôi sẽ lần ra chỗ ở của hắn và bắt cóc hắn. Trước đó tôi đã gắn mấy cái vòng sắt vào tường, cho nên đưa hắn về là tôi xích hắn vào tường ngay. Và bây giờ thì tôi tha hồ!

Tôi đang đứng trước mặt hắn, tôi nhìn thấy hắn một cách rõ nét lạ lùng dưới đôi mi mắt đang nhắm nghiền. Phải, tôi nhìn hắn cũng đúng như khi hắn nhìn tôi trong phiên tòa đại hình. Cảnh này rõ nét đến mức tôi cảm thấy hơi thở của hắn thổi lên mặt tôi âm ỉ, vì tôi đứng sát vào hắn, mặt đối mặt, gần như chạm vào nhau.

Đôi mắt điều hâu của hắn bị chói vì tôi đã chĩa vào mặt hắn một ngọn đèn pha rất mạnh. Đôi mắt ấy điên loạn lên vì sợ hãi. Những giọt mồ hôi lớn chảy rùng rùng trên gương mặt đỏ bừng của hắn. Phải, tôi nghe thấy những câu hỏi của tôi, và lắng nghe những câu trả lời của hắn. Lúc này tôi đang sống mãnh liệt.

- Thằng khốn nạn, mày nhận ra tao chứ? Chính ta đây, Bươm bươm đây, người mà mày đã xử khổ sai chung thân một cách ngon lành. Mày tưởng đã bỏ công dùi mài kinh sử bấy nhiêu năm để trở thành một người có học thức, đã trải qua bao nhiêu đêm trường học luật La-mã và các pho luật khác; đã học tiếng Latinh và tiếng Hy-lạp, đã hy sinh những năm tuổi trẻ để trở thành một nhà hùng biện lớn? Thế rồi để đi đến đâu nữa, hờ quân chó má? Đi đến chỗ xây dựng nên một pháp luật mới, tốt hơn cho xã hội chăng? Đến chỗ thuyết phục cho đám đông hiểu rằng hòa bình là điều tốt đẹp nhất trên thế giới chăng? Để truyền bá một triết lý mới của một tôn giáo tuyệt vời chăng? Hay chỉ là để ảnh hưởng đến những người khác, dựa vào ưu thế của học thức đại học để làm cho người ta tốt hơn lên và từ bỏ cái ác chăng? Hãy nói đi, mày đã dùng học thức của mày để cứu vớt những con người hay để dìm chết họ? Không hề có một cái gì tương tự như vậy, chỉ có một động cơ duy nhất thúc đẩy mày hành động mà thôi: lên, lên mãi, lên thêm thật nhiều bậc trên cái thang chức nghiệp đáng ghê tởm của mày. Đối với mày vinh quang có nghĩa là cung cấp được thật nhiều người cho nhà tù khổ sai và cho máy chém.

Giá Deibler *(*tên một đao phủ thủ ở Paris) là kẻ uống nước nhớ nguồn, cứ đến cuối năm hắn phải gửi cho mày một két sâm-banh thượng hạng mới phải. Chẳng phải nhờ mày mà năm nay hắn đã chém thêm được năm sáu cái đầu đấy sao? Dù sao thì bây giờ chính tao đang nắm vững tính mạng mày trong tay, dây xích sắt của tao đang trói chặt mày vào tường. Tao còn nhớ như in cái nụ cười của mày, cái vẻ đắc thắng của mày khi nghe đọc bản tuyên án xác nhận sức thuyết phục của bản cáo trạng mày đã đưa ra. Đã bao nhiêu năm rồi mà tao cứ tưởng chừng như mới hôm qua. Bao nhiêu năm? Mười năm? Hay hai mươi năm?

Nhưng mình làm sao thế này? Tại sao lại mười năm? Tại sao lại hai mươi năm? Bướm bướm, người hãy trấn tĩnh lại; người khỏe mạnh, người trẻ trung và trong bụng người có năm ngàn sáu trăm francs. Hai năm thôi, phải, ta chỉ ở tù chung thân hai năm thôi, không hơn - tôi tự thề với mình như vậy.

Thôi! Mày đâm ra ngớ ngẩn rồi đấy, Bướm bướm ạ! Căn xà-lim này, sự im lặng này đang làm cho mày hóa điên. Tôi không có thuốc lá. Tôi đã hút hết điếu cuối cùng từ hôm qua. Tôi sẽ đi bách bộ. Xét cho cùng, tôi không cần phải nhắm mắt, cũng không cần lấy khăn mùi soa đặt lên mắt cũng vẫn thấy rõ những gì sẽ diễn ra. Đúng đấy. Tôi đứng dậy. Căn xà-lim có bốn mét chiều dài, nghĩa là năm bước ngắn từ cửa đến tường. Tôi bắt đầu đi, hai tay chắp sau lưng. Và tôi nói tiếp:

- Đấy. Tao vừa nói là tao còn nhớ rất rõ nụ cười đắc thắng của mày. Thế thì bây giờ tao sẽ biến nó thành một cái mếu ghê sợ. Mày có một ưu thế so với tao: hôm ấy tao không được phép, chứ mày thì bây giờ cứ tha hồ mà hét, hét to bao nhiêu cũng được. Tao sẽ làm gì mày bây giờ nhỉ? Dùng cách của Dumas chẳng?

Để mặc cho mày chết đói chẳng? Không, như thế chưa đủ. Trước hết tao phải chọc thủng mắt mày. Hả? Mày lại có vẻ đắc chí một lần nữa: mày nghĩ rằng nếu tao chọc mắt mày, ít nhất mày cũng sẽ có được cái lợi là không trông thấy tao nữa, và mặt khác bản thân tao sẽ không được hưởng cái lạc thú được theo dõi những phản ứng trong đôi con ngươi của mày. Phải mày nghĩ đúng, tao không nên chọc thủng mắt mày, ít nhất là không nên chọc thủng ngay bây giờ. Để sau hẵng hay. Tao sẽ cắt lưỡi mày, cái lưỡi đáng ghê sợ, sắc như một con dao. Không phải là dao thường: nó sắc như một con dao cạo? Cái lưỡi mà mày sử dụng, như một con diêm sử dụng cái ấy của nó, để thực hiện sự nghiệp vinh quang của mày. Chính cái lưỡi mà mày dùng để nói những lời lẽ ngọt ngào với vợ mày, con mày và tình nhân của mày. Mày mà có tình nhân ư? Mày thì làm sao có nổi một người đàn bà làm tình nhân? Có chẳng, tình nhân của mày phải là một gã đàn ông. Vì mày chỉ có thể đóng vai trò bị động hèn hạ trong một cuộc kê giao bỉ ổi. Đúng thế, ta phải mở đầu bằng việc cắt bỏ cái lưỡi của mày, vì sau cái óc

của mây là đến nó, nó là cái công cụ thi hành mệnh lệnh của cái óc ấy. Mây đã sử dụng cái công cụ ấy một cách tài tình để thuyết phục cho hội đồng bồi thẩm trả lời “có” cho những câu hỏi đặt ra.

“Mây đã sử dụng nó để tô vẽ cho bọn cảnh sát thành những con người lành mạnh, tận tụy vì bốn phạm; nhờ nó, câu chuyện bịa đặt của thằng làm chứng mới đứng vững được. Nhờ nó mà trước mắt mười hai miếng pho-mát kia tao mới hiện ra như là con người nguy hiểm nhất của thành Paris. Giả sử mây không có cái lưới ấy, cái lưới gian xảo, tài tình, đầy sức thuyết phục, cái lưới đã được tập dượt công phu để bóp méo những sự việc và những con người như vậy, thì tao vẫn được ngồi yên trên sân thượng của tiệm Grand Café ở quảng trường Trắng, không phải đi đâu cả. Vậy thì đồng ý nhé, tao sẽ cắt cái lưới mây. Nhưng dùng khí cụ gì để cắt?”

Tôi đi đi lại lại trong xà-lim, đi đến chóng mặt, nhưng tôi vẫn diện đối diện với hần... thì đột nhiên đèn tắt và một ánh sáng rất yếu ớt lọt qua những khe hở trên tấm cửa sổ chiếu vào xà-lim.

- Sao? Sáng rồi ư? Tôi đã thức thâu đêm để trả thù sao? Tôi đã trải qua những giờ phút đẹp để biết bao!

Cái đêm trường vừa qua nó mới ngắn làm sao!

Tôi ngồi trên giường, nghe ngóng. Không nghe thấy gì hết. Một cõi im lặng tuyệt đối. Chỉ thỉnh thoảng mới nghe một tiếng “tíc” khe khẽ ở ngoài cửa. Đó là người canh ngục đi giày vải cho khỏi có tiếng động đến nâng cái nắp nhỏ che cái lỗ tròn đục trên cánh cửa để ghé mắt vào xem tôi đang làm gì.

Bộ máy trừng phạt do nền Cộng hòa Pháp sáng chế ra đã đến giai đoạn thứ hai. Nó hoạt động một cách tuyệt diệu. Ở giai đoạn thứ nhất, người nào có thể gây phiền phức cho nó thì nó tiêu diệt đi. Nhưng như thế chưa đủ. Không thể để cho người ấy chết quá nhanh, cũng không thể để cho người ấy thoát thân bằng cách tự tử. Người ấy rất cần cho bộ máy. Cục Quản lý các cơ quan cải huấn còn có việc gì mà làm nếu không có tù nhân? Lúc bấy giờ thì thật là đẹp mặt, cho nên phải giám sát nó. Phải đưa nó đi làm khổ sai: nhiều công chức của nhà nước sẽ nhờ nó mà có kế sinh nhai. Ngoài cửa lại vừa có tiếng “tíc”, điều đó làm cho tôi phải mỉm cười

Cái gã vô tích sự kia khỏi phải lo, ta không trốn mất đi đâu. Ít nhất là không trốn bằng cái cách mà mày đang sợ: tự tử.

Ta chỉ mong muốn có một điều, là tiếp tục sống thật khỏe mạnh và lên đường càng sớm càng tốt đến cái xứ Guyane thuộc Pháp mà các người đày ta đến một cách bỉ ổi.

Gã canh ngục chuyên phát ra tiếng “tíc” kia, ta biết rằng các bạn đồng nghiệp của người chẳng phải hiền lành gì. So với chúng nó, người còn hiền hơn nhiều.

Ta biết điều đó từ lâu, vì Napoléon, người sáng lập ra chế độ khổ sai, khi có người hỏi: “Những tên trộm cướp ấy ngài sẽ giao cho ai canh giữ?” đã trả lời: “Cho những kẻ còn trộm cướp hơn chúng nó”. Về sau tôi đã có dịp thấy rõ rằng kẻ sáng lập ra chế độ khổ sai đã không nói dối.

Chắc chắc một cái ghi-sê vuông mỗi chiều hai tấc mở ra ở giữa cánh cửa xà-lim. Người ta Chuôi vào cho tôi một tách cà phê và một ổ bánh mì bảy trăm năm mươi gam. Là phạm nhân, tôi không còn có quyền ra nhà ăn mua thức ăn nữa, nhưng nếu trả tiền, tôi có thể mua thuốc lá và một ít món ăn ở cái căng-tin nhỏ bé của nhà lao. Vài ngày nữa thì sẽ không còn được mua gì hết. Nhà lao Conciergerie là căn phòng đợi của nhà lao cấm cố. Tôi khoái trá hút một điếu Lucky Strike, giá mỗi bao 6,60 francs. Tôi đã mua hai bao như vậy. Tôi cố tiêu cho hết số tiền lẻ, vì người ta sẽ tịch thu tất cả số tiền túi của tôi để thanh toán chi phí của tòa án. Dega có gửi cho tôi một mảnh giấy nhỏ nhét trong bánh mì: “Trong hộp diêm có ba con rắn”. Ý đồ của bác ta là muốn nhấn tôi đến phòng tẩy uế. Tôi lấy bao diêm vừa nhận được, nhặt hết que diêm ra, liền thấy ba con rắn, đều béo tốt khỏe mạnh. Tôi hiểu ngay như thế có nghĩa là thế nào. Tôi sẽ đưa ba con rắn cho viên giám thị xem, và ngày mai hẳn ta sẽ cho tôi, cùng với tất cả các đồ đạc tôi đang dùng, kể cả đệm giường, đến một phòng phun hơi nóng để giết ký sinh trùng (trong số ký sinh trùng này dĩ nhiên không kể bọn tù nhân tù tội): Quả nhiên hôm sau tôi đã gặp Dega ở đấy. Trong phòng hơi không có giám thị. Chỉ có hai chúng tôi, tha hồ nói chuyện.

- Cám ơn Dega. Nhờ bác tôi đã nhận được plan.
- Có thấy vương lắm không
- Không.
- Mỗi lần đi ngoài, phải rửa cho kỹ rồi hăng đút vào.
- Vâng. Nó kín lắm, vì mấy tờ giấy bạc đều khô ráo. Thế mà tôi đã mang plan trong bụng đến bảy ngày nay rồi chứ có ít đâu.
- Thế thì plan tốt đấy.
- Dega ạ, bác định sao đây?
- Tớ sẽ làm trò thằng khùng đây. Tớ không muốn đi đày ở lại Pháp, có lẽ tớ sẽ ngồi tù tám hay mười năm. Tớ có quen với một số người thân thể, cho nên hạn tù có thể giảm ít nhất là năm năm.
- Bác bao nhiêu tuổi?
- Bốn mươi hai.
- Bác điên à! Nếu ngồi tù mười năm, khi ra bác đã già mất rồi còn gì. Bác sợ khổ sai lắm à?
- Ủ! Tớ sợ lắm. Nói với cậu như vậy tớ không xấu hổ đâu, Papi ạ. Ở Guyane kinh lắm cậu ạ. Mỗi năm tù chết tám mươi phần trăm. Các chuyến tàu chở tù cứ kế tiếp nhau bù vào đấy, mỗi chuyến từ một ngàn tám trăm cho đến hai ngàn người. Nếu cậu không nhiễm bệnh hủi thì cũng mắc bệnh sốt vàng hay kiết lỵ, hai bệnh này không tha ai đâu. Hoặc nếu không thì cũng là ho lao, sốt rét, malaria ác tính. Nếu cậu thoát được tất cả các thứ ấy, cậu sẽ có đầy đủ khả năng bị ám sát để lấy plan hay là chết trong khi vượt ngục. Cậu hãy tin tớ Papi ạ, tớ nói thế không phải để cho cậu nản lòng, nhưng tớ có quen mấy người tù khổ sai trở về Pháp sau năm bảy năm ở tù, cho nên tớ biết. Họ chỉ còn là những đồng giẻ rách. Năm nào cũng phải chín tháng nằm ở bệnh viện. Còn vượt ngục thì họ đều nói là nó không bở như nhiều người vẫn tưởng đâu.
- Tôi tin bác chứ, nhưng tôi cũng tin tưởng tôi, và tôi biết chắc là tôi sẽ không ngồi yên ở bên ấy lâu đâu. Tôi là thủy thủ, tôi biết rõ nghề đi biển, và bác cứ tin chắc là tôi sẽ chuẩn bị rất nhanh

để vượt ngục. Còn bác, bác có hình dung được cái cảnh ngồi tù cầm cố mười năm hay không? Nếu họ giam cho bác năm năm (điều chẳng chắc chắn gì) liệu bác có thể chịu đựng được mười cái năm còn lại hay không, hay là lại hóa điên vì cảnh biệt lập hoàn toàn? Như tôi đây, vào giờ này, trong căn xà-lim mà tôi ở một mình, không có sách báo, không được ra ngoài, không được nói với ai, thì hai mươi bốn giờ mỗi ngày cần phải nhân lên không phải là sáu mươi phút mà là sáu trăm! Mà nói thế vẫn còn xa sự thực đây.

- Có thể như thế, nhưng cậu, cậu còn trẻ chứ tôi đã bốn mươi hai tuổi đầu rồi.

- Nay Dega ạ, nói thật, bác sợ cái gì nhất. Sợ bọn tù khổ sai khác chứ gì?

- Thật thế đấy Papi ạ. Ai cũng biết tớ là triệu phú, và từ chỗ đó đến chỗ ám sát tớ vì tin rằng tớ mang trong người năm mươi hoặc một trăm ngàn quan chẳng xa xôi gì cả.

- Bác ạ, bây giờ chúng mình làm giao kèo với nhau nhé? Bác hứa với tôi là đừng giả vờ điên, còn tôi, tôi hứa với bác là sẽ luôn luôn ở bên cạnh bác. Chúng mình sẽ dựa vào nhau. Tôi khỏe và nhanh, tôi đã học đánh nhau từ hồi rất trẻ và tôi biết dùng dao rất thành thạo. Vậy thì về phía bọn tù khổ sai bác cứ yên tâm: họ sẽ không những nể chúng mình mà còn sợ nữa. Khi vượt ngục, chúng mình sẽ không cần đến ai hết. Bác có tiền, tôi cũng có tiền, tôi biết sử dụng địa bàn và điều khiển thuyền đi biển. Bác còn muốn gì hơn nữa?

Dega nhìn thẳng vào mắt tôi hồi lâu... Chúng tôi ôm lấy nhau. Thế là bản giao kèo đã được ký kết.

Một lát sau, cửa mở ra. Dega vác bạc-đà đi về phía bác, còn tôi đằng tôi. Phòng giam của chúng tôi không xa nhau lắm. Vả lại thỉnh thoảng chúng tôi có thể gặp nhau ở phòng cắt tóc, ở phòng bác sĩ, hay ở nhà nguyện của khám nếu là ngày chủ nhật.

Dega bị sa lưới trong vụ giả mạo phiếu Đảm phụ Quốc phòng. Có một gã chuyên làm bạc giả đã chế tạo ra các phiếu Đảm phụ này một cách khá độc đáo. Hắn tẩy những tập phiếu năm

trăm francs và in lên đây những con số mười nghìn francs một cách cực kỳ khéo léo. Vì giấy phiếu như nhau, cho nên các nhà ngân hàng và các thương gia khi nhận những tờ phiếu này không hề nghi ngờ gì hết. Tình hình này kéo dài nhiều năm và Phòng tài chính của Bộ tư pháp không còn biết đằng nào mà lần nữa, cho đến ngày người ta bắt được quả tang một người trong bọn tên là Brioulet. Lúc bấy giờ Louis Dega làm chủ một tiệm rượu ở Marseille, nơi tụ họp những phần tử tinh hoa trong giới giang hồ miền Nam, và là nơi hẹn hò quốc tế của những tay du lịch giàu có một cách khả nghi của khắp thế giới. Kể đến năm 1929, Dega đã có vốn bạc triệu. Bác ta rất yên tâm.

Một đêm nọ, có một người đàn bà trẻ, đẹp, ăn mặc trang nhã đến tìm ông Louis Dega ở tiệm rượu.

- Thưa bà chính tôi đây, bà cần gì ạ? Xin mời bà sang phòng bên.

- Ông ạ, tôi là vợ của Brioulet. Nhà tôi đang ở tù ở Paris, vì tội bán phiếu giả. Tôi đã đến thăm ông ấy ở nhà lao Santé, ông ấy có cho tôi địa chỉ tiệm này và dặn tôi đến xin ông hai mươi ngàn francs để trả tiền trạng sư.

Thế là Dega, một trong những tay bợm lớn nhất của nước Pháp, trước cơn hoạn nạn của một người đàn bà biết rõ vai trò của bác ta trong vụ phiếu giả, đã đưa ra câu trả lời duy nhất không nên có trong hoàn cảnh này.

- Thưa bà, tôi tuyệt nhiên không biết chồng bà và nếu bà cần tiền, bà nên bán một ít phần son là đủ. Bà xinh đẹp thế kia, làm chi mà chẳng kiếm được thừa xài?

Người đàn bà đáng thương kia ức quá, vừa bỏ chạy vừa khóc. Bà ta vào nhà lao gặp chồng kể lại câu chuyện vừa xảy ra. Hôm sau Brioulet công phần tố cáo tất cả những gì hắn biết cho viên dự thẩm nghe, chính thức buộc tội Dega là kẻ cung cấp phiếu Đảm phụ cho cả bọn. Lập tức một đội gồm những cảnh sát viên tinh nhuệ nhất của nước Pháp được thành lập để điều tra, theo dõi Dega. Một tháng sau, Dega, hai người chuyên tẩy khắc và in phiếu giả cùng với mười một người đồng lõa bị bắt vào cùng với một giờ ở

những nơi khác nhau, và bị tổng giam. Họ bị đưa ra tòa Đại hình quận sông Seine, và phiên tòa đã xử mười bốn ngày liền. Mỗi bị cáo nhận đều được trạng sư cỡ lớn bào chữa cho. Brioulet không một lần nào phản cung. Rốt cục, chỉ vì hai mươi ngàn francs khôn nạn và một câu trả lời ngu xuẩn mà tên bọm già giận nhất của nước Pháp đã phá sản với mười lăm năm tù khổ sai. Và đó chính là người vừa mới cùng tôi ký kết một bản giao kèo cùng sống cùng chết.

Trạng sư Raymond Hubert có đến thăm tôi. Ông ta dĩ nhiên chẳng lấy gì làm phấn khởi, cho nên trong khi nói chuyện với tôi ông lộ vẻ lúng túng rõ ràng. Tôi không trách móc ông ta một câu nào.

... Một, hai, ba, bốn, năm, quay đằng sau... Một, hai, ba, bốn, năm, quay đằng sau. Tôi đi đi lại lại như thế từ cửa sổ đến cửa lớn của phòng giam suốt mấy tiếng đồng hồ. Tôi hút thuốc lá, tôi cảm thấy mình tỉnh táo, cân bằng và đủ sức chịu đựng bất cứ điều gì. Tôi tự hứa với mình là giờ đây sẽ không nghĩ đến chuyện trả thù vội.

Cái tên công tố viên kia thì ta hãy tạm bỏ hẳn đứng ở nơi mà tôi đã trói hẳn vào mấy cái vòng đóng trên tường, cứ để mặt hẳn ở đấy: tôi vẫn chưa quyết định được là mình sẽ làm cho hẳn chết bằng cách nào. Bỗng một tiếng hét chói chang, một tiếng hét tuyệt vọng, não nuột một cách khủng khiếp, đã lọt vào cửa phòng giam, không biết từ đâu vang đến. Cái gì thế nhỉ? Nghe như tiếng kêu gào của một người đang bị tra tấn. Nhưng ở đây đâu có phải là nơi hỏi cung của cảnh sát hình sự? Không có cách nào biết được việc gì đang xảy ra. Những tiếng hét trong đêm khuya đã làm cho tôi gan ruột rồi bời. Và tiếng hét ấy không biết nó mạnh đến mức nào mà có thể xuyên qua được tấm cửa có đệm da dày này. Có lẽ đó là một người điên. Bị giam một mình trong những căn xà-lim như thế này, không có một chút gì từ bên ngoài vào, thì phát điên cũng chẳng khó khăn gì. Tôi nói to lên một mình, tự chất vấn bản thân: “Những tiếng hét ấy thì có liên quan gì đến mày? Mày hãy nghĩ đến bản thân mày, chỉ nghĩ đến bản thân mày và đến người cộng sự mới của mày là Dega”. Tôi cúi xuống, thẳng người dậy, rồi đám

một phát vào ngực mình. Đau lắm. Và như thế có nghĩa là mọi sự vẫn còn ổn: các bắp thịt trên tay tôi vẫn hoạt động một cách hoàn hảo. Thế còn chân? Hãy khen ngợi đôi chân ấy đi, vì đi đi lại lại hơn mười sáu tiếng đồng hồ rồi mà vẫn chưa thấy mỏi.

Người Tàu đã phát minh ra cái giọt nước nhỏ đều đều xuống đầu tội nhân. Còn người Pháp thì đã phát minh ra sự im lặng. Họ loại trừ mọi phương tiện khuây khỏa. Không có sách, không có giấy, không có bút, khung cửa sổ có song sắt lớn bị bịt kín bằng những tấm ván, chỉ khoét mấy cái lỗ nhỏ đủ để lọt một ít ánh sáng mờ mờ.

Người nôn nao vì tiếng hét não nùng kia, tôi quay cuồng trong xà lim như một con thú bị nhốt trong chuồng. Tôi thật sự có cái cảm giác là bị mọi người ruồng bỏ và bị chôn sống theo nghĩa đen. Phải, đúng là tôi hoàn toàn chỉ có một mình, và tất cả những gì ở thế giới bên ngoài có thể thấu được đến tôi trước sau cũng chỉ là tiếng hét ấy.

Có ai mở cửa. Một ông linh mục già bước vào. À, bây giờ thì mày không phải chỉ có một mình nữa, trước mặt mày đã có một ông linh mục.

- Chào con. Con hãy tha thứ cho cha vì mãi đến hôm nay cha mới vào được. Mấy hôm trước cha về quê nên không biết. Con có khỏe không?

Và ông linh mục già xuề xòa bước thẳng vào xà-lim, ngồi bệt xuống cái giường tồi tàn và thấp lè tè của tôi.

- Con người xứ nào?

- Vùng Ardèche.

- Bố mẹ ra sao?

- Mẹ con mất hồi con mới mười một tuổi. Hồi trước bố con thương con lắm.

- Ông ấy làm nghề gì?

- Dạy học.

- Bố con còn sống chứ?

- Vâng ạ.
- Bố con còn sống, thì sao con lại nói là “trước kia”?
- Bởi vì bố con thì còn sống nhưng con thì chết rồi.
- Ôi! Con đừng nói thế. Con đã làm gì mà bị án?

Trong một khoảnh khắc tôi nghĩ đến cái án tượng lỗi bịch mà tôi sẽ gây nên nếu tôi nói rằng mình vô tội.

Và tôi trả lời thật nhanh:

- Cảnh sát nói là con đã giết người; mà cảnh sát đã nói thế thì hẳn là phải đúng như thế:

- Đây là một thương gia à?

- Không, hẳn là làm ma cô.

- Và vì một chuyện lôi thôi gì đấy trong giới du đảng mà người ta xử con tội khổ sai chung thân à? Cha không hiểu. Đây là một vụ giết người có chủ đích à?

- Không ạ, chỉ là một vụ giết người thương thôi.

- Tội nghiệp, thật khó mà tin được. Liệu cha có thể làm gì giúp con không? Ta cùng cầu nguyện nhé?

- Thưa cha, xin cha tha thứ, con không biết cầu nguyện, vì con không hề được giáo dục về tôn giáo.

- Không sao đâu con ạ, cha sẽ cầu nguyện cho con. Đức Chúa lòng lành thương yêu tất cả những đứa con của Người, dù đã rửa tội hay chưa cũng vậy thôi. Bây giờ cha nói gì con cứ thế mà nhắc lại nhé, được không?

Đôi mắt ông linh mục dịu hiền quá, gương mặt bầu bĩnh của ông toát ra lòng nhân từ trong sáng quá, đến nỗi tôi không nỡ từ chối, và khi thấy ông quỳ xuống, tôi cũng quỳ theo. “Lạy Cha chúng con ở trên Trời...”

Tôi ứa nước mắt, và ông linh mục thấy thế liền đưa ngón tay múp múp hứng lấy một giọt lệ lớn đang lăn trên má tôi và đưa lên môi uống.

- Con ơi, những giọt nước mắt của con đối với cha là phần thưởng lớn nhất mà Chúa có thể gửi cho cha ngày hôm nay qua tâm hồn con. Cảm ơn con nhiều lắm.

Ông linh mục hôn lên trán tôi.

Hai chúng tôi lại ngồi cạnh nhau trên cái giường tù.

- Đã bao lâu con không khóc?

- Mười bốn năm.

- Mười bốn năm, tại sao?

- Ngày mẹ con mất.

Ông già cầm tay tôi và nói:

- Con hãy tha thứ cho những kẻ đã làm con đau khổ đến như vậy.

Tôi giật phắt bàn tay tôi ra khỏi bàn tay ông linh mục và bắt giác vùng dậy, lùi ra phía giữa phòng giam.

-Ồ không, cái đó thì không đời nào! Con sẽ không bao giờ tha thứ cho chúng nó. Cha có muốn nghe một lời tâm sự của con không, thưa cha? Vậy thì đây: hàng ngày, hàng đêm, hàng giờ, hàng phút con chỉ làm có mỗi một việc là nghĩ cho ra cách gì và bao giờ con sẽ giết hết được tất cả, những kẻ đã giam con vào đây.

- Con nói thế, và con tin là như thế, vì con hãy còn trẻ, còn trẻ lắm. Rồi sau này khi đã có tuổi, con sẽ từ bỏ ý định trừng phạt và trả thù.

Ba mươi bốn năm sau, tôi đã nghĩ đúng như ông linh mục nói.

- Cha có thể làm gì để giúp con? - ông linh mục nhắc lại.

- Cha có thể làm một việc phạm pháp không?

- Việc gì?

- Đến xà-lim số 37 nói với Dega là phải nhấn trạng sư xin cho được chuyển sang nhà lao trung tâm Caen, và báo cho Dega biết là con cũng vừa làm đơn như thế xong. Cần phải rời nhà lao

Conciergerie thật nhanh để chuyển sang một nhà lao trung tâm nơi tập hợp những đoàn tù gửi sang Guyane. Vì nếu lỡ mất chuyến tàu thứ nhất thì phải đợi thêm hai năm nữa trong nhà lao cầm cố mới có một chuyến khác. Khi cha đã gặp Dega rồi thì xin cha quay trở lại đây cho con biết tình hình ra sao.

- Cha sẽ lấy lý do gì để trở lại đây?

- Chẳng hạn cha cứ nói là bỏ quên quyển kinh. Con đợi câu trả lời của Dega.

- Nhưng tại sao con lại vội đi? Mà lại vội đi đến một nơi khủng khiếp như cái nhà tù khổ sai ấy?

Tôi nhìn lên gương mặt của ông linh mục, người tín sứ của Thượng đế lòng lành, và tin chắc rằng ông sẽ không phản bội tôi, tôi nói:

- Thưa cha, để vượt ngục cho thật nhanh.

- Chúa sẽ giúp con, con ạ, cha tin chắc như vậy, và con sẽ làm lại cuộc đời của con, cha cảm thấy thế. Vì con có đôi mắt của một chàng trai trung hậu, và vì tâm hồn con cao thượng. Cha đến phòng 37 đây. Con hãy ngồi đợi câu trả lời.

Ông linh mục quay trở lại phòng tôi rất nhanh.

Dega đồng ý. Ông linh mục để lại cuốn kinh cho tôi mượn đến mai.

Ngày hôm nay một tia nắng của Trời đã lọt vào đây làm cho phòng giam của tôi sáng rực lên, nhờ lòng nhân hậu của con người thánh thiện ấy.

Nếu Thượng đế có thật, tại sao Người lại cho phép có những con người khác nhau đến như vậy sống trên trái đất? Lão công tồ viên, bọn cảnh sát, bọn Polein, rồi lại có ông linh mục, ông cha xứ của nhà lao Conciergerie?

Chuyến đến thăm của con người thánh thiện ấy vừa an ủi tôi lại vừa được việc cho tôi.

Hai lá đơn của chúng tôi đã sớm có kết quả. Chỉ một tuần sau, hai chúng tôi đã ở trong số một tốp bảy người đứng xếp hàng

trong hành lang nhà lao Conceiogene lúc bốn giờ sáng. Toàn thể đội cảnh sát đã có mặt ở đây.

- Cởi hết ra!

Ai nấy đều chậm rãi cởi áo quần. Trời lạnh, tôi nổi cả da gà lên.

- Để đồ đạc ngay trước mặt. Đằng sau, quay! Lui một bước, bước! - Trước mặt mỗi người đã có một xấp áo quần.

- Mặc vào!

Chiếc áo sơ-mi vải phin mịn mà tôi mặc ban nãy được thay thế bằng một cái áo vải thô cứng, và bộ com-lê trang nhã của tôi nhường chỗ cho một cái blouson và một cái quần bằng da thô. Đôi giày của tôi đã biến đâu mất, và tôi phải xỏ chân vào một đôi guốc sabot>(*một thứ giày đế bằng gỗ, có mu, thường dùng ở vùng nông thôn)

Kể cho đến ngày hôm nay, chúng tôi còn có cái vẻ của người bình thường. Tôi đưa mắt nhìn sang sáu người kia: thật kinh khủng! Không còn lấy một dấu vết nào của bản sắc riêng: trong hai phút đồng hồ ai nấy đều đã hóa thành tù khổ sai.

“Bên phải, quay! Nhìn trước, thẳng! Đi đều, bước!”

Được khoảng hai mươi tên cảnh sát áp giải hai bên, chúng tôi ra sân và lần lượt được đưa lên xe, mỗi người nhốt kín trong một cái ngăn hẹp trên thùng xe. Thế là chúng tôi lên đường đến khám Beaulieu, tên gọi của nhà lao trung tâm ở thành phố Caen.

Vừa đến nơi, chúng tôi đã được đưa vào phòng giấy của ông giám đốc. Ông ta ngồi sau một cái bàn giấy đồ sộ đóng theo kiểu thời Đế chính, đặt trên một cái bệ cao đến một mét.

- Nghiêm! Quan giám đốc sẽ nói chuyện với các người.

- Các phạm nhân! Các người sẽ được tạm giam ở đây trong khi chờ đợi lên đường đến trại khổ sai. Nơi này là một nhà giam tuyệt đối nghiêm ngặt. Bất kỳ giờ nào cũng phải hoàn toàn im lặng; không có thăm viếng; không nhận thư từ. Một là khuất phục, hai là diệt vong. Ở đây chỉ có hai cửa ra: một đưa đến nơi khổ sai,

nếu hạnh kiểm các người tốt; một đưa ra nghĩa địa. Nếu có trường hợp hạnh kiểm chưa tốt, thì nhẹ nhất sẽ là sáu mươi ngày xà-lim ăn bánh mì không, uống nước lã. Xưa nay chưa ai sống qua hai lần phạt xà-lim như vậy. Hễ lơ mơ thì đừng có trách!

Ông ta quay sang Pierrot le Fou, một tù nhân người Tây-ban-nha đã bị chính phủ nước này trao cho tòa án Pháp.

- Nghề nghiệp của anh ngoài đời là gì?

- Thưa ông giám đốc đầu bò.

Nghe câu trả lời, ông giám đốc quát lớn: “Tổng khứ tên này đi, theo tác phong quân sự!” Trong nháy mắt, người đầu bò đã bị bốn năm tên cảnh sát dùng dùi cui và quả đấm đánh túi bụi rồi lôi nhanh ra khỏi phòng. Tôi nghe tiếng anh ta gào: “Đồ khốn k., đã năm thằng đánh một mà còn phải dùng dùi cui, lũ hèn hạ!” Một tiếng “ah!” của loài dã thú bị tử thương, rồi không nghe thấy gì nữa. Sau đó chỉ có tiếng lệt xệt của một vật gì nặng bị kéo lê trên sàn xi-măng.

Sau cảnh này mà còn chưa hiểu thì sẽ không bao giờ hiểu được cái gì hết. Dega đứng cạnh tôi. Bác ta đưa một ngón tay, một ngón thôi, chạm vào quần tôi. Tôi hiểu như thế có nghĩa là gì: Dega muốn khuyên tôi cố nhịn nhục để còn sống mà đến nơi tù đây. Mười phút sau, mỗi người trong chúng tôi (trừ Pierrot le Fou đã bị đưa xuống tầng hầm nhốt vào một căn xà-lim nhơ bẩn) đều có vị trí trong một căn xà-lim của khu trũng giới trong nhà lao trung tâm Caen.

Vận may đã làm cho căn xà-lim của Dega đặt ngay cạnh căn của tôi. Trước đó người ta đã giới thiệu với chúng tôi một con quái vật tóc hung cao một mét chín mươi là ít, chột mắt, tay phải cầm một cây roi cặc bò mới toanh. Đó là tên trưởng tù, nghĩa là một tù nhân giữ chức năng trấn áp các tù nhân khác theo lệnh của bọn cai tù. Hắn là nỗi kinh hoàng của các phạm nhân. Nhờ hắn, bọn cai ngục có được cái lợi là có thể đánh đập người ta mà không phải động tay động chân, và mặt khác, nếu có ai chết thì ban quản trị nhà lao không phải chịu trách nhiệm.

Về sau, nhờ mấy hôm ở bệnh xá, tôi đã được biết lý lịch của con thú có hình người này. Ta hãy lấy làm mừng cho ông giám đốc nhà lao trung tâm đã chọn được một đao phủ thủ đắc lực đến như vậy. Tên này trước kia vốn làm nghề đập đá. Một hôm, trong cái thị trấn miền bắc là nơi gia đình hắn sinh sống, hắn quyết định tự sát và đồng thời giết luôn cả vợ hắn. Hắn sử dụng vào mục đích ấy một thỏi mìn dynamit khá to. Hắn nằm xuống bên cạnh người vợ đang ngủ say (căn hộ của hai vợ chồng ở vào tầng thứ ba của một ngôi nhà bảy tầng). Hắn châm một điếu thuốc lá dùng để châm ngòi vào thỏi mìn mà hắn cầm trong tay trái, đặt vào giữa đầu hắn và đầu vợ hắn. Một tiếng nổ kinh hoàng. Kết quả: người ta phải dùng thìa múc từng mảnh vụn của vợ hắn. Tòa nhà sập, hắn một bên, ba đứa trẻ bị vôi gạch đè nát, cùng với một bà già bảy mươi tuổi, những người khác ở trong tòa nhà đều bị thương, kẻ nặng người nhẹ.

Riêng hắn, Tribouillard, mất một phần bàn tay trái, chỉ còn ngón tay út và nửa ngón tay cái, ngoài ra mắt trái và tai trái của hắn cũng không còn. Đầu hắn bị một vết thương nặng, bệnh viện đã phải khoan sọ mới cứu được. Từ khi bị xử, hắn được làm trưởng tù ở các xà lim trừng giới ở trung tâm Caen. Thành người giở điên giở dại này có quyền tự ý xử sự với những con người khôn khéo chẳng may lọt vào địa phận của hắn. Một, hai, ba, bốn, năm, quay đằng sau... một, hai, ba, bốn, năm... cuộc di chuyển vô tận từ tường đến cửa xà lim lại bắt đầu.

Ban ngày tù nhân không được nằm. Đúng năm giờ sáng một tiếng còi lạnh lói đánh thức cả cái đám người tù tội ấy. Họ phải vùng dậy, thu dọn chăn đệm, rửa mặt, sau đó, phải đi đi lại lại hoặc ngồi yên trên chiếc ghế đầu gắn chặt vào góc phòng. Không được nằm trên giường. Điểm tinh vi nhất trong hệ thống trừng giới ở nhà tù là cái giường của tù nhân ban ngày được nâng lên áp vào tường cho đến tối. Như vậy tù nhân không nằm được và người ta có thể giám thị hắn kỹ hơn. Một, hai, ba, bốn, năm... mười bốn giờ đi đi lại lại. Muốn cho cái thao tác liên tục này có được tính chất hoàn toàn tự động hóa, phải tập cách cúi đầu, chấp hai tay sau lưng, đi sao cho vừa phải, đừng nhanh quá mà cũng đừng chậm

quá, bước cho đều, bước nào cũng dài bằng nhau, đến cuối phòng thì quay lại một cách máy móc, đến cửa xà-lim thì quay chân trái, đến tường đối diện thì quay chân phải.

Một, hai, ba, bốn, năm... Các xà-lim sáng sủa hơn ở nhà lao Conciergerie, và người ta nghe được những tiếng động ở bên ngoài, như những tiếng động ở khu trường giới đưa sang, nhưng cũng có cả những tiếng động từ phía đồng ruộng vắng tới. Ban đêm có thể nghe thấy tiếng huýt sáo hay tiếng hát của những người công nhân nông nghiệp đang trở về nhà sau một ngày lao động, hài lòng vì đã uống được mấy cốc rượu cidre ngon lành.

Tôi cũng đã có được món quà Noel: qua một khe hở giữa những tấm ván bịt cửa sổ, tôi nhìn thấy cánh đồng tuyết phủ trắng xóa và mấy lùm cây đen viền bạc dưới ánh trăng. Trông như một tấm bưu ảnh thuộc các loại điển hình mà người ta vẫn gửi tặng nhau vào dịp Noel. Bị gió lay mạnh, những lùm cây ấy đã trút bỏ tấm áo khoác bằng tuyết, cho nên nhìn thấy rất rõ. Nó làm thành những vệt sẫm lớn nổi bật lên trên nền tuyết trắng. Đây là một lễ Noël cho mọi người, thậm chí cho cả một phần của nhà lao. Đối với các tù nhân khổ sai đang tạm giam ở đây, ban quản trị nhà lao đã có một cố gắng đáng kể: chúng tôi được quyền mua hai thỏi sô-cô-la. Xin nói là hai thỏi chứ không phải là hai tấm đâu nhé. Hai thỏi sô-cô-la Aiguebelle chính là bữa tiệc réveillon của tôi năm 1931.

Một, hai, ba, bốn, năm... sự trấn áp của Công lý đã biến tôi thành một thứ quả lắc đồng hồ, cái thao tác đi đi lại lại trong xà-lim là tất cả vũ trụ của tôi. Điều này đã được tính toán một cách chính xác. Trong phòng giam không được để lại một cái gì, tuyệt đối không có một chút gì để phạm nhân có thể dùng làm cách giải trí. Nếu có ai bắt gặp tôi nhìn qua khe hở trên cửa sổ, chắc chắn tôi sẽ phải chịu một sự trừng phạt nghiêm khắc. Thật ra họ làm như vậy là rất có lý vì đối với họ tôi chỉ là một người đã chết. Tôi có quyền gì mà tự cho phép mình hưởng cái thú được ngắm cảnh thiên nhiên?

Cạnh cửa sổ có một con bướm đang bay lượn, cánh nó màu xanh nhạt, có một đường chỉ đen mảnh, và cách đây không xa lại có một con ong đang bay vù vù. Hai con vật này đến đây để tìm cái gì vậy? Có thể nghĩ là chúng nó phát điên vì ánh nắng mùa đông này, nếu không phải là chúng nó lạnh quá muốn vào tù cho ấm. Mùa đông mà có bướm nhỉ! Làm sao nó lại không chết, cái gì làm cho nó sống lại? Còn con ong kia nữa, tại sao nó rời tổ đến chỗ này? Nó không biết rằng đến chỗ tù tội này là một việc liều lĩnh. May mà tên trưởng tù không có cánh, chứ không thì hai con này chẳng còn sống được bao lâu.

Cái tên Tribouillard là một kẻ xa-đích* đáng ghê tởm, (*một chứng bệnh tâm thần (Sadisme) trong đó bệnh nhân tìm thấy khoái lạc khi được chứng kiến hay được làm cho kẻ khác đau đớn cùng cực) và tôi có linh cảm là thế nào cũng xảy ra một chuyện gì giữa tôi với hắn. Tiếc thay, tôi đã không nhầm. Hai con vật đáng yêu kia đến thăm tôi bên cửa sổ được một hôm, thì hôm sau tôi báo cáo là bị ốm. Số là tôi không chịu được nữa, tôi ngột ngạt vì cảnh cô đơn, tôi cần được trông thấy một gương mặt, nghe thấy một tiếng nói, dù là một tiếng nói rất khó chịu cũng được, vì đó là vẫn là một tiếng nói, tôi cần nghe bất cứ một âm thanh nào.

Trần trướng trong cái không khí lạnh buốt của hành lang, mặt quay vào tường, mũi chỉ cách tường bốn ngón tay, tôi là người áp chót của một dãy gồm tám tù nhân đang đợi đến lượt khám. Tôi đang muốn trông thấy người: thế thì tôi đã toại nguyện! Tên trưởng tù đã bắt gặp được tôi đang nói thì thầm với Julot, vốn có biệt hiệu là người cầm búa. Phản ứng của tên mọi tọc đổ này thật là khủng khiếp. Hắn giáng một quả đấm thôi sơn từ phía sau đầu tôi, và vì bất ngờ, tôi bị giập mũi vào tường. Máu ộc ra, tôi gục xuống, rồi cố gượng dậy, lắc đầu thật mạnh cho tỉnh và cố định thần để hiểu cho được việc gì vừa mới xảy ra. Tôi phác một cử chỉ phản đối. Con đười ươi ấy chỉ đợi có thế: hắn giơ chân đá vào bụng tôi làm tôi lại ngã lăn ra đất, và dùng roi cặc bò quất túi bụi vào người tôi. Julot không chịu nổi cảnh này. Anh ta chồm lên người hắn, một cuộc ẩu đả khủng khiếp nổ ra, và vì Julot ở vào thế yếu cho nên bọn canh tù thân nhiên đứng nhìn. Không ai chú ý đến tôi

lúc bấy giờ vừa mới lồm cồm đứng dậy. Tôi nhìn quanh xem có cái gì dùng làm vũ khí được không. Bỗng tôi nhìn thấy ông bác sĩ nghiêng người trên ghế bành để từ phòng khám dòm ra hành lang xem việc gì đang xảy ra ở đây, và đồng thời tôi cũng nhìn thấy một cái vung lớn đầy trên một cái nồi sắt trắng men đầy nước sôi đang bập bồng nâng lên hạ xuống do sức đẩy của hơi nước. Cái nồi lớn này đang sôi sùng sục trên chiếc lò than dùng để sưởi phòng làm việc của bác sĩ.

Tôi phản xạ rất nhanh: nắm lấy hai quai nồi cố chịu bỏng tay, tôi hất hết chỗ nước sôi vào mặt tên trưởng tù đang mải đối phó với Julot. Từ họng hắn phát ra một tiếng gào khủng khiếp. Hắn đã lãnh đủ. Hắn lăn lộn dưới đất, và vì mình hắn mặc ba chiếc áo len dệt, hắn cởi áo rất khó khăn. Khi hắn cởi đến chiếc thứ ba thì da của hắn cũng ra theo. Cổ áo vốn chặt, nên khi hắn cố kéo áo lên thì da ngực, một phần da cổ và da mặt dính chặt vào áo dệt kim. Cả con mắt duy nhất còn lại của hắn cũng bị lược chín: từ nay hắn sẽ mù. Cuối cùng hắn đứng dậy, nhầy nhụa, thịt chín từng mảng, trông thật gớm ghiếc, và Julot thừa cơ đã cho hắn một cú trời giáng vào đúng hạ bộ. Cả cái thân hình hộ pháp của hắn đổ xuống, hắn bắt đầu nôn ọe, rãi rớt chảy ròng ròng. Đáng đời cho hắn. Còn chúng tôi thì cứ đợi đấy, chẳng mất gì.

Hai tên giám thị đã chứng kiến cảnh này không đủ can đảm để tấn công chúng tôi. Chúng bám còi báo động để xin viện trợ. Viện binh của chúng từ khắp nơi ủa tới, và những phát dùi cui giáng tới tấp lên chúng tôi như một trận mưa đá. Tôi được cái may mắn là ngất đi rất nhanh cho nên cũng đỡ đau.

Khi tỉnh dậy, tôi thấy mình đã được đưa xuống tầng dưới, mình trần như nhộng, nằm trong một căn xà-lim ngập nước. Các giác quan của tôi từ từ hoạt động trở lại. Tôi đưa tay sờ khắp cái thân hình đau đớn của tôi. Trên đầu tôi có ít nhất mười hai đến mười lăm chỗ sưng vù. Bây giờ là mấy giờ? Tôi không biết. Ở đây không có đêm mà cũng không có ngày. Không hề có ánh sáng. Tôi nghe có tiếng ai gõ gõ vào tường, những tiếng gõ hình như từ xa lắm.

Cộc, cộc cộc cộc, cộc, cộc Những tiếng gõ này là những tiếng gọi “điện thoại”. Nếu tôi muốn nhận thông điệp thì bản thân tôi phải gõ vào tường hai tiếng để trả lời ừ thì gõ, nhưng gõ bằng cái gì? Trong bóng tối tôi không trông thấy một vật gì có thể dùng để gõ cả. Gõ bằng tay thì không được, vì tiếng không truyền đi xa. Tôi lần về phía mà tôi đoán là phía cửa, vì ở đây đỡ tối hơn một chút. Tôi vấp phải hàng chấn song mà tôi không hề trông thấy. Sờ soạng một lúc, tôi nhận thấy rằng trong phòng giam có một cánh cửa cách tôi hơn một mét. Tôi không thể động đến cánh cửa này vì đã có hàng chấn song chặn tôi lại. Như vậy khi có ai vào căn xà-lim giam loại tù nguy hiểm, tù nhân không thể với tới người đó được vì hấn bị nhốt trong một cái chuồng. Người ta có thể nói với hấn, đổ nước vào hấn, ném thức ăn cho hấn và lãng mạ hấn một cách an toàn tuyệt đối. Nhưng cũng được một cái là người ta không thể đánh đập tù nhân một cách không có gì nguy hiểm cho bản thân, vì muốn đánh hấn thì phải mở chuồng ra.

Những tiếng gõ chóc chóc lại được nhắc lại. Ai gọi tôi thế nhỉ? Dù là ai thì hấn cũng xứng đáng được tôi trả lời, vì nếu hấn bị bắt gặp thì khôn to cho hấn. Trong khi mò mẫm đi trong bóng tối, tôi suýt ngã vỡ mặt. Chân tôi vừa giẫm phải một vật gì cứng và tròn. Tôi sờ thì thấy đó là một cái muôi bằng gỗ. Tôi lập tức cầm nó lên và chuẩn bị trả lời “điện thoại”. Tai áp vào tường, tôi chờ đợi. Cộc, cộc, cộc, cộc, cộc - stop, cộc cộc - Tôi trả lời: cạch, cạch. Hai tiếng này báo cho người gọi điện biết là bên kia sẵn sàng nhận điện, cứ đánh đi. Những tiếng gõ của người kia bắt đầu: Cộc, cộc cộc những chữ cái lần lượt đi qua rất nhanh... a, b, c, d, e, f, g, li, i, j, k, l, m, n, o, p, stop. Người kia dừng lại ở chữ p. Tôi gõ một tiếng lớn: “cạch”, như thế là người kia biết rằng tôi đã ghi nhận chữ p: Sau đó là một chữ a, một chữ p, một chữ i, và cứ thế. Người kia nói với tôi: “Papi thế nào rồi? Cậu bị khá nặng còn tứ gãy một tay”: Đó là Julot. Chúng tôi “gọi điện thoại” cho nhau như thế trong hơn hai tiếng đồng hồ mà không hề bận tâm lo bị bắt gặp: Chúng tôi say sưa trao đổi những từ ngữ, những câu cú đến mức như đã hóa đại.

Tôi nói cho Julot biết rằng tôi không có chỗ nào bị gãy, không có vết thương, tuy đầu tôi đầy u.

Julot đã trông thấy người ta cầm chân tôi kéo xuống thang gác, anh ta nói rằng cứ mỗi lần bậc thang thì đầu tôi lại nện xuống đánh cộc một cái. Còn anh ta thì không lúc nào bị ngắt cả. Anh ta cho rằng tên Tribouillard bị bỏng rất nặng, và do mấy chiếc áo len, những vết thương của hắn rất sâu hắn đã lãnh đủ chỉ vì một lúc ra oai.

Ba tiếng gõ rất nhanh, và được lặp lại mấy lần, cho tôi biết rằng có động. Tôi ngừng gõ. Quả nhiên, một lát sau cánh cửa xà-lim mở ra. Có tiếng quát:

- Lùi vào, thằng khốn kiếp! Lùi vào sát trong kia và đứng nghiêm! - Đây là tên trưởng tù mới. - Tao tên là Batton, tên thật của tao đây. Một cái tên rất hợp với chức vụ của tao* (*Batton gần đồng âm với baton, có nghĩa là “cái gậy”).

Hắn cầm một cái đèn lồng lớn của hải quân soi căn phòng giam, chiếu vào cái thân thể trần truồng của tôi.

- Đây cầm lấy mà mặc. Đứng yên đây. Đây là nước và bánh mì. Chớ ăn hết ngay một lúc, vì hai mươi bốn tiếng nữa mới lại phát thức ăn* (*Bốn trăm năm mươi gam bánh mì và nửa lít nước -chú thích của tác giả).

Hắn quát tháo một cách man rợ, rồi đưa cái đèn lên ngang mặt. Tôi thấy rõ hắn đang cười, một nụ cười không có gì ác độc. Hắn đặt một ngón tay lên môi rồi chỉ cho thấy những thứ hắn mang đến. Chắc hẳn ngoài hành lang có một tên cảnh sát, và hắn muốn làm cho tôi hiểu rằng hắn không phải là một kẻ thù.

Quả nhiên trong ổ bánh mì tôi thấy có một miếng thịt luộc rất to, và trong túi quần, quý hóa thay, một bao thuốc lá và một cái bật lửa kèm thêm một dùm bụi nhùi. Ở đây, những món quà này quý như cả triệu bạc. Hai chiếc áo sơ-mi chứ không phải một, và một ái quần len, gọi là quần đùi nhưng dài đến mắt cá. Tôi sẽ nhớ hắn mãi, cái thằng Batton. Tất cả những thứ đó có nghĩa là hắn đã thưởng tôi vì đã diệt trừ được thằng Tribouillard. Trước khi xảy ra vụ này, Batton chỉ là phó trưởng tù, bây giờ nhờ tôi hắn đã chính thức lên chức trưởng. Nói chung, tôi đã làm cho hắn được thăng chức, và hắn đã tỏ lòng biết ơn tôi bằng những món quà ấy.

Vì phải có được tính kiên nhẫn của người Sioux* (*Tên một bộ tộc thổ dân Anh-điêng (“Da đỏ”) ở Bắc và Trung Mỹ, nổi tiếng là mưu trí) mới xác định được những tiếng gõ “điện thoại” từ đâu đến và chỉ có người trưởng tù có thể làm được việc đó (bọn gác vốn lười, không đứa nào buồn bỏ công theo dõi) tôi và Julot cứ tha hồ nói chuyện với nhau, hoàn toàn yên tâm về phía Batton. Chúng tôi đánh điện cho nhau suốt ngày. Nhờ Julot, tôi được biết rằng ngày xuất phát không còn lâu nữa: chỉ ba bốn tháng là lên đường. Hai ngày sau người ta đưa chúng tôi ra khỏi xà-lim, và chúng tôi được dẫn đến phòng giấy của ông giám đốc, mỗi người có hai tên cảnh sát kèm hai bên. Đối diện với cửa vào có ba người ngồi sau một cái bàn lớn. Đó là một thứ tòa án. Ông giám đốc làm chánh án, ông phó giám đốc và ông tổng giám thị làm quan tòa.

- À, à! Hai anh bạn trẻ, đã đến đây à? Hai anh có thể nói gì đây?

Julot mặt tái nhợt, hai mắt sưng húp: chắc chắn là anh ta đang sốt. Với cánh tay bị gãy từ ba hôm nay, chắc anh ta phải đau khủng khiếp.

Julot trả lời khe khẽ: “tôi bị gãy tay”.

- Thì chính vì anh muốn người ta làm gãy tay anh chứ còn ai. Có thể anh mới chữa cái thói xông vào đánh người ta. Bao giờ bác sĩ đến đây, anh sẽ được khám. Tôi hy vọng rằng chỉ một tuần nữa thôi bác sĩ sẽ đến. Thời gian chờ đợi này sẽ có tác dụng tốt đối với anh vì có lẽ cái đau sẽ dạy khôn cho anh. Tôi thiết tưởng anh cũng chẳng hy vọng rằng tôi gọi bác sĩ đến đây để chữa riêng cho một thứ người như anh? Vậy anh hãy đợi bác sĩ ở nhà lao trung tâm có đủ thì giờ đến chữa cho anh. Tuy vậy tôi vẫn xử hai anh phải ở lại xà-lim cho đến khi có lệnh mới.

Julot nhìn thẳng vào mắt tôi, như muốn nói: “Cái ông lớn ăn mặc chỉnh tề kia có một thái độ thật là dễ dãi đối với sinh mạng của một con người”. Tôi lại quay đầu về phía ông giám đốc và nhìn vào mặt ông. Ông ta tưởng tôi muốn nói gì. Ông nói: “Còn anh, quyết định này không làm cho anh hài lòng ư? Anh có ý kiến gì?”

Tôi đáp: “Tuyệt nhiên không có ý kiến gì, thưa ông giám đốc. Tôi chỉ cảm thấy có nhu cầu nhỏ vào mặt ông, nhưng tôi không nhỏ vì sợ bẩn mặt nước miếng của tôi”.

Ông ta kinh ngạc đến nỗi đỏ bừng cả mặt và thoát tiên hình như không hiểu. Nhưng ông tổng giám thị thì lại hiểu ngay. Ông ta quát bảo bọn giám thị:

- Lôi nó ra ngay và chăm sóc nó cho kỹ! Phải làm sao một tiếng nữa hần phải bò lê bò càng đến xin lỗi. Sẽ có cách làm cho nó biết tay! Ta sẽ bắt nó liếm giày của ta cho sạch, hết liếm trên lại liếm dưới. Các anh không được ghê tay, tôi giao nó cho các anh đấy.

Hai tên gác vịn treo tay phải tôi, hai tên khác vịn cánh tay trái. Tôi bị dí sát xuống đất, hai bàn tay kéo giật lên ngang xương bả vai. Họ còng tay tôi lại bằng một bộ khóa có kim gắn chặt ngón tay trở bên trái với ngón tay cái bên phải, và viên tổng giám thị túm tóc tôi nhắc bổng lên như người ta nhắc một con vật.

Không cần phải kể lại cho các bạn nghe tất cả những gì họ đã làm để hành hạ tôi. Chỉ cần biết rằng tôi bị khóa tay sau lưng suốt mười một ngày. Tôi còn sống được là nhờ Batton. Cứ mỗi ngày hần lại ném vào buồng giam của tôi ổ bánh mì thương lệ, nhưng vì không sử dụng được đôi tay, tôi không ăn được ổ bánh mì đó. Tôi thử dùng đầu ép ổ bánh mì vào chân song sắt để ngoạm, nhưng không được. Thấy vậy, Batton ném thêm cho tôi những mẩu bánh mì nhỏ vừa bỏ vào miệng, đủ để cho tôi khỏi chết đói. Tôi dùng chân gom những mẩu bánh mì ấy lại thành từng mớ nhỏ, rồi nằm sát xuống ăn như con chó. Mỗi miếng bánh mì tôi đều nhai thật kỹ, để đừng bỏ phí mất chút nào.

Đến ngày thứ mười hai, khi họ mở khóa cho tôi, chất thép đã ăn sâu vào thịt tôi, và cái khóa số tám có nhiều chỗ dính đầy thịt thối. Viên cai ngục phát hoảng khi thấy tôi ngất đi vì quá đau. Sau khi đổ nước cho tôi tỉnh lại, người ta dẫn tôi đến bệnh xá. Máy người y tá dùng nước ô-xy rửa chỗ thối cho tôi. Một người y tá nhất định đòi tiêm cho tôi một liều huyết thanh chống uốn ván. Hai cánh tay tôi bị tê dại không sao trở lại được tư thế bình thường. Họ

phải dùng đầu long não xoa bóp hơn nửa tiếng đồng hồ tôi mới hạ được hai cánh tay xuống song song với nhân hình.

Tôi lại trở về xà-lim, và viên tổng giám thị khi thấy mười một ổ bánh mì còn nguyên liền nói với tôi:

“Thế là mày có được một bữa tiệc ra trò? Kể cũng lạ, mày nhịn đói mười một ngày mà trông cũng không đến nổi gầy lắm...”

- Thưa sếp tôi uống nhiều nước lắm ạ.

- À! Đúng thật, tao hiểu rồi. Bây giờ phải ăn thật nhiều cho lại sức. Nói đoạn hắn bỏ đi.

Rõ nguy. Hắn nói như vậy vì yên trí rằng tôi không ăn gì suốt mười một ngày, và nếu bây giờ tôi ăn nhiều thì sẽ chết ngay vì bội thực. Hắn sẽ được một mẻ tên tò. Đến chiều tối Batton ngầm chuyển cho tôi một ít thuốc lá rồi kèm theo lá cuốn thuốc. Tôi hút lấy hút để, phun khói vào cái lỗ khoét trên ống truyền hơi nóng (đây là hệ thống sưởi của nhà tù - dĩ nhiên cái hệ thống này chẳng mấy khi hoạt động). Ít nhất bây giờ nó cũng có được một công dụng.

Sau đó tôi “đánh điện” gọi Julot. Cậu ta tưởng tôi nhịn đói mười một ngày vừa qua cho nên vội khuyên tôi phải ăn từ từ. Tôi không dám nói sự thật cho cậu ấy biết, sợ rằng một tên khốn kiếp nào đó rình đọc “bức điện”. Cánh tay Julot đã được bó bột, tinh thần anh ta khá vững, anh ta chúc mừng tôi vì đã chịu đựng được cơn thử thách vừa qua.

Theo Julot thì chuyến tàu đã sắp khởi hành. Người y tá có nói với anh ta rằng nhà lao đã nhận được những ống thuốc tiêm chủng dành cho tù khổ sai trước khi lên đường. Thường thường những ống thuốc này được gửi đến nhà lao trước ngày khởi hành một tháng. Julot là một anh chàng thiếu thận trọng, vì anh ta dám hỏi xem tôi có giữ được plan không.

Có, tôi vẫn giữ được, nhưng tôi đã phải làm gì để giữ được món tài sản ấy thì tôi không thể nói ra được. Hậu môn của tôi bị những vết thương rất đau đớn. Ba tuần sau người ta lừa chúng tôi ra khỏi xà-lim. Có chuyện gì thế này? Hóa ra họ cho chúng tôi một

bữa tắm nước nóng tuyệt vời có cả xà-bông. Tôi cảm thấy như mình sống lại. Julot cười sảng sặc như thằng con nít; Pierrot le Fou thì mặt mày rạng rỡ niềm vui sống. Vì vừa ở xà-lim ra, chúng tôi không biết chút gì về những việc đang diễn ra. Tôi thì thậm hỏi anh thợ cắt tóc: “Có chuyện gì thế?” Nhưng anh ta không chịu trả lời.

Một người tù không quen biết có bộ mặt rất khó ưa nói với tôi: “Chắc bọn ta được miễn chế độ xà-lim. Có lẽ chúng nó sợ một ông thanh tra nào đó sắp ghé qua. Điều cốt yếu là phải sống”. Mỗi đứa chúng tôi được đưa vào một căn buồng giam thường. Đến trưa, trong bát xúp nóng đầu tiên tôi được ăn kể từ bốn mươi ba ngày nay, tôi nhận được một mảnh gỗ nhỏ. Trên mảnh gỗ có viết: “Tám ngày nữa xuất phát. Mai tiêm chủng”. Ai đã gửi cho tôi bức thông điệp này?

Mãi cho đến nay tôi vẫn không được biết. Chắc chắn đó là một người tù cầm cố đã có nhã ý báo cho chúng tôi. Người ấy biết rằng chỉ cần một đứa trong bọn chúng tôi biết là ai nấy đều sẽ biết cả. Sở dĩ bức thông điệp đến tay tôi chứ không phải ai khác, chắc chắn là do sự tình cờ.

Lập tức tôi gọi điện cho Julot, dặn anh ta truyền đi cho người khác biết.

Suốt đêm hôm ấy tôi nghe thấy tiếng gõ “điện thoại” lộc cộc. Còn tôi thì khi đã chuyển bức thông điệp xong, tôi im lặng.

Tôi thấy quá dễ chịu trên cái giường ấm áp của tôi. Tôi không muốn rắc rối, và nhất là không muốn trở lại xà lim. Và bây giờ càng hơn bao giờ hết.

II. LÊN ĐƯỜNG - SAINT-MARTIN-DE-RE

Tôi hôm ấy, Batton gửi cho tôi ba điều Gauloises và một mảnh giấy viết: “Bướm bướm ơi, tớ biết rằng khi ra đi cậu sẽ mang theo một kỷ niệm tốt về tôi. Tôi là trưởng tù thật, nhưng tôi cố sao càng ít làm hại các bạn tù càng tốt. Sở dĩ tôi nhận cái chức vụ này là vì tôi có chín đứa con và tôi rất cần được ân xá thật sớm. Tôi sẽ cố gắng làm sao đừng đối xử quá tệ đối với anh em mà vẫn được tha sớm. Từ biệt nhé. Chúc cậu may mắn. Ngày kia cậu sẽ lên đường rồi”.

Quả nhiên ngày hôm sau họ tập hợp chúng tôi lại thành từng tốp ba chục người trong hành lang của khu trường giới. Một người y tá ở Caen đến tiêm chủng cho chúng tôi để đề phòng các bệnh nhiệt đới. Mỗi người được ba mũi tiêm và hai lít sữa. Dega đứng gần tôi. Bác ta có vẻ đâm chiêu tư lự. Bây giờ tù không tuân thủ quy tắc im lặng nữa, vì ai nấy đều biết rằng vừa mới tiêm chủng xong họ không thể nhốt tù vào xà-lim được. Chúng tôi nói chuyện khe khẽ với nhau ngay trước mũi bọn cảnh sát. Bọn này không dám nói gì vì ngại các y tá ở thành phố về. Dega nói với tôi:

- Không biết họ có đủ xe xà-lim để chở cả bọn đi một chuyến không?

- Chắc là không. Saint-Martin-de-ré xa lắm, nếu cứ mỗi ngày chở sáu chục thì phải mất mười ngày mới chở hết, vì chỉ riêng ở đây thôi cũng đã có gần sáu trăm tù rồi. Đã tiêm chủng rồi thì cứ yên chí. Vì như thế có nghĩa là mình đã có tên trong danh sách, thế nào cũng được đưa ngay đến nơi khổ sai. Can đảm lên Dega ạ, một giai đoạn mới sắp bắt đầu. Bác hãy tin cậy tôi như tôi tin cậy bác.

Dega nhìn tôi, hai mắt sáng long lanh. Bác ta đặt bàn tay lên cánh tay tôi và nhắc lại: “Sống chết có nhau Papi nhé”.

Cuộc hành trình trên xe chở tù không có gì đáng kể lại. Họ chẳng cũng chỉ có một điều là mỗi người bị nhốt trong cái ngăn chật chội của mình trên thùng xe, rất ngột ngạt. Bọn áp giải không chịu mở hé mấy cánh cửa để cho chúng tôi thêm một ít không khí. Khi đến La Rochelle, trên chiếc xe chở chúng tôi có hai người đã chết ngạt từ bao giờ.

Saint-Martin-de-Ré là một hòn đảo, muốn ra đó phải chuyển sang tàu thủy để đi qua lạch biển. Những người vô công rồi nghề tụ tập trên bến để xem tù đã chứng kiến việc phát hiện hai cái xác người thảm hại kia. Họ không bày tỏ một cảm xúc nào trước cảnh ấy. Vì bọn cảnh sát phải bàn giao đầy đủ số tù do chúng áp giải cho khám Citadeue ở trên đảo, dù còn sống hay đã chết, cho nên chúng đưa cả hai cái xác chết cùng lên tàu với chúng tôi. Cuộc vượt biển không dài, nhưng dù sao chúng tôi cũng được thở không khí trong lành của biển một lát. Tôi nói với Dega: “Chưa chi đã phảng phất hương vị của một chuyến vượt ngục”. Dega mỉm cười. Julot, lúc bấy giờ đứng cạnh chúng tôi, nói:

- Đúng. Có mùi vượt ngục thật. Bản thân tôi đây, tôi đang trở lại nơi mà tôi đã trốn khỏi cách đây năm năm. Tôi đã bị bắt một cách ngu xuẩn đúng vào lúc tôi sắp giết cái thằng cha chứa chấp tôi đã đi báo cảnh sát cách đây mười năm. Chúng mình hãy cố đứng sát nhau, vì đến Saint-Martin-de-Ré họ sẽ phân đám tù thành từng tốp mười người, mỗi tốp nhốt vào một phòng giam, trên tàu đứng như thế nào thì họ cứ thế mà phân bừa.

Cái anh chàng Julot ấy nhảm. Đến nơi, họ gọi tên Julot và hai người khác nữa bắt đứng riêng ra. Đó là ba người khổ sai đã vượt ngục, đã bị bắt lại ở Pháp, nay đang trở lại nơi khổ sai lần thứ hai.

Bị nhốt mười người một buồng, chúng tôi bắt đầu sống trong cảnh chờ đợi. Chúng tôi có quyền nói chuyện, hút thuốc, và họ cho chúng tôi ăn rất khá. Thời kỳ này chỉ nguy hiểm đối với cái plan mà thôi. Thỉnh thoảng, người ta bỗng dưng gọi anh ra, bắt cởi truồng và khám rất kỹ. Trước hết là khám cái góc ngách ở trên

người cho đến tận gan bàn chân, rồi sau đó là khám áo quần, đồ đạc. Xong đâu đấy mới được mặc áo quần trở lại và về phòng giam.

Hết phòng giam lại đến nhà ăn và khoảng sân trong đó chúng tôi nối đuôi nhau đi vòng quanh suốt mấy giờ liền. Một, hai! Một, hai! Một, hai. Chúng tôi đi thành từng đội, mỗi đội một trăm năm mươi tù nhân. Đoàn diễu hành khá dài, tiếng guốc gỗ kêu lóc cóc. Khi đi như vậy phải im lặng tuyệt đối. Rồi đến lệnh “giải tán!” Chúng tôi ngồi xuống đất thành từng tốp chia theo phạm trù xã hội. Trước hết là những người thuộc giới giang hồ chính danh. Đối với hạng người này quê quán không có gì quan trọng: người Corse, người Marseille, người Toulouse, người Bretagne, người Paris, v v Lại có cả một người Ardèche nữa: ấy là tôi. Và cũng cần phải nói rõ một điều đáng lấy làm tự hào cho cái tỉnh Ardèche là trong đoàn tù gồm một ngàn chín trăm người này chỉ có hai người quê ở Ardèche: một anh cảnh sát canh nông giết vợ và tôi. Kết luận: dân Ardèche là người lương thiện. Các nhóm khác thì hình thành một cách bất kỳ, vì số người “tử tế” đi khổ sai vốn nhiều hơn số người “lôm côm”. Những ngày chờ đợi này được gọi là những ngày quan sát. Thật vậy, ở đây người ta quan sát chúng tôi dưới đủ mọi góc độ.

Một buổi chiều tôi đang ngồi phơi nắng thì có một người đến cạnh tôi. Hắn ta đeo kính trắng, người nhỏ và gầy. Tôi cố đoán xem hắn là hạng người nào, nhưng vì tù mặc đồng phục, ai cũng như ai, cho nên rất khó đoán.

- Anh là Papillon phải không? - hắn nói giọng Corse rất nặng.

- Vâng, chính tôi. Anh muốn gì tôi?

- Ra nhà xí đi - hắn nói xong bỏ đi ngay.

- Thành cha này người Corse - Dega nói với tôi - Chắc chắn là một tên kẻ cướp vùng núi. Không biết hắn muốn gì ở cậu thế?

- Rồi sẽ biết.

Tôi đi về phía dãy nhà xí ở giữa sân, và giả vờ đi đại. Người kia cũng đang đứng đại ngay bên cạnh tôi.

Hắn không nhìn tôi, nói:

- Tôi là em rể của Pascal Matra. Hôm đến thăm tôi ở nhà tù, anh ấy có nói là nếu tôi cần sự giúp đỡ thì nhờ anh.

- Đúng, Pascal là bạn tôi. Anh cần gì?

- Tôi không mang plan được nữa: tôi bị kiệt lực. Tôi không biết nhờ ai giữ hộ, chỉ sợ người ta lấy mất hoặc bị bọn cớm phát hiện. Tôi van anh, anh mang hộ tôi mấy hôm. - Đoạn hắn cho tôi xem một cái plan to hơn của tôi nhiều. Tôi sợ hắn giăng bẫy, và hắn yêu cầu tôi giúp chẳng qua chỉ để biết rõ bản thân tôi có mang plan hay không: nếu tôi nói rằng tôi không chắc có thể mang hai plan một lúc, hắn sẽ biết ngay. Cho nên tôi nói tỉnh khô:

- Có bao nhiêu trong ấy?

- Hai mươi lăm ngàn francs.

Không hỏi thêm gì nữa, tôi cầm lấy cái plan (nó rất sạch), và trước mặt hắn, tôi đút nó vào hậu môn, trong lòng bắn khoăn không biết liệu một người có mang nổi hai cái hay không. Về điều này tôi hoàn toàn chưa có kinh nghiệm. Tôi đứng dậy, mặc quần... Hình như ổn cả, chẳng thấy vương gì.

- Tôi tên là Ignace Galgani, - hắn nói với tôi trước khi bỏ đi. - Cảm ơn Papillon.

Tôi trở lại chỗ Dega và kể lại việc vừa qua.

- Không nặng quá chứ?

- Không.

- Thế thì được. Không nói chuyện này nữa.

Chúng tôi tìm cách bắt liên lạc với những người đã từng ở tù khổ sai về, nhất là Julot hay là le Guittou.

Chúng tôi đang khao khát tài liệu: ở bên ấy ra sao, chế độ ở đây đối với tù nhân như thế nào; làm cách nào để có thể nói chuyện riêng với một người bạn, v.v... Sự tình cờ đã xui khiến cho chúng tôi gặp được một mẫu người kỳ thú, một trường hợp đặc biệt. Đó là một người Corse ra đời trong nhà tù khổ sai. Bố hắn

làm giám thị ở đây và cùng với mẹ hắn ở Quần đảo Salut. Hắn sinh ra ở đảo Royale là một trong ba cái đảo làm thành Quần đảo này (hai đảo còn lại là đảo Saint Joseph và đảo Quỷ). Và giờ đây, số phận đã xoay vần như thế nào mà hắn đang trở lại nơi chôn nhau cắt rốn không phải với tư cách con ông giám thị mà với tư cách tù khổ sai.

Hắn bị xử mười hai năm khổ sai vì tội ăn trộm có bẻ khóa. Mười chín tuổi, một gương mặt cởi mở, đôi mắt sắc sảo và trong sáng. Tôi và Dega thấy ngay tức khắc rằng đây là một người phạm tội chỉ vì một lúc lỡ bước. Cậu này không biết gì nhiều về giới tội phạm, nhưng đối với chúng tôi cậu ta sẽ có ích bằng cách cho chúng tôi tất cả những điều cần biết về cảnh sống đang chờ chúng tôi. Cậu ta kể lại cuộc sống ở quần đảo, nơi cậu đã sống mười bốn năm. Chẳng hạn cậu ta cho chúng tôi biết rằng người coi sóc cậu ở Quần đảo là một tên tù khổ sai nổi tiếng bị sa cơ trong một cuộc đấu dao trên đồi La Butte vì đôi mắt kiêu diễm của Casque d'Or.

Cậu ta cho chúng tôi những lời khuyên rất quý: muốn vượt ngục thì phải xuất phát từ đất liền, vì xuất phát từ Quần đảo Salut là điều không thể được; thứ đến là phải cố sao đừng bị phân vào loại nguy hiểm, vì nếu thế thì đến Saint - Laurent một cái là sẽ bị cấm cố ngay trong một thời gian hay suốt đời tùy mức nặng nhẹ được ghi trong sổ nhận xét. Nói chung, không đến năm phần trăm tù khổ sai bị cấm cố ở Quần đảo. Số còn lại thì ở đất liền. Ở Quần đảo khí hậu tương đối lành, nhưng ở Đất liền, như Dega đã kể cho tôi nghe, nước rất độc, khiến cho người tù kiệt sức dần vì đủ các thứ bệnh; ở đây người ta có thể chết rất nhiều cách, vì bệnh hay vì bị ám sát, v.v.:

Dega và tôi cùng hy vọng sẽ không bị cấm cố ở Quần đảo. Nhưng tôi vẫn thấy ghen trong cổ: nhớ ra tôi bị ghi trong sổ là thuộc loại tù nguy hiểm thì sao? Tôi bị án chung thân, lại thêm chuyện Tribouillard và chuyện chửi viên giám đốc, một bức chân dung tuyệt mỹ rồi còn gì!

Một hôm có tin đồn: dù có thế nào cũng không được xin vào bệnh xá, vì những ai quá yếu hay có bệnh xem chừng không chịu

nổi cuộc hành trình đều bị nhân viên bệnh xá đầu độc cho chết. Chắc là tin vệt thôi. Quả nhiên một người Paris tên là Francis la Passe đã xác nhận rằng tin đồn ấy là bịa đặt. Của đáng tội, có một người bị đầu độc thật, nhưng một người anh ruột của Francis la Passe làm việc trong bệnh xá đã nói cho hắn biết đầu đuôi câu chuyện.

Số là có một chuyên gia cỡ lớn về tử kết sắt, nghe nói đã từng ăn trộm tài liệu mật của đại sứ quán Đức ở Genève hay ở Lausanne trong thời kỳ đại chiến lần thứ nhất để trao cho các cơ quan tình báo Pháp. Những tài liệu ấy có tầm quan trọng rất lớn, cho nên cảnh sát đã phải giao hắn cho Phòng nhì để làm việc này trong khi hắn đang ngồi tù (hắn bị xử năm năm). Và kể từ 1920, mỗi năm làm một hai vụ, hắn sống yên ổn. Cứ mỗi lần bị bắt, hắn lại cầu cứu bên Phòng nhì để họ can thiệp hộ. Nhưng đến lần này thì không ăn thua. Hắn bị xử hai mươi năm và lẽ ra sẽ đi đày cùng một chuyến với chúng tôi. Để tránh đi chuyến này, hắn đã giả vờ ốm để vào bệnh xá. Một viên cyanure - vẫn theo lời người anh của Francis la Passe - đã kết thúc mọi sự. Bây giờ thì các tử kết sắt và Phòng nhì có thể ngủ yên.

Cái sân tù này đầy ắp những câu chuyện ly kỳ, đúng sự thật cũng có mà bịa đặt cũng có. Dù sao thì chúng tôi cũng vênh tai lên mà nghe: ít nhất cũng giết được thì giờ.

Mỗi lần tôi đi ngoài, dù là khi đang ở trong sân hay trong xà-lim, Dega phải đi theo tôi, vì có hai cái plan: Dega đứng che cho tôi trong khi tôi hành động, để ngăn chặn những con mắt quá tò mò. Một cái plan đã là rầy rà, thế mà tôi mang những hai cái trong khi đó thì Galgani ốm càng ngày càng nặng. Và ở đây có một hiện tượng bí ẩn không hiểu sao được: cái plan mà tôi đút vào sau bao giờ cũng ra sau, và cái đút vào trước bao giờ cũng ra trước. Chúng nó đổi chỗ cho nhau trong bụng tôi như thế nào thì tôi không biết, nhưng kết quả là như thế đấy!

Hôm qua ở phòng cắt tóc người ta đã tìm cách giết Clousiot trong khi người thợ cạo đang cạo mặt cho anh ta. Hai nhát dao ở gần tim. Phức bảy mươi đời, anh không chết. Qua một người bạn

của anh ta tôi biết được chuyện này. Đó là một câu chuyện kỳ lạ, và có ngày tôi sẽ kể lại chuyện này. Vụ giết người này là một cuộc thanh toán nợ nần. Kẻ mưu sát sẽ chết sáu năm sau ở Cayenne vì ăn phải bichromat calium trộn vào món rong biển. Hắn đã chết trong những cơn đau khủng khiếp. Người y tá phụ mổ cho bác sĩ mổ tử thi có đưa cho chúng tôi xem một khúc ruột dài khoảng mười phân. Trên khúc ruột thấy thủng mười bảy lỗ. Hai tháng sau, kẻ đã bỏ thuốc độc cho hắn đã bị bóp cổ chết trên giường bệnh. Cho đến bây giờ người ta vẫn không biết ai đã bóp cổ hắn.

Chúng tôi ở Saint-Martin-de-Ré đã được mười hai ngày. Nhà tù chật ních. Ngày đêm lính canh thường xuyên đi tuần quanh thành.

Một cuộc ẩu đả đã nổ ra trong phòng tắm, giữa hai anh em ruột. Hai đứa đã đánh nhau dữ dội như hai con thú, và một trong hai đứa đã được đưa vào phòng giam của chúng tôi. Hắn tên là André Baillard. Họ không thể trừng phạt hắn được, hắn nói thế, vì cuộc ẩu đả này xảy ra là do lỗi của ban quản trị nhà tù: họ đã được lệnh không để cho hai anh em gặp nhau vì bất kỳ lý do nào. Khi đã biết chuyện, người ta sẽ hiểu tại sao. André đã giết một bà già sống bằng lợi tức cho vay lãi và anh hắn là Emile cất giấu món tiền lấy được. Emile bị bắt vì một vụ trộm và bị xử ba năm tù. Một hôm trong phòng giam, có cả mấy người tù khác, vì ước thằng em không chịu gửi tiền cho hắn mua thuốc lá, hắn nói toẹt ra và cam đoan rằng thế nào thằng André cũng đi đời vì chính nó giết cụ già, còn như hắn, tức Emile, chỉ cất giấu tiền mà thôi. Cho nên khi ra tù hắn sẽ không cho thằng André một xu nào. Một tù nhân liền đem kể chuyện này cho viên giám đốc nhà tù nghe.

Chẳng bao lâu André bị bắt và hai anh em bị xử tử.

Trong khu vực tử tù ở nhà lao Santé, hai đứa bị giam vào hai xà-lim kế cận. Mỗi đứa đều làm đơn xin ân xá. Đến ngày thứ bốn mươi ba, đơn của Emile được chấp thuận, nhưng đơn của André bị bác bỏ. Tuy vậy, do một biện pháp nhân đạo để nường nhẹ André, Emile vẫn bị giữ ở khu tử tù, và hai anh em mỗi ngày vẫn lần lượt được đi dạo trong sân, chân mang xiềng xích.

Đến ngày thứ bốn mươi sáu, người ta mở cửa phòng giam André vào lúc bốn giờ rưỡi. Mọi người đều có mặt đông đủ: viên giám đốc nhà tù, viên biện lý, và ủy viên công tố đã đòi xử tử André. Giờ hành quyết đã đến. Nhưng vừa đúng lúc viên giám đốc bước tới để báo tin này cho tội nhân, viên trạng sư của hắn chạy vào, theo sau là một người khác nữa trao một tờ giấy của công tố viên. Mọi người lui ra hành lang. Hạng André tắc nghẹn đến nỗi không nuốt nước miếng được nữa. Chẳng lẽ! Người ta không bao giờ chặn ngang một cuộc hành quyết đang được tiến hành. Thế mà lần này lại khác.

Mãi đến hôm sau, sau bao nhiêu giờ lo âu khắc khoải, André mới được ông trạng sư cho biết rằng trước ngày hành quyết một ngày, tổng thống Doumer đã bị một người tên là Gorguloff ám sát. Nhưng ông Doumer không chết ngay. Suốt đêm hôm ấy viên trạng sư đã túc trực trước bệnh viện sau khi báo cho Bộ trưởng Bộ tư pháp rằng nếu ngày tổng thống chết trước giờ hành quyết (từ bốn giờ rưỡi sáng đến năm giờ), ông ta yêu cầu bãi bỏ việc hành quyết vì lý do khuyết diện người chịu trách nhiệm tối cao về án tử hình. Doumer chết vào lúc bốn giờ hai phút. Viên trạng sư vội vàng báo tin cho Bộ tư pháp rồi nhảy ngay lên xe tắc-xi cùng với người cầm lệnh bãi án: ông ta đã đến muộn mất ba phút, không kịp ngăn chặn người ra mở cửa phòng giam André. Như vậy hai anh em được được giảm án thành khổ sai chung thân. Ngày bầu tổng thống mới, viên trạng sư đã đến tận Versailles, và Albert Lebrun vừa được bầu xong một cái là ông ta trình đơn xin ân xá ngay. Chưa bao giờ một vị tổng thống bác bỏ đơn xin ân xá đầu tiên được trình lên cho mình xét: ông Lebrun đã ký, thế là tôi yên lành lên đường đi Guyane”. André kết thúc câu chuyện. Tôi nhìn con người vừa thoát khỏi máy chém vào phút cuối và tự nhủ rằng dù sao những nỗi cơ cực của tôi cũng không thể so sánh với những cơn dày vò mà hắn đã phải chịu đựng.

Tuy vậy tôi không bao giờ làm thân với hắn. Nghĩ rằng hắn đã giết chết một bà già khốn khổ để lấy tiền, tôi thấy buồn nôn quá. Và chẳng hắn còn có đủ những khả năng để trốn thoát. Về sau, ở đảo Saint Joseph hắn sẽ giết anh hắn. Nhiều tù nhân đã

chứng kiến việc ày. Hôm ấy Emile đang đứng câu cá trên một tảng đá, bao nhiêu tâm trí đều dồn hết vào công việc này.

Sóng vỗ rất mạnh, át hết mọi tiếng động khác. André đến gần anh hấn từ phía sau, tay cầm một cây tre gộc dài ba mét. Hấn chỉ cần ẩy cây tre vào lưng Emile là đủ làm cho ông anh mất thăng bằng rơi xuống biển. Chỗ này cá mập nhiều vô kể: chẳng bao lâu Emile trở thành món ăn chính trong bữa ăn hàng ngày của chúng. Trong buổi điểm danh tối hôm ấy, hấn vắng mặt và được coi là mất tích trong khi mưu toan vượt ngục. Người ta không nhắc đến hấn nữa. Chỉ có bốn năm người tù đang nhốt dứa trên đảo chứng kiến cảnh này. Dĩ nhiên các tù nhân đều biết chuyện, chỉ có bọn canh sát là không hay biết gì. André Baillard không bao giờ bị họ hỏi đến. Hấn được miễn cấm cố vì “hạnh kiểm tốt”, và ở Saint-Laurent-du-Maroni, hấn được hưởng một chế độ ưu đãi. Hấn có cả một phòng giam riêng.

Một hôm có chuyện với một tù nhân khác, hấn đã xảo quyết mời người này vào phòng giam của hấn và dùng dao đâm trúng tim vị quý khách. Được công nhận là ở vào thể tự vệ hợp pháp, hấn được tha bổng. Đến kỳ bãi bỏ chế độ tù khổ sai, hấn được trả tự do, lần này cũng lại là vì “hạnh kiểm tốt”.

Saint-Martin-de-Ré đầy ắp những tù nhân. Ở đây có hai loại người rất khác nhau: tám trăm đến một ngàn tù khổ sai và chín trăm người bị đầy biệt xứ. Để trở thành tù khổ sai, phải phạm một tội nặng hoặc ít nhất phải bị buộc tội đã vi phạm luật pháp một cách nghiêm trọng. Án nhẹ nhất là bảy năm khổ sai, rồi cứ thế tăng lên từng bậc, cho đến khổ sai chung thân.

Một người bị xử tử mà được ân xá thì đương nhiên trở thành tù khổ sai chung thân. Đầy biệt xứ thì có khác. Một người bị kết án từ ba đến bảy lần thì có thể bị đầy biệt xứ. Quả tình đó đều là những tên trộm cướp thâm căn cố đế, cho nên có một điều dễ hiểu là xã hội phải tự bảo vệ bằng cách cách ly những người như thế. Tuy nhiên, một dân tộc văn minh mà phải dùng đến biện pháp đầy biệt xứ cũng thật là đáng xấu hổ. Có những kẻ ăn cắp vặt, rất vụng về vì luôn luôn bị bắt, phải chịu án đầy biệt xứ - thời bấy giờ

như vậy chung quy cũng chẳng khác gì bị tù chung thân - mà thật ra cả đời chưa ăn cắp được lấy mười ngàn francs. Chính đây là chỗ vô nghĩa lý nhất của nền văn minh Pháp. Một dân tộc không có quyền trả thù hay loại trừ một cách quá nhanh chóng những người gây phiền hà cho xã hội. Những người như thế là những người cần được điều trị nhiều hơn là phải trừng phạt một cách vô nhân đạo đến thế.

Chúng tôi đến Saint-Martin-de-Ré như vậy là đã được mười bảy ngày. Bây giờ chúng tôi đã biết tên chiếc tàu sẽ đưa chúng tôi đến nơi tù đầy: người ta gọi nó là chiếc La Martinière. Nó sẽ chở một ngàn tám trăm bảy mươi phạm nhân. Cái số tám chín trăm tù khổ sai sáng hôm nay đều được tập hợp trong sân của cái pháo đài được dùng làm nhà tù. Từ khoảng gần một tiếng đồng hồ, chúng tôi đã đứng xếp hàng mười kín cả khoảng sân hình chữ nhật. Một cánh cửa mở ra và chúng tôi thấy bước vào sân mấy người ăn mặc không giống như những tên cai tù mà chúng tôi đã từng biết. Họ mặc một thứ trang phục may theo kiểu quân sự màu xanh da trời, trông khá sang trọng. Không giống đồng phục của cảnh sát mà cũng không giống quân phục của nhà binh. Ai nấy đều thắt một cái nịt rộng bản có đeo bao súng lục. Cán súng lộ rõ ra ngoài. Họ có khoảng chừng tám mươi người. Có mấy người đeo lon. Ai nấy da đều rám nắng, tuổi tác khá chênh lệch, xê xích giữa ba mươi và năm mươi tuổi. Những người già trông dễ ưa hơn những người trẻ: bọn này ưỡn ngực ra vẻ quan trọng và hãnh diện. Nhóm chỉ huy của bọn này cùng ra với viên giám đốc nhà lao Saint-Martin-de-Ré, một đại tá hiến binh, ba bốn ông bác sĩ mặc quân phục thuộc địa và hai ông linh mục mặc áo chùng trắng.

Viên đại tá hiến binh cầm một cái loa đưa lên miệng.

Chúng tôi chờ đợi hiệu lệnh “đứng nghiêm”, nhưng không thấy có. Viên đại tá nói lớn:

- Tất cả nghe kỹ đây. Kể từ giây phút này các người được chuyển sang quyền phụ trách của những người quan chức thuộc Bộ Tư pháp đại diện cho ban quản trị trường giới của xứ Guyane thuộc Pháp mà trung tâm hành chính là thị trấn Caen. Thưa ngài

thiếu tá Barrot, tôi xin bàn giao cho ngài tám trăm mười sáu phạm nhân hiện có mặt, được ghi tên trong danh sách này. Xin ngài xác nhận cho rằng họ đều có mặt.

Cuộc điểm danh lập tức bắt đầu: “Jean Mỗ? Có! Paul Mỗ? Có! v.v... Thủ tục này kéo dài hai tiếng đồng hồ: mọi sự đều ổn thỏa. Sau đó đến cuộc trao đổi chữ ký giữa hai ban quản trị được tiến hành trên một cái bàn nhỏ mới bày ra sẵn vì mục đích này.

Thiếu tá Barrot đeo một số lon ngang với số lon viên đại tá, nhưng lon màu hoàng kim chứ không phải màu bạc như trong hiến binh. Ông ta cầm cái loa lên:

- Các phạm nhân nghe đây, từ nay về sau danh từ này sẽ được dùng thường xuyên cho các anh: phạm nhân Mỗ hay phạm nhân số bao nhiêu đấy, như người ta sẽ ấn định cho từng người. Ngay từ bây giờ các người được đặt dưới những luật lệ riêng của nhà tù khổ sai, dưới những nội quy và những tòa án nội bộ, khi cần sẽ có những quyết định cần thiết để xử lý với các người. Các tòa án tự trị này, trong trường hợp các người vi phạm điều lệ của nhà tù khổ sai, có thể xử các người từ hình phạt giam cầm đến tử hình. Dĩ nhiên những hình phạt có tính chất kỷ luật này, như giam cầm hay cấm ố, sẽ được thi hành trong các trụ sở thuộc quyền ban quản trị. Các nhân viên mà các người trông thấy ở đây được gọi là giám thị. Mỗi khi nói với họ, các người sẽ thưa: “Thưa ông giám thị”. Sau bữa ăn tối mỗi người sẽ được phát một cái bị lính thủy đựng trang phục nhà tù và mấy thứ đồ dùng cá nhân. Trong đó đã có đủ những gì cần thiết, các người không được có những thứ đồ đặc khác. Ngày mai các người sẽ lên tàu La Martinière. Chúng tôi và các người sẽ cùng đi trên chuyến tàu ấy. Các người không nên lấy làm tuyệt vọng khi phải rời đất nước: ở nơi tù đầy các người sẽ thấy dễ chịu hơn là bị cấm cố ở Pháp. Các người có thể nói chuyện, chơi, ca hát và hút thuốc, các người không sợ bị hành hạ nếu hạnh kiểm các người tốt. Tôi yêu cầu các người hãy đợi đến khi tới nhà tù khổ sai rồi hãy thanh toán những chuyện xích mích cá nhân. Trong khi tàu đang vượt biển, kỷ luật cần phải rất nghiêm minh, tôi hy vọng rằng các người sẽ hiểu điều đó. Nếu trong số các người có ai tự cảm thấy không có đủ điều kiện

thể chất để trải qua chuyến đi này, tôi yêu cầu họ đến trình diện ở bệnh xá; họ sẽ được các sĩ quan thầy thuốc đi theo trên tàu khám cho. Tôi thúc các người lên đường bình an.

Phản nghị lễ thể là xong.

- Nay bác Dega, bác thấy thế nào?

- Papillon ạ, bây giờ tôi thấy là tôi có lý khi nói rằng điều nguy hiểm nhất phải khắc phục chính là bọn tù khổ sai khác. Cái câu của ông ta nói: “Hãy đợi đến khi tới nhà tù khổ sai rồi hãy thanh toán những chuyện xích mích” thật là đầy ý nghĩa. Sẽ có bao nhiêu vụ giết người xảy ra!

- Tuy vậy bác đừng lo, bác cứ tin tôi đi. Tôi đi tìm Franeis la Passe và nói với hắn.

- Anh cậu vẫn làm y tá đấy chứ?

- Vẫn làm, anh tớ không phải là tù khổ sai, chỉ là đầy biệt xứ thôi.

- Cậu phải bắt liên lạc ngay với anh ta để xin cho được một con dao mổ. Nếu anh cậu cần trả tiền, cậu cứ cho tớ biết là bao nhiêu, tớ sẽ trả đủ.

Hai giờ sau tôi đã có được một con dao mổ cán bằng thép rất cứng. Khuyết điểm duy nhất của nó là hơi to một chút, nhưng đó là một vũ khí rất đáng sợ. Tôi đến ngồi gần dãy nhà xí ở giữa sân. Tôi đã nhờ người đi tìm Galgani để trả lại cái plan cho nó, nhưng chắc khó lòng tìm nổi một con người trong cái đám luôn luôn di chuyển trên khoảng sân rộng mênh mông chứa đến tám trăm người. Từ khi chúng tôi đến đây, Julot, le Gui~toun, Suzini đều không thấy đâu cả. Ưu thế của sinh hoạt tập thể là ở chỗ người ta được sống, được nói với nhau và cùng thuộc một xã hội chung, nếu có thể gọi đây là một xã hội. Có bao nhiêu những điều cần nói, cần nghe và cần làm, đến mỗi người ta không có thì giờ suy nghĩ nữa. Khi nhận thấy dĩ vãng mờ nhạt hẳn đi và lùi xuống hàng thứ yếu so với cuộc sống hàng ngày, tôi nghĩ rằng khi đã đến nơi rồi chắc người ta sẽ gần như quên hẳn trước kia mình là ai, tại sao mình lại rơi vào cảnh này, và làm thế nào để rơi vào đây để chỉ quan

tâm đến một điều duy nhất: vượt ngục. Tôi nghĩ như vậy là lắm, vì ngay từ đầu, cái điều có sức thu hút nhất và quan trọng nhất trước tiên là phải có sao để mà sống đã. Vậy thì bọn cảnh sát, bọn bồi thẩm, những phiên tòa đại hình, những viên chức của tòa án bây giờ ở đâu? Vợ tôi, cha tôi, các bạn tôi bây giờ ở đâu? Họ vẫn sống sờ sờ ra đấy, và mỗi người có một vị trí riêng trong lòng tôi, nhưng hình như vì cái trạng thái bưng bưng như lên cơn sốt của giờ xuất phát, của bước nhảy khổng lồ vào cõi chưa từng biết, của những tình bạn mới và những mối liên hệ quen biết khác nhau, tưởng chừng như những con người ấy không còn quan trọng như trước. Nhưng đó chỉ là một cảm giác. Mỗi khi tôi muốn, vào cái giây phút mà trí óc tôi vui lòng mở cái ngăn kéo tương ứng với từng người, họ lại sẽ có mặt đâu vào đấy.

Kìa Galgani đã đến: người ta phải dẫn hấn đến tìm tôi, vì tuy đã đeo đôi kính dày cộp, hấn chỉ trông thấy lơ mờ. Trông hấn có vẻ đỡ đỡ. Hấn lại gần tôi và im lặng và nắm chặt tay tôi, không nói một lời.

Tôi nói với hấn:

- Tôi muốn trả cái plan cho cậu. Bây giờ cậu đỡ rồi, cậu có thể tự mang lấy. Trong cuộc hành trình dài ngày này, trách nhiệm mà cậu giao cho tôi quá lớn, và lại làm sao biết được tôi với cậu có được phân chỗ gần nhau hay không, rồi đến nơi, dù có gặp được nhau nữa thì chưa chắc đã có điều kiện trao tay. Vậy cậu lấy lại ngay từ bây giờ thì hơn.

Galgani nhìn tôi, vẻ khỏ sở. Tôi giục:

- Nào, cậu ra nhà xí để tớ trao plan lại.

- Không, tôi không lấy lại đâu, anh cứ giữ lấy, tôi cho anh đấy, nó là của anh.

- Sao cậu lại nói thế

- Tôi không muốn bị chúng nó giết để lấy plan. Tôi thà sống không có tiền còn hơn là chết vì có tiền. Tôi cho anh, vì xét cho cùng không có lý do gì anh lại phải chịu liều cả tính mạng để giữ

tiền cho tôi. Ít nhất, nếu anh đã chịu hiểm họa thì điều đó phải có lợi cho anh.

- Cậu sợ à, Galgani? Người ta đã đe dọa cậu à? Có kẻ nghi ngờ là cậu có plan sao?

- Vâng, tôi bị ba tên A-rập theo dõi thường xuyên: Chính vì thế mà tôi không dám đến gặp anh lần nào, để cho chúng nó đừng nghi ngờ là tôi với anh có liên hệ với nhau. Mỗi lần tôi đi ngoài, dù ban ngày hay ban đêm, một trong ba thằng khốn ấy đều đến ngồi gần tôi. Tôi đã cố gắng làm sao - cho chúng nó thấy rõ rằng tôi không mang gì trong hậu môn (dĩ nhiên tôi cố làm như vậy một cách thật tự nhiên), thế mà chúng nó vẫn không ngừng quan sát tôi. Chúng nó đoán là có một người khác giữ hộ plan cho tôi, chỉ có điều không biết là ai mà thôi, cho nên chúng nó cố rình để biết lúc nào cái plan sẽ trở về với tôi.

Tôi nhìn Galgani và thấy rõ là cậu ta đã lâm vào tình trạng khiếp nhược vì bị đe dọa thực sự. Tôi nói: “Chúng nó hay đến chỗ nào nhiều nhất trong khoảng sân này?” Cậu ta nói: “Phía gần nhà bếp và nhà giặt đồ”, “Được, cậu cứ ở đây, tôi đến đó. À, thôi, cậu cứ đi với tôi”

Tôi đi với Galgani về phía bọn A-rập. Tôi đã lấy con dao mổ trong mũ vải ra. Bàn tay tôi cầm cán dao, lưỡi dao đặt ngược lên phía trên, lấp trong tay áo. Quả nhiên đến gần nhà bếp tôi trông thấy chúng. Chúng gồm có bốn tên: ba tên người A-rập và một tên người Corse, tên là Girando. Tôi hiểu ra ngay: chính tên người Corse này bị những người trong giới tẩy chay, đã mách chuyện này cho bọn A-rập. Chắc Girando biết Galgani là em vợ của Pascal Matra cho nên không thể không có plan được.

- Chào Mokrane thế nào, khỏe chứ?

- Khỏe, Bướm bướm ạ. Còn anh thì sao?

- Còn tôi thì đang gay đây. Tôi đến gặp các cậu để nói cho các cậu biết rằng Galgani là bạn tôi. Hễ có việc gì xảy ra với nó là tôi thết cậu trước Girando ạ; sau đó đến lượt các cậu kia. Tùy các cậu liệu lấy.

Mokrane đứng dậy. Hắn cũng cao bằng tôi, khoảng một mét bảy mươi tư, bề ngang cũng như tôi. Lời thách thức của tôi đã làm cho hắn khó chịu. Hắn phác một cú chỉ gây hấn, nhưng tôi lập tức chìa con dao mở sáng choang ra, mũi dao nhọn hoắt chĩa thẳng vào tim hắn, và nói:

- Hề mày động dậy là tao giết mày như một con chó.

Bàng hoàng vì thấy tôi cầm vũ khí ở một nơi mà người ta luôn luôn bị khám xét, lại choáng ngợp trước thái độ của tôi cũng như trước chiều dài của con dao mở, hắn nói:

- Tôi đứng dậy là để tranh luận với anh, chứ không phải để đánh nhau.

Tôi biết thừa là không phải như thế, nhưng cũng thấy rằng để cho hắn vớt vát sĩ diện trước mặt các bạn hắn là điều có lợi cho tôi. Tôi bèn dành cho hắn một lối thoát danh dự:

- Tốt. Cậu đã đứng dậy để tranh luận thì...

- Tôi không biết rằng Galgani là bạn anh. Tôi tưởng hắn là dân trưởng giả, và Bướm bướm ạ, anh cũng phải hiểu rằng ai cũng cần có chút bím để vượt ngục.

- Phải, đó là chuyện bình thường. Cậu có quyền vật lộn để giành lấy sự sống, Mokrane ạ.. Chỉ có điều là chỗ này cấm. Liệu đi tìm chỗ khác.

Hắn chìa tay ra, tôi cầm lấy. Tôi dần xếp ỏn thỏa được việc này cũng thật là may mắn, vì thật ra nếu tôi giết chết thằng này, mai tôi sẽ không lên đường được nữa. Sau đó ít lâu, tôi nhận ra rằng tôi đã phạm một sai lầm. Galgani cùng về chỗ với tôi. Tôi dặn cậu ta đừng nói cho ai biết chuyện này. Tôi chẳng muốn bị bác Dega mắng cho một trận. Tôi cố thuyết phục cho Galgani chịu lấy lại cái plan. Hắn nói: “Thế thì mai, trước khi xuất phát”. Hôm sau hắn lần đi đâu mất không sao tìm được. Và rốt cuộc tôi đành lên tàu với hai cái plan trong bụng.

Đêm hôm ấy trong căn buồng giam nhốt mười một người, chẳng ai nói gì với ai. Là vì ai nấy ít nhiều đều nghĩ rằng đây là đêm cuối cùng mình còn được sống trên đất Pháp. Mỗi người trong

bọn chúng tôi ít nhiều đều cảm thấy nuôi tiếc xót xa khi nghĩ rằng mình sắp vĩnh viễn giã từ quê hương để đến một nơi xa xôi chưa từng biết và sống một cuộc đời đọa đày, chẳng biết số phận sẽ xoay vần ra sao.

Dega cũng không nói gì. Bác ta ngồi bên cạnh tôi gần cái cửa có chấn song mở ra hành lang, nơi có nhiều không khí lọt vào hơn những chỗ khác một chút. Tôi cảm thấy mất phương hướng thật sự. Những điều chúng tôi được thông báo về nơi đang chờ đợi chúng tôi nó trái ngược nhau đến nỗi tôi không còn biết là mình nên hài lòng, nên buồn hay nên tuyệt vọng nữa. Những người cùng bị giam với tôi một phòng đều thuộc giới chúng tôi. Chỉ có anh chàng người Corse nhỏ bé ra đời trong nhà tù khổ sai không hẳn là người cùng giới. Tất cả những con người ấy đều lắng sâu vào nội tâm. Tính chất nghiêm trọng của giờ phút này đã làm cho họ hầu như hóa câm. Khói thuốc lá từ căn phòng giam bốc ra như một đám mây bị không khí trong hành lang cuốn đi, và nếu không muốn bị cay mắt thì phải ngồi trệt xuống cho thấp hơn lớp khói ấy. Không có ai ngủ, trừ André Baillard: điều đó cũng dễ hiểu, vì anh này đã tưởng mất cả cuộc sống. Đối với một người như thế thì ngoài cái chết ra, tất cả mọi thứ khác đều là một cảnh thiên đường mà dù có nằm mơ cũng không thấy được.

Cả cuộc đời tôi diễn ra trước mắt tôi như một cuốn phim: thời thơ ấu của tôi giữa một gia đình đầy tình thương yêu, đầy nền nếp, trong đó mọi người đều quen những cách xử sự phong nhã và cao thượng; những sắc hoa đồng nội, tiếng rì rào của những dòng suối, hương vị của hạt dẻ và của những trái đào trái mận mà khu vườn của chúng tôi cung cấp ê hề cho cả nhà; mùi thơm của hoa mimosa cứ đến mùa xuân lại nở rộ trước cửa; ngôi nhà ấm cúng của chúng tôi, vẻ ngoài cũng như cảnh bên trong, lần lượt hiện ra rất nhanh trước mắt tôi. Cả một cuốn phim có âm thanh trong đó tôi nghe thấy tiếng nói của người mẹ đã yêu thương tôi hết mức, rồi tiếng nói của cha tôi, bao giờ cũng ôn tồn và hiền dịu, và những tiếng sữa của Clara, con chó săn của cha tôi đang gọi tôi ra vườn để đùa nghịch; những đứa con trai và con gái đã từng chơi đùa với tôi trong những giờ phút tốt đẹp nhất của đời tôi, cuốn phim mà

tôi xem lại mặc dầu không cố ý gọi lên, chiếu ra từ cũi tiềm thức, đưa vào cái đêm chờ đợi này một cảm xúc dịu dàng để chuẩn bị cho tôi lao vào chiều sâu thăm thẳm của tương lai.

Đây là giờ phút phải làm một cuộc sơ kết. Thử coi: tôi hai mươi sáu tuổi, khỏe mạnh, trong bụng có năm ngàn sáu trăm francs thuộc quyền sở hữu của tôi, cộng thêm hai mươi lăm ngàn của Galgani, Dega bên cạnh tôi cũng có mười ngàn. Như vậy là tôi có thể coi như mình được sử dụng bốn mươi ngàn francs khi cần, vì nếu cái anh chàng Galgani ấy đã không đủ sức bảo vệ số tiền này ở đây thì còn mong gì giữ được nó khi đã xuống tàu và khi sang đến Guyane. Vả chẳng cậu ta cũng biết thế, cho nên mới không lấy lại cái plan. Vậy thì tôi có thể trông mong vào số tiền ấy, dĩ nhiên là khi dùng đến nó để vượt ngục, tôi nhất định phải đem Galgani đi theo; nhất thiết Galgani phải được hưởng cái quyền lợi đó, vì số tiền là của cậu ta chứ đâu phải của tôi. Tôi sẽ dùng nó để đem lại tự do cho Galgani nhưng chính tôi cũng trực tiếp được lợi trong đó. Bốn mươi ngàn francs là một số tiền lớn, dùng nó tôi sẽ dễ dàng mua được những người đồng lõa, tù nhân đang bị giam, tù nhân đã mãn hạn, cũng như bọn giám thị.

Cuộc sơ kết này đã đưa đến một kết quả khả quan. Hễ đến nơi, tôi phải vượt ngục ngay cùng với Dega và Galgani: đó là đề tài duy nhất mà tôi phải chú tâm vào. Tôi sờ con dao mổ và thấy hài lòng khi chạm phải lưỡi dao thép lạnh ngắt. Có được trong tay một vũ khí đáng sợ như vậy, tôi cảm thấy thêm tự tin. Công dụng của nó đã được thử thách trong khi tôi cảnh cáo bọn A-rập.

Vào khoảng ba giờ sáng, mấy người tù cầm cố đã xếp trước chân song sắt của căn phòng giam mười một cái bị lính thủy bằng vải thô đầy áp đồ đạc, mỗi cái dính một cái nhãn rõ to. Tôi có thể nhìn rõ một cái nhãn như vậy lọt vào phía trong dãy chân song. Trên nhãn có đề: C Pierre, ba mươi tuổi, một mét bảy mươi ba, khỏe người bốn mươi hai, cỡ giày bốn mươi một, số điểm danh X... Cái anh Pierre C... chính là Pierrot le Fou, một người Bordeaux đã bị tòa án Paris xử hai mươi năm tù khổ sai vì tội giết người.

Đó là một anh chàng rất đáng mến, một người của giới giang hồ, thẳng thắn và chững chạc, tôi biết rất rõ. Cái nhãn kia cho tôi biết tổ chức quản trị nhà tù khổ sai làm việc tỉ mỉ và có quy củ đến nhường nào. So với quân đội thì hơn hẳn, vì ở đây người ta phát áo quần cho lính bằng cách áng chừng, cứ mặc thử không vừa lại đổi bộ khác. Chứ ở đây mọi thứ đều được ghi tỉ mỉ và mỗi tù nhân đều được phát áo quần đúng khổ người mình. Nhìn qua tấm lưới bịt trên bề mặt cái bị, tôi có thể thấy rằng trang phục của tù nhân bằng vải trắng có sọc kẻ dọc màu đỏ. Mặc bộ đồ này đi đâu người ta cũng nhìn ra ngay.

Tôi chú ý cố làm sao cho trí óc tôi tạo ra những hình ảnh của phiên tòa đại hình, của bọn bồi thẩm, của lão công tố viên, v.v... Nhưng nó dứt khoát không chịu tuân theo và chỉ đưa ra những hình ảnh bình thường. Tôi hiểu rằng muốn sống lại những cảnh ở nhà lao Conciergerie hay Beaulieu với một cường độ như tôi đã từng sống qua, thì phải chỉ có một mình, hoàn toàn cô độc mới được. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm khi nhận chân ra điều đó, và hiểu rằng cuộc sống tập thể đang chờ đợi tôi sẽ làm nảy sinh những nhu cầu khác, những phản ứng khác, những ý đồ khác. Pierre le Fou đến gần chân song, bảo tôi: “Ồn cả chứ Papi?”.

- Còn cậu?

- Tớ thì xưa nay vẫn mơ ước đi Châu Mỹ một chuyến, nhưng vì là tay cờ bạc, tớ không sao dành dụm được một món tiền đủ để thực hiện chuyến du lịch đó. Thế mà nay bọn cớm lại đứng ra cho tớ đi Mỹ không mất tiền. Bớ thật Bướm bướm nhỉ? - Hắn nói rất tự nhiên không hề có giọng huênh hoang. Có thể cảm thấy rõ hắn thực sự tự tin - Chuyến đi du lịch không mất tiền do bọn cớm đãi tớ quả nhiên có những ưu thế của nó. Tớ thà đi đây khổ sai còn hơn ngồi tù cầm cố mười lăm năm ở Pháp.

- Còn phải xem xem kết quả cuối cùng ra sao đã, Pierrot ạ. Cậu không tin à? Phát điên trong xà-lim, hay chết vì kiệt sức trong một nhà tù cầm cố nào đó ở Pháp còn tệ hơn là mắc bệnh hủi hay bỏ mạng vì sốt rét vàng, tớ nghĩ như vậy.

- Tớ cũng thế.

- Cậu xem này, cái nhãn này là nhãn của cậu.

Pierrot cúi xuống xem kỹ cái nhãn như để đọc, rồi giả vờ đánh vắn, đoạn nói:

- Tôi nóng lòng mặc bộ quần áo này, tôi muốn mở bị ra và thắng bộ vào, họ chẳng nói gì đâu. Dù sao thì áo quần này cũng dành cho tôi.

- Thôi đi Pierrot, hãy đợi đã. Bây giờ không phải là lúc sinh sự lôi thôi. Tôi cần yên tĩnh.

Pierre le Fou hiểu ý, rời chân song ra chỗ khác. Louis Dega nhìn tôi rồi nói: “Cậu bé ơi, đêm nay là đêm cuối cùng. Ngày mai chúng ta sẽ rời bỏ nước Pháp xinh đẹp của chúng ta”. – “Cái đất nước xinh đẹp của chúng ta có một hệ thống pháp luật chẳng xinh đẹp chút nào Dega ạ. Có thể chúng ta sẽ được biết những đất nước khác không được đẹp như nước ta, nhưng có một cách xử sự nhân đạo hơn đối với những người phạm lỗi”. Lúc ấy tôi không biết là mình đã nói đúng đến mức nào: tương lai sẽ cho tôi thấy rằng mình hoàn toàn có lý. Xung quanh lại im lặng.

Xuất phát

Đến sáu giờ sáng có lệnh chuẩn bị xuất phát. Máy người tù cầm cốc đến đưa cà-phê cho chúng tôi, rồi bốn viên giám thị đến gặp chúng tôi với những chỉ thị cuối cùng. Hôm nay họ mặc đồ trắng, súng lục vẫn đeo bên hông. Hàng khuy trên cái áo trắng muốt của họ óng ánh vàng. Một người trong bọn họ có ba cái lon vàng hình chữ V trên ống tay áo bên trái, trên vai không thấy phù hiệu gì.'

- Các phạm nhân, các người sẽ ra hành lang từng hai người một. Mỗi người sẽ tìm lấy bị đồ đặc của mình, tên có đề trên nhãn. Hãy cầm lấy bị và lùi sát tường, mặt quay ra hành lang, bị để ngay trước mặt.

Phải mất đến hai mươi phút chúng tôi mới xếp hàng xong dọc hành lang, bị để trước mặt.

- Cởi áo quần ra, gấp lại cho gọn và lấy hai ống tay áo ngoài buộc lại thành bó... Được rồi. Thằng kia nhặt mấy bó áo quần để vào trong phòng giam... Bây giờ mặc áo quần mới vào, quần đùi mặc trước, rồi đến áo lót dệt kim, rồi quần sọc, áo blouson, đi tất và đi giày... Xong chưa?

- Thưa ông giám thị xong rồi.

- Tốt. Để cái áo va-rơ len ở ngoài bị phòng khi trời mưa hoặc khi nào lạnh thì mặc vào. Vác bị lên vai bên trái. Từng hai người một, nối đuôi nhau theo tôi.

Viên giám thị đeo lon đi trước, hai người kia đi hai bên, người thứ tư đi sau cùng, cứ thế đoàn người bước ra phía sân. Không đầy hai tiếng đồng hồ, tám trăm mười người tù khổ sai đã hàng lối chỉnh tề. Họ gọi tên bốn mươi người trong đó có tôi và Louis Dega cùng với ba người vượt ngục bị bắt lại là Julot, Galgani và Santini. Bốn mươi người này được xếp thành hàng mười. Mỗi hàng có một viên giám thị đi kèm bên cạnh người đứng đầu hàng. Không có xiềng, không có khóa. Ở phía trước, cách chúng tôi ba thước, có mười viên cảnh binh xếp hàng thẳng quay mặt về phía chúng tôi. Họ cầm súng trường lăm lăm trong tay, đi giắt lùi trước mặt chúng tôi trên suốt chặng đường, mỗi người được một viên cảnh binh khác dẫn đường bằng cách kéo dây nịt vai.

Cổng lớn của pháo đài mở ra và đoàn người từ từ xuất phát. Trong khi chúng tôi ra khỏi pháo đài, có nhiều cảnh binh cầm súng trường hay tiểu liên đi theo cách đoàn người khoảng hai mét. Một đám người tò mò đông như kiến được bọn cảnh binh ngăn ra hai bên: họ biết có chuyến tàu đi đây, nên kéo nhau ra xem. Đi được khoảng nửa đường tôi nghe có tiếng huýt sáo khe khẽ qua kẽ răng từ trên cửa sổ một ngôi nhà lầu đưa xuống. Tôi ngẩng đầu lên thì trông thấy Nénette vợ tôi và một người bạn của tôi là Antoine D. đứng ở một khung cửa sổ; ở một khung cửa sổ khác tôi lại trông thấy Paula, bà vợ của Dega và bạn của bác ta là Antoine Giletti. Dega cũng đã nhìn thấy họ, và thế là chúng tôi vừa đi vừa dán mắt vào hai khung cửa sổ ấy cho đến lúc không còn nhìn được nữa mới thôi. Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy vợ tôi, và cả

Antoine bạn tôi nữa: về sau anh ta sẽ chết trong một trận oanh tạc ở Marseille. Đoàn người đi hoàn toàn im lặng, không có ai nói gì. Dù là tù nhân, là giám thị, là cảnh binh hay là công chúng hiếu kỳ, ai nấy đều không dám làm kinh động cái giờ phút thực sự bi đát ấy, khi mà mọi người đều hiểu rằng đoàn tù một ngàn tám trăm người này sắp vĩnh viễn từ giã cuộc sống bình thường.

Chúng tôi lên tàu. Tốp bốn mươi người đầu tiên được đưa xuống hầm tàu, nhốt vào một cái chuồng xung quanh có bốn hàng chấn song sắt rất lớn. Trên chấn song có một cái biển bằng các-tông. Tôi đọc thấy: “phòng số 1, 40 người thuộc loạt rất đặc biệt. Cần cảnh giác thường xuyên và nghiêm ngặt”. Mỗi người được nhận một cái võng cuộn chặt lại. Xung quanh có rất nhiều vòng dính vào chấn song để treo võng. Có ai ôm hôn tôi: đó là Julot. Cậu ta thì biết rõ cảnh này lắm, vì cách đây mười năm cậu ta cũng đã đi một chuyến như thế này. Không ai có thể hiểu tình hình hơn nữa. Julot nói với tôi:

- Đến đây nhanh lên. Treo bị lên cái vòng mà cậu định dành để treo võng. Chỗ này gần hai cái cửa thông hơi kia, bây giờ thì đang đóng, nhưng ra khơi họ sẽ mở, cho nên chỗ này dễ thở hơn bất cứ nơi nào khác trong chuồng.

Tôi giới thiệu Dega với anh ta. Chúng tôi đang nói chuyện thì thấy một người bước tới, Julot liền giơ tay ra chặn lại và nói: “Nếu cậu muốn sống cho đến lúc cập bến thì đừng bao giờ đến gần chỗ này. Hiểu chưa?” – “Hiểu rồi”, người kia nói. - “Cậu có biết tại sao không?” “Có” - “Thế thì xéo đi”. Hắn bỏ đi, Dega rất mừng khi được chứng kiến cuộc biểu dương sức mạnh này, và cũng không giấu giếm điều đó: “Có hai cậu, tôi sẽ ó thể ngủ yên”. Julot đáp: “Có hai đứa chúng tôi, bác ở đây còn an toàn hơn ở trong một cái villa trên bờ biển có một khung cửa sổ mở”.

Chuyến vượt Đại tây dương đã kéo dài được mười tám ngày. Chỉ có một sự cố duy nhất: đêm nọ, một tiếng kêu lớn làm mọi người thức giấc. Một người tù đã chết, một con dao lớn cắm vào giữa hai vai. Con dao đâm từ phía dưới lên, xuyên qua võng trước khi đâm xuống lòng ngực. Đó là một vũ khí đáng kinh sợ, dài hơn

hai mươi phân. Lập tức, hai mươi lăm hay ba mươi viên giám thị chìa súng lục hay súng trường vào chúng tôi, quát:

- Tất cả, cởi hết ra, nhanh lên!

Mọi người hồi hả cởi áo quần. Tôi hiểu rằng họ sắp khám xét chúng tôi. Tôi để con dao mổ dưới bàn chân phải (lúc bấy giờ tôi không đi giày đi tất gì cả), đứng nặng về chân trái nhiều hơn vì lưỡi dao tuy đặt ngửa vẫn làm cho gan bàn chân phải của tôi đau. Tuy vậy bàn chân phải của tôi cũng lấp hết chiều dài của con dao mổ. Bốn viên giám thị đi vào chuồng và bắt đầu lục soát giày và áo quần của tù nhân. Trước khi vào họ đã để vũ khí ở bên ngoài, và người ta đã đóng cửa chuồng lại sau lưng họ, nhưng từ bên ngoài người ta vẫn quan sát chúng tôi, các họng súng chìa thẳng vào chúng tôi. Có tiếng một viên chỉ huy nói: “Hễ đứa nào nhúc nhích là chết ngay”. Trong cuộc lục soát họ phát hiện được ba con dao, hai cái đinh đóng sàn nhà mài nhọn, một cái dùi xoáy ốc mở nút chai và một cái plan bằng vàng. Sáu người được lệnh ra khỏi chuồng, mình vẫn trần truồng. Viên chỉ huy trưởng của đoàn áp giải là thiếu tá Barrot cùng đến với hai bác sĩ quân - y và viên thuyền trưởng. Khi mấy người cảnh binh đã ra khỏi chuồng, mọi người đều mặc áo quần trở lại, không cần đợi lệnh. Tôi đã giấu được con dao mổ vào chỗ cũ.

Bọn giám thị đã lùi về phía cuối gian hầm tàu. Đứng giữa là Barrot, còn mấy người khác đứng cạnh cầu thang. Trước mặt họ, sáu người tù trần truồng xếp hàng ngang đứng nghiêm.

- Cái này là của tên này, viên cảnh binh đã chỉ huy cuộc lục soát vừa nói vừa cầm lấy con dao, tay chỉ vào chủ nhân của nó.

- Đúng, của tôi đây.

- Tốt, - Barrot nói. - Người này sẽ tiếp tục chuyển đi trong xà-lim gần hầm máy.

Chủ nhân của mấy cái đinh mài nhọn, của cái dùi xoắn, của mấy con dao, lần lượt được chỉ ra và mỗi người đều thừa nhận sở hữu của mình. Vẫn trần truồng, họ bước lên thang gác, mỗi người có hai viên cảnh binh kèm hai bên. Ở giữa sàn tàu chỉ còn lại một

con dao và cái plan bằng vàng; đứng trước hai vật này chỉ còn lại một tù nhân. Hắn còn trẻ, hai mươi ba hay hai mươi lăm tuổi là cùng, người to cao, một mét tám mươi là ít, thân hình cân đối như một lực sĩ điền kinh, đôi mắt màu xanh lơ. Viên cảnh binh cầm cái plan bằng vàng đưa ra trước mặt hắn, nói:

- Cái này của mày phải không?
- Vâng, của tôi.
- Ở trong có những gì? - Thiếu tá Barrot cầm lấy cái plan nói.
- Ba trăm bảng Anh, hai trăm dollars và hai viên kim cương năm carats.
- Được, để xem. - ông ta mở cái plan ra. Vì đứng quanh ông ta có nhiều người cho nên chúng tôi không trông thấy gì mà chỉ nghe ông ta nói: “Đúng. Tên mày?”
- Salvidia Romeo.
- Mày là người Ý?
- Thưa ông vâng.
- Mày sẽ không bị phạt vì cái plan, nhưng sẽ bị phạt vì con dao.
- Xin lỗi, con dao không phải của tôi.
- Đừng nói thế, tao đã tìm thấy con dao này trong giày của mày, - viên cảnh binh nói.
- Con dao không phải của tôi, xin nhắc lại.
- Thế thì tao nói dối phải không?
- Không, chẳng qua ông nhầm.
- Thế thì con dao của ai? - Thiếu tá Barrot nói. Nếu không phải của mày thì phải là của một người nào chứ?
- Nó không phải của tôi, chỉ có thể thôi.
- Nếu mày không muốn bị luột trong căn xà-lim đặt trên nôi súp-de, thì nói đi: con dao của ai?
- Tôi không biết.

- Mày giỡn mặt tao đấy à? Con dao dáu trong giày của mày mà mày không biết là của ai? Mày cho tao là thằng ngốc sao? Một là của mày, hai là mày biết ai để nó vào đấy. Trả lời đi.

- Nó không phải là của tôi và tôi không có bốn phận nói ra cho các ông biết nó là của ai. Tôi không phải là mật thám. Mặt mũi tôi thế này mà các ông nhìn ra thành một thằng canh tù hay sao?

- Giám thị, khóa tay thằng này lại. Mày sẽ phải trả một giá đắt cho cái thái độ vô kỷ luật hỗn láo của mày.

Viên chỉ huy đoàn áp giải và viên thuyền trưởng bàn bạc gì với nhau một lúc. Viên thuyền trưởng ra một mệnh lệnh gì đó cho một viên thủy thủ trưởng, hắn liền đi lên boong. Một lát sau một thủy thủ người Bretagne to như ông hộ pháp bước xuống, tay xách một cái xô bằng gỗ đựng đầy nước biển và một sợi dây thừng to bằng cổ tay. Họ trói người tù vào bậc cuối cùng của cầu thang, ở tư thế quỳ Người thủy thủ nhúng sợi thừng vào xô rồi từ từ dùng hết sức mạnh đánh lên mông, lên sườn và lên lưng người tù đáng thương. Không một tiếng kêu nào buột ra khỏi miệng anh ta, trong khi máu chảy đỏ lôm từ đôi mông và từ bên sườn anh ta. Không khí đang im phăng phắc, thì từ chuồng giam bỗng phát ra một tiếng hét phản đối:

- Quân khốn nạn!

Thế là mọi người lập tức la ó: “Quân giết người! Thật bỉ ổi! Rõ thôi tha!” Bọn cảnh binh quát: “Im ngay! Nếu không sẽ bắn xả vào cả lũ chúng mày?” Nhưng chúng càng dọa, chúng tôi càng hét to hơn. Bỗng viên chỉ huy trưởng hô:

- Phun hơi vào!

Mấy người thủy thủ vặn hai cái bánh xe gì đó, và những tia hơi nóng phụt vào chuồng chúng tôi mạnh đến nỗi trong khoảnh khắc mọi người đều phải nằm rạp xuống. Những tia hơi nóng đều được phun ngang tầm ngực bọn tôi. Một nỗi kinh hoàng ghê gớm bao trùm lên cả cái tập thể của chúng tôi. Những người bị bỏng không dám kêu. Họ phun hơi trước sau cũng không đến một phút mà cũng đã làm cho mọi người khiếp đảm.

- Ta hy vọng rằng những kẻ cứng đầu đã hiểu ra chứ? Hễ lơ thôi một chút là sẽ ném mùi hơi nóng. Hiểu chưa? Đứng dậy!.

Chỉ có hai người bị bỏng thật sự. Họ được đưa ra bệnh xá. Người bị đánh bằng thước được đưa vào chuồng trở lại với chúng tôi. Sáu năm sau anh ta sẽ chết trong một chuyến cùng vượt ngục với tôi.

Trong mười tám ngày vượt biển, chúng tôi có đủ thì giờ hỏi han để biết ít nhiều về cảnh sống ở nhà tù khổ sai. Sau này chúng tôi mới biết là không có gì giống với những điều chúng tôi đã hình dung, mặc dầu Julot đã cố gắng hết sức để cung cấp tài liệu cho chúng tôi. Chẳng hạn, chúng tôi biết rằng Saint-Laurent-du-Maroni là một cái làng ở cách biển một trăm hai mươi cây số, nằm trên bờ con sông Maroni. Julot giảng giải cho chúng tôi:

- Làng này là nơi đặt nhà trừng giới, trung tâm của trại tù khổ sai. Việc phân loại tù được tiến hành ở trung tâm này. Những người bị đầy biệt xứ được đưa thẳng đến một nhà trừng giới gọi là Saint-Jean cách đây một trăm mười cây số. Những người tù khổ sai được phân loại ngay ra thành ba khối:

“Khối thứ nhất gồm loại rất nguy hiểm; sẽ được gọi tên ngay khi mới đến và nhốt vào các phòng giam của khu trừng giới trong khi chờ đợi được đưa đến Quần đảo Salut. Họ bị giam ở đây đến khi mãn hạn hoặc đến khi chết. Quần đảo này ở cách Saint-Laurent năm trăm cây số và cách Cayenne một trăm cây số. Quần đảo gồm có ba đảo, một là Royale; đảo lớn nhất là Saint-Joseph, nơi đặt nhà tù cấm cố của trại khổ sai; cuối cùng là đảo Quỷ, đảo nhỏ nhất. Tù khổ sai không đến đảo Quỷ, trừ một vài trường hợp ngoại lệ rất hiếm hoi. Những người được đưa đến đảo Quỷ đều là tù khổ sai chính trị

“Kẻ đến là loại nguy hiểm bậc hai: họ sẽ ở lại trại Saint-Laurent và sẽ được đưa đi làm những công việc canh tác và trồng vườn. Mỗi khi cần, người ta lại phái họ đến những trại khổ sai đặc biệt gay go: Trại Forestier, Trại Charvin, Trại Cascade, Vịnh Đỏ, Cây số 42 được mệnh danh là trại Tử thần;

“Cuối cùng là loại bình thường; họ được phân việc ở ban quản trị, ở các nhà bếp, được giao làm công việc quét dọn trong làng hay trong trại, hoặc được dùng vào những công việc của xưởng máy, xưởng mộc, xưởng may, hay làm thợ sơn, thợ rèn, thợ điện, thợ nhồi đệm, thợ giặt, v.v...

“Vây giờ G là giờ cấp bến: nếu tù nhân được gọi tên và dẫn vào phòng giam riêng, thì như thế có nghĩa là sẽ bị giam ở Quần đảo, không còn chút hy vọng nào có thể vượt ngục. Chỉ còn lại một cách duy nhất là mau mau tự gây thương tích, xẻ đầu gối hay rách bụng ra để vào bệnh viện và tính chuyện vượt ngục từ đấy. Bằng bất cứ giá nào cũng phải tránh cho được cái cơ mau bị đưa ra Quần đảo. Cũng còn có một cơ hội nữa, là nếu chiếc tàu có nhiệm vụ đưa tù nhân ra đảo bị trục trặc, thì phải đút tiền cho người y tá. Người này sẽ tiêm một mũi tinh chất terebenthin vào một khớp xương, hoặc luồn một sợi tóc tắm nước đá vào thịt để cho chỗ ấy nhiễm trùng sưng tấy lên. Hoặc giả người y tá sẽ đưa lưu huỳnh cho anh hít, rồi nói với bác sĩ là anh “sốt 40°”. Trong mấy ngày chờ đợi ấy, phải tìm cách vào bệnh viện bằng bất cứ giá nào.

“Nếu anh không bị gọi riêng ra, mà được xếp chung với những người khác trong các lán của trại, thì anh có thì giờ để hành động: Trong trường hợp đó, không nên tìm một công việc ở bên trong trại. Phải đút tiền cho viên kế toán để có được một chân đồ rác hay quét dọn trong làng, hoặc được phái đến làm ở xưởng của một thường dân làm thầu khoán ở đấy. Những khi đi ra khỏi trại để đến nơi làm việc và mỗi tối trở về trại, người ta có thì giờ bắt liên lạc với những người tù mãn hạn hiện còn ở trong làng hay với những người Tàu, để họ chuẩn bị cho anh vượt ngục. Phải tránh những trạm ở quanh làng: ở đấy rất chóng chết; có những trại trong đó không một người nào sống được quá ba tháng. Đi làm trong rừng rậm thì phải chặt đủ mỗi ngày một mét khối gỗ.

Tất cả những tài liệu quý báu này, chúng tôi đã được Julot truyền đạt dần dần trong suốt cuộc hành trình. Riêng cậu ta thì đã sẵn sàng. Cậu ta biết rằng với tư cách tù nhân vượt ngục bị bắt lại, cậu ta sẽ được đưa thẳng vào xà-lim khi tàu cập bến. Cho nên cậu ta thủ sẵn một con dao rất nhỏ, dao nhíp thì đúng hơn, dẫu

trong plan. Khi tàu cập bến, cậu ta sẽ lấy dao ra rạch đầu gối. Khi xuống tàu cậu ta sẽ vờ vấp ngã trên thang trước mặt mọi người. Cậu ta dự tính là sẽ được khiêng thẳng từ bến vào nhà thương. Mọi việc sẽ diễn ra đúng pháp như vậy.

Saint-Laurent du Maroni

Bọn giám thị đổi phiên cho nhau để đi thay áo quần. Họ lần lượt quay trở lại, mặc toàn đồ trắng và đội mũ thuộc địa thay cho kepi. Julot nói: “Sắp đến nơi rồi”. Trong hầm tàu nóng kinh khủng vì các cửa sổ đều bị đóng hết. Qua tấm kính tròn có thể trông thấy cảnh rừng rậm. Vậy là tàu đã đi vào sông Maroni. Nước sông đục ngầu, cánh rừng trinh xanh tươi và sâu thẳm. Một con chim cất cánh bay vút lên, hoảng sợ vì tiếng còi tàu. Tàu đi rất chậm, cho nên chúng tôi tha hồ ngắm kỹ cái thế giới thực vật màu xanh thăm thẳm, dày đặc và phồn vinh. Đã nhìn thấy những nếp nhà đầu tiên bằng gỗ, mái lợp tôn kẽm. Một người da đen, đàn ông có đàn bà có, đứng trước cửa nhìn chiếc tàu đi qua. Họ đã quen nhìn cảnh chiếc tàu này đổ xuống bến món hàng bằng thịt người của nó, cho nên không hề có một cử chỉ chào đón gì. Ba hồi còi và những tiếng chân vịt cho chúng tôi biết là đã đến nơi, rồi mọi tiếng máy dừng hẳn. Bây giờ thì một con ruồi bay ngang cũng có thể nghe thấy tiếng.

Không ai nói với nhau một lời. Julot đã mở con dao nhíp ra, rạch một đường trên ống quần ngang chỗ đầu gối rồi xé cho mấy đường khâu bung ra. Phải lát nữa, khi đi trên cầu cậu ta mới rạch đầu gối, để trước đó đừng có vết máu. Bọn giám thị mở cửa chuồng và bắt chúng tôi xếp hàng ba. Julot ở hàng thứ tư, một bên là Dega còn bên kia là tôi: Chúng tôi lên boong tàu. Lúc bấy giờ đã hai giờ trưa, và một vầng thái dương bằng lửa dọi thẳng vào cái đầu húi trọc và vào hai mắt tôi. Chúng tôi xếp hàng trên boong và được hướng dẫn ra cầu. Đến khi đoàn người hơi chững lại vì những người đi đầu bắt đầu bước lên cầu, tôi giữ cho cái bị của Julot đừng rơi khỏi vai, còn anh ta thì một tay cầm da đầu gối kéo căng ra, một tay cầm dao ấn lưỡi vào chỗ da ấy, chỉ một nhát cắt ngọt bảy tám phân thịt. Anh ta chuyển cái dao cho tôi và một mình giữ lấy

bị. Khi chúng tôi bước lên cầu anh ta ngã khụy và lăn lông lốc xuống đến cuối cầu. Người ta vục Julot dậy, và thấy anh bị thương, liền gọi những người khiêng cáng. Sự việc đã diễn ra đúng theo kịch bản của Julot: cậu ta được đưa vào bệnh viện trên một cái cáng hai người khiêng. Một đám đông pha tạp tò mò đứng nhìn chúng tôi. Những người da đen, lai da đen, những người thổ dân Anh-điêng, những người Tàu, những người da trắng tiều tụy trông không còn ra hồn người (chắc là tù khổ sai mãn hạn) chăm chú nhìn từng tù nhân đặt chân lên đất liền và đến xếp hàng sau lưng những người xuống trước. Bên phía đối diện, những viên giám thị, những người Âu mặc thường phục sang trọng, những bà đầm mặc áo mùa hè, những đứa trẻ con da trắng, ai nấy đều đội mũ cối thuộc địa trên đầu. Họ cũng đứng nhìn những người tù mới đến. Khi đã lên bờ được hai trăm người, đoàn tù đầu tiên này cất bước. Chúng tôi đi khoảng mười phút thì đến trước một cái cổng rất cao bằng gỗ sục, phía trên có đề: “Trạm trừng giới Saint- Lau rent du-Maroni. Sức chứa 3000 người”. Hai cánh cổng mở rộng ra và chúng tôi xếp hàng mười bước vào. “Đi đều, bước, một hai, một hai!” Một đám tù khá đông nhìn chúng tôi kéo vào. Có những người đứng trên cửa sổ hay leo lên những tảng đá lớn để nhìn cho rõ.

Vào đến giữa sân, có lệnh: đứng lại! Đặt bị xuống trước mặt. Bọn kia, phát mũ đi!” Họ phát cho chúng tôi mỗi người một cái mũ rơm. Quả thật chúng tôi đang rất cần mũ: chưa chi đã có hai ba người ngã xuống vì say nắng. Dega và tôi nhìn nhau, vì có một tên cảnh binh đeo lon đã cầm lên một cái danh sách ở trong tay. Chúng tôi nghĩ đến những điều Julot đã nói. Chắc họ sắp gọi le Guitou đứng riêng ra. Quả nhiên, le Guitou lập tức được hai viên giám thị kèm hai bên. Hấn rời hàng đi lại. Suzini cũng vậy, Girasol cũng y trang.

- Jules Pignard! (tức là Julot đấy)
- Jules Pignard nó bị thương, đi bệnh viện rồi.
- Được - Đó là những người bị cầm cố ở quần đảo.

Viên giám thị nói tiếp:

- Các người hãy nghe kỹ đây. Người nào tôi gọi tên thì vác bị ra khỏi hàng, đến xếp hàng trước mặt cái lán quét vôi vàng kia, lán số 1 ấy.

Dage, Carrier và tôi ở trong số những người được gọi ra xếp hàng trước lán. Cửa lán mở ra, và chúng tôi bước vào một gian phòng hình chữ nhật dài khoảng hai mươi mét. Ở giữa có để một lối đi rộng hai mét; bên phải và bên trái đều có một thanh sắt chạy suốt từ đầu đến cuối phòng. Những tấm vải toan dùng làm võng được căng giữa thanh sắt và bức tường, trên mỗi tấm có một cái chần. Ai muốn chọn chỗ nào thì cứ đến đấy. Dega; Pierrot le Fou, Santori, Grandet và tôi chọn chỗ nằm gần nhau, và lập tức các “xóm ở chung” hình thành. Tôi đi ra cuối phòng: bên phải là dãy buồng tắm, bên trái là dãy cầu tiêu. Không có nước máy. Bám vào chần song các cửa sổ, chúng tôi chứng kiến thủ tục phân phối chỗ ở cho những người tù đến sau chúng tôi. Louis Dega, Pierrot le Fou và tôi mừng rơn lên: chúng tôi được xếp vào một cái lán chung như thế tức là không bị cấm cố. Chứ không thì giờ này đã vào xà-lim cả rồi, như Julot đã giải thích. Mọi người đều hài lòng, mãi cho đến lúc năm giờ chiều, khi mọi việc đã xong xuôi. Lúc bảy giờ Grandet nói:

- Ngộ thật, trong đoàn tù này chưa thấy gọi tên một người nào bị cấm cố. Kỳ quặc thật. Thôi thì như thế càng hay! - Grandet là người đã lấy sạch tiền trong tủ két sắt của một nhà tù trung tâm, một vụ trộm đã làm cho cả nước Pháp cười vỡ bụng.

ở vùng nhiệt đới, đêm và ngày ập tới không có hoàng hôn mà cũng chẳng có bình minh. Ngày chuyển sang đêm và đêm chuyển sang ngày ngay tức khắc, quanh năm lúc nào cũng đúng vào giờ ấy. Đến sáu giờ rưỡi chiều, đêm sập xuống một cách đột ngột. Và cũng đúng sáu giờ rưỡi, hai người tù khổ sai già xách vào hai cái đèn dầu lửa treo lên một cái móc ở trên trần, tỏa ra một ánh sáng yếu ớt. Ba phần tư gian phòng chìm trong bóng tối. Đến chín giờ, mọi người đã ngủ say, vì sau những giờ phút kích động lúc mới đến, ai nấy đều mệt nhoài vì nóng bức. Không có một hơi gió thoảng, mọi người đều mặc quần đùi mà ngủ. Võng của tôi ở vào giữa Dega và Pierro le Fou, chúng tôi nói chuyện thì thào một lát

rồi ngủ thiếp đi. Sáng hôm sau, trời hãy còn tối thì tiếng kèn đã vang lên. Ai nấy vùng dậy, đi rửa mặt và mặc áo quần. Họ phát cà-phê, và mỗi người được một ổ bánh mì tròn. Cạnh chỗ nằm, mỗi người có một tấm ván gắn vào tường để đặt ổ bánh mì, cái cà-mèn và những đồ lặt vặt khác. Đến chín giờ thấy hai viên giám thị và một người tù khổ sai trẻ tuổi mặc đồ trắng không có sọc, bước vào lán. Hai gã cảnh sát là người Corse, họ nói tiếng Corse với những người tù đồng hương. Trong khi đó người y tá đi đi lại lại trong phòng. Đi qua chỗ tôi, anh ta nói:

- Khỏe không Papi? Cậu không nhận ra tớ à?

- Không.

- Tớ là Sierra l'Algérois, tớ đã làm quen với cậu ở nhà Dante ở Paris.

À phải, bây giờ thì tôi nhận ra rồi. Nhưng cậu đi năm hăm chín, năm nay đã là ba mươi ba mà cậu vẫn ở đây à?

Ừ cũng chẳng nhanh được đâu. Cậu khai ốm ngay đi. Còn anh này là ai?

- Dega, bạn tôi đấy!

- Tôi cũng ghi tên cho anh khám bệnh. Papi thì bị kiệt lý. Còn anh bạn già kia thì lên cơn suyễn. Tớ sẽ gặp lại các cậu ở Phòng khám bệnh lúc mười một giờ, tớ có chuyện cần nói với các cậu.

Anh ta tiếp tục đi vừa đi vừa nói to: “ở đây có ai ốm đau gì không?” Hễ có ai giơ tay là anh ta đến hỏi và ghi tên, Khi quay trở lại ngang chỗ chúng tôi, cùng đi với anh ta có một người giám thị già nua, nước da sạm:

- Papillon, tôi giới thiệu với cậu ông thủ trưởng của tôi, y tá trưởng kiêm giám thị Bartiloni. Thưa ông Bartiloni, anh này và anh này là hai bạn của tôi, như tôi đã thưa chuyện lúc nãy.

- Được rồi Sierra ạ, đến buổi khám ta sẽ dàn xếp với nhau, cậu cứ tin tôi.

Đến mười một giờ, người ta vào gọi mấy người khai ồm. Chúng tôi có chín người cả thấy. Chúng tôi đi qua trại giữa các đám tù. Khi đến trước một cái lán mới hơn và là cái lán duy nhất được sơn trắng có vẽ chữ thập đỏ, chúng tôi dừng lại và bước vào một gian phòng đợi trong đó có khoảng sáu mươi người. Ở mỗi góc phòng có hai viên giám thị. Sierra hiện ra, mình mặc một chiếc blouse trắng muốt. Anh ta nói: “Anh này, anh này và anh này, vào đi”. Chúng tôi bước vào một căn phòng có thể nhận ra ngay là phòng làm việc của bác sĩ. Anh ta nói với ba người bạn bằng tiếng Tây-ban-nha. Cái anh Tây ban-nha này thì tôi nhận ra ngay lập tức: đó là Fernandez, kẻ đã giết ba người Argentina ở hiệu cà-phê Madrid ở Paris. Khi hai người đã trao đổi với nhau mấy câu, Sierra đưa hân vào một cái buồng kín ăn thông với gian phòng, rồi ra gặp chúng tôi:

- Papi, cậu để tớ hôn cái. Tớ rất hài lòng được dịp giúp cậu và bạn cậu một việc quan trọng như thế này. Cả hai đều bị cấm cố... Ô! Cậu cứ để tớ nói! Cậu thì chung thân, còn Dega thì năm năm. Các cậu có tiền không?

Vậy thì mỗi cậu đưa đây năm trăm francs, sáng mai hai cậu sẽ được nhập viện. Cậu thì bị kiệt lực. Còn bác Dega thì thế này: đang đêm bác hãy ra đập cửa, hay tốt hơn là một cậu nào khác gọi tên gác và đòi y tá nói rằng Dega đang chết ngạt. Phần còn lại tôi sẽ lo Pappilon ạ, tôi chỉ xin cậu một điều: nếu cậu chuồn, cậu phải báo trước cho tôi biết kịp thời, tôi sẽ đứng hện. Ở bệnh viện, mỗi người trả một trăm francs một tuần thì họ có thể giữ cho nằm một tháng, làm nhanh lên.

Fernandez từ trong buồng kín đi ra và đưa năm trăm francs cho Sierra ngay trước mặt chúng tôi. Tôi liền đi vào buồng và khi trở ra tôi đưa cho anh ta không phải là một ngàn francs mà là ngàn rưỡi. Sierra từ chối cái số năm trăm francs kia. Tôi không muốn nài thêm.

Anh ta nói với tôi:

- Số bim cậu đưa cho tớ là để dứt cho viên cảnh binh. Còn tớ thì tớ không lấy gì đâu. Chúng mình là bạn kia mà?

Hôm sau, Dega, tôi và Fernandez đã nằm trong một gian phòng rộng thênh thang của bệnh viện. Dega đã được đưa về đây lúc nửa đêm. Người y tá trông nom phòng này là một người ba mươi lăm tuổi tên là Chatal. Hắn đã được Sierra dặn dò đầy đủ về ba chúng tôi. Khi nào bác sĩ qua đây, hắn sẽ cho ông ta xem một kết quả xét nghiệm trong đó ông ta có thể thấy ruột tôi đầy áp a-míp. Về phần Dega thì mười phút trước khi bác sĩ đến đến, anh ta cho đốt một ít lưu huỳnh và đưa cho bác ta hít, đầu đội một cái khăn mặt. Fernandez thì một bên má sưng vù to bằng quả dưa: anh ta đã chích thủng lớp da phía trong má và đã thổi thật mạnh trong một tiếng đồng hồ. Anh ta làm việc này một cách tận tình đến nỗi cái má ung to lấp hẳn một mắt. Gian phòng bệnh nhân đặt ở tầng lầu một của một tòa nhà khá lớn, có gần bảy mươi bệnh nhân nằm, trong đó có nhiều người bị kiệt ly. Tôi hỏi người y tá xem Julot ở đâu. Anh ta nói:

- ở tòa nhà ngay trước mặt. Cậu có muốn tớ nhấn gì không?

- Có. Nhờ cậu nói với Julot là Bướm bướm và Dega đang ở đây, cậu ấy hãy ra đứng ở cửa sổ.

Người y tá muốn ra vào phòng này lúc nào cũng được. Muốn thế anh ta chỉ cần gõ cửa, sẽ có một người A-rập ra mở ngay. Người A-rập này là một người “giữ chìa khóa”, tức một người tù khổ sai giúp việc cho các giám thị. Hai bên cửa ra vào có đặt ghế tựa cho ba viên giám thị ngồi, súng trường để sẵn một bên. Chấn song cửa sổ đều là những thanh đường ray xe lửa: tôi cứ tự hỏi không biết làm cách nào để cửa đứt những chấn song to và chắc như vậy. Tôi ngồi xuống cạnh cửa sổ.

Khoảng giữa tòa nhà của chúng tôi và tòa nhà của Julot có một mảnh vườn đầy hoa đẹp. Julot hiện ra ở cửa sổ, tay cầm một tấm bảng đen nhỏ trên đó có viết bằng phấn một chữ BRAVO (“hoan hô”). Một giờ sau người y tá đem lại cho tôi một cái thư của Julot. Anh ta viết: “tôi đang tìm cách sang phòng cậu. Nếu tôi thất bại, cậu cố sang phòng tôi. Lý do là các cậu có những kẻ thù ở bên phòng ấy. Thế ra các cậu bị phạt cấm cố à? Can đảm lên, ta sẽ thắng chúng nó”. Cái biến cố xảy ra ở nhà lao Beaulieu trong đó

hai chúng tôi cùng chịu đau đớn đã gắn chặt chúng tôi lại với nhau. Julot là chuyên gia về môn sử dụng chày vồ, cho nên mới được mệnh danh là “người cầm búa”. Cách hành động của Julot hồi còn tự do là như sau: anh ta đi xe hơi đến đỗ trước một cửa hàng bán đồ trang sức vào giữa ban ngày, vào lúc những thứ kim hoàn đẹp nhất được bày ra tủ kính phía trước. Trong khi chiếc xe hơi do một người khác lái vẫn nổ máy đứng đợi, anh ta xuống xe rất nhanh, tay cầm một cái vồ lớn bằng gỗ phang mạnh vào cửa kính, vỡ thật nhiều đồ nữ trang rồi nhảy lên xe phóng đi nhanh. Sau khi đã thành công ở Lyon, Angers, Tours, Le Havre, Julot tấn công vào một hiệu kim hoàn lớn ở Paris vào lúc ba giờ chiều, lấy đi một số đồ nữ trang trị giá gần một triệu. Anh ta chưa bao giờ kể cho tôi nghe mình đã bị nhận dạng như thế nào và tại sao. Anh ta bị xử hai mươi năm tù khổ sai, và đến năm thứ tư anh ta đã vượt ngục. Và, như anh ta đã kể với chúng tôi, chính vì trở về Paris mà anh ta bị bắt lại: anh ta đi tìm cái người trước kia vẫn oa trử những đồ anh trộm được để giết hấn, vì hấn mãi không chịu giao lại cho em gái Julot một số tiền lớn mà hấn nợ của anh ta. Hấn tình cờ trông thấy Julot tha thân trước phố hấn ở, liền báo cảnh sát. Julot bị bắt và đành trở lại về nhà tù khổ sai với chúng tôi.

Chúng tôi nằm bệnh viện đã được một tuần. Hôm qua tôi đã đưa hai trăm francs cho Chatal, đó là cái giá hàng tuần hai chúng tôi phải trả để được giữ lại ở bệnh viện. Để được kính nể, chúng tôi lấy thuốc lá ra mời tất cả những người không có thuốc lá. Một người tù khổ sai sáu mươi tuổi quê ở Marseille tên là Carora, đã kết bạn với Dega. Ông ta là cố vấn của Dega. Mỗi ngày ông ta nhắc đi nhắc lại với Dega nhiều lần là nếu Dega có nhiều tiền và ở trong làng người ta biết như thế (qua các báo từ Pháp gửi sang, ở đây người ta biết được những vụ lớn), Dega đừng vượt ngục thì hơn, vì những người tù mãn hạn đã được trả tự do sẽ giết bác ta để lấy plan. Dega nói lại cho tôi biết những buổi nói chuyện này với ông già Carora. Tôi ra sức nói cho Dega hiểu rằng lão già kia chắc chắn là một người vô tích sự, phải có thể mới đành chịu ngồi lì ở đây hai mươi năm nay, nhưng bác ta không chịu nghe. Dega bị những lời lẽ của lão già tác động rất mạnh và tôi phải khó nhọc

lắm mới giữ vững được tinh thần cho bác ta bằng niềm tin mạnh mẽ của tôi.

Tôi gửi cho Sierra một mảnh giấy yêu cầu anh ta đưa Galgani vào nằm bệnh viện. Tôi không phải đợi lâu. Ngay hôm sau Galgani đã vào viện, nhưng lại nằm trong một phòng không có chấn song. Làm thế nào để trả lại cho Galgani cái plan của cậu ta? Tôi nhắn Chatal rằng tôi hết sức cần gặp Galgani, và để cho anh ta hiểu rằng đây là một cuộc chuẩn bị vượt ngục. Chatal nói với tôi rằng anh ta có thể đưa Galgani đến gặp tôi năm phút vào lúc mười hai giờ trưa. Đến giờ đổi gác, anh ta sẽ cho Galgani ra hiên nói chuyện với tôi ở cửa sổ, và không chịu lấy tiền công gì cả. Đúng mười hai giờ trưa, Galgani được đưa đến gặp tôi ở cửa sổ. Tôi trực tiếp đưa cái plan cho cậu ta. Galgani đứng trước mặt tôi cho plan vào bụng. Cậu ta khóc. Hai ngày sau, cậu ta gửi cho tôi một tờ tạp chí trong đó có để năm tờ giấy một ngàn francs và một chữ gọn thon lớn: merci. Khi trao cho tôi tờ họa báo, Chatal đã trông thấy số tiền. Anh ta không nói gì, nhưng bản thân tôi muốn biểu anh ta chút đỉnh. Anh ta từ chối. Tôi nói:

- Chúng tôi ra đi đây. Anh có muốn đi với chúng tôi không?

- Không, Bướm bướm ạ, tôi đã hẹn với một nhóm khác phải năm tháng nữa, khi người cùng nhóm với tôi ra khỏi xà-lim, tôi mới đi được. Lúc bấy giờ cuộc vượt ngục sẽ được chuẩn bị kỹ hơn, và như thế chắc ăn hơn. Còn anh bị cấm cố, cho nên vội là phải, nhưng ở đây cửa có chấn song thế kia sẽ gay lắm đấy. Anh đừng mong nhờ tôi giúp, vì tôi không thể để mất chỗ làm này. Ở đây tôi có thể yên tâm đợi bạn tôi ra khỏi xà-lim.

- Rất tốt Chatal ạ. Ở đời phải trung thực, từ nay tôi sẽ không nói gì với cậu về việc ấy nữa.

- Tuy vậy, tôi vẫn sẽ tiếp tục đưa thư cho anh và làm những việc anh nhờ.

- Cảm ơn Chatal.

Đêm hôm ấy có tiếng tiểu liên bắn mấy loạt. Sáng hôm sau chúng tôi được biết rằng “người cầm búa” đã vượt ngục. Tôi cầu

mong Thượng đế phù hộ cho anh ta; đó là một người bạn tốt. Chắc anh ta gặp được một cơ hội nào đấy và đã thừa cơ bỏ trốn. Thôi cũng mừng cho anh.

Mười lăm năm sau, tức vào năm 1948, tôi đang ở Haiti, cùng đi với một nhà triệu phú người Venezuela đến gặp ông chủ nhiệm Casino để thương lượng ký hợp đồng quản lý sòng bạc ở Haiti. Một đêm, tôi vừa uống sâm-banh trong một tiệm rượu ra, thì một trong những cô gái cùng đi với chúng tôi, người đen như than nhưng có giáo dục như một cô gái nhà lành ở một tỉnh lẻ bên Pháp nói với tôi:

- Bà ngoại em làm thầy lễ đạo vaudou, hiện nay sống với một ông già người Pháp. Đó là một người tù Cayenne vượt ngục. Hai ông bà ở với nhau đã được hai mươi năm nay. Ông ta suốt ngày say khướt. Tên ông ta là Jules Marteau.

Tôi lập tức tỉnh rượu:

- Cô bé hãy dẫn tôi đến nhà bà ngoại cô ngay.

Cô ta dùng phương ngữ Haiti nói với người lái tắc-xi đang phóng hết tốc độ. Khi đi qua một hộp đêm sáng trưng, tôi bảo dừng xe lại rồi chạy vào mua một chai Pernod, hai chai sâm-banh, hai chai rum nội địa. Xe lại lên đường. Chúng tôi đến bờ biển, xe đỗ trước một ngôi nhà đom đống tường sơn trắng, mái lợp ngói đỏ, nước biển vào đến gần sát bậc thềm. Cô gái gõ cửa hồi lâu mới thấy một bà già cao lớn, tóc bạc trắng, ra mở. Bà ta mặc một cái áo thụng dài đến tận mắt cá. Hai người đàn bà nói gì với nhau bằng tiếng địa phương một lúc, rồi bà già nói: "Mời ông vào trong, ngôi nhà này là của ông". Một ngọn đèn đất soi sáng một căn phòng rất sạch, bày những lồng chim và bể cá.

- Ông muốn gặp Julot à? Xin ông đợi cho một chút, ông ấy ra ngay. Jules, Jules! Có người muốn gặp ông đây này.

Mình mặc một bộ pyjama sọc xanh khiến tôi nhớ lại đồng phục của nhà tù khổ sai, một ông già đi chân không bước ra.

- Nào, bà Cục Tuyết nói lại nghe coi, ai lại đến thăm tôi vào giờ này? Bướm bướm! Không, chẳng lẽ? - Julot ôm chầm lấy tôi và

nói: - Đưa cái đèn lại đây, bà Cục Tuyết, để tôi nhìn mặt thằng bạn già chút nào. Thôi đúng rồi, đích thị. Chính cậu đây rồi! Thế là cậu là thượng khách. Ngôi nhà này, món tiền tôi đang có, đứa con gái của vợ tôi, tất cả đều là của cậu. Cậu chỉ cần nói một tiếng.

Chúng tôi đã cùng uống hết chai Pernod, hai chai sâm-banh, hai chai rum, và thỉnh thoảng Julot lại cất tiếng hát.

Thế là rốt cục cánh ta vẫn thắng chúng nó cậu nhỉ? Cậu thấy chưa, không có gì tuyệt bằng phiêu lưu mạo hiểm. Như tớ đây đã đi qua Colombia, Panama, Costa Rica, la Jamaica, để rồi cách đây chừng hai mươi năm, dừng lại ở đây và tìm được hạnh phúc với Cục Tuyết là người đàn bà tốt nhất mà một người đàn ông có thể gặp được trên đời này. Bao giờ cậu đi. Cậu ở đây có lâu không?

- Không, một tuần thôi.

- Cậu đến đây có việc gì?

- Ký hợp đồng trực tiếp với chủ nghiệm Casino về quyền quản trị sòng bạc ở đây.

- Cậu ạ, tớ cũng muốn rằng cậu ở lại đây suốt đời với tớ trong cái xóm tiêu phu đốt than này, nhưng nếu cậu đã bắt liên hệ với thằng cha chủ nhiệm ấy thì cậu chớ làm gì chung lưng với hắn, hắn sẽ cho người ám sát cậu khi thấy công việc của cậu phồn vinh.

- Cám ơn lời khuyên.

- Còn bà Cục Tuyết, bà hãy chuẩn bị cuộc vũ hội đạo vaudou “không dành cho khách du lịch” đi. Một cuộc vũ hội thú thiết cho bạn tôi!

Vào một dịp khác tôi sẽ kể cho các bạn nghe cái buổi vũ hội trứ danh này của đạo vaudou, “không dành cho khách du lịch”.

Vậy là Julot đã vượt ngục, còn tôi, Dega, Fernandez vẫn đang chờ đợi. Thỉnh thoảng tôi lại nhìn những chân song cửa sổ, cố làm ra vẻ vô tư. Đó quả là những khúc đường ray xe lửa thật, không tài nào phá được. Bây giờ chỉ còn lại cửa lớn. Ngày đêm lúc nào cũng có ba tên giám thị có súng ngồi canh. Từ khi Julot vượt ngục, việc canh phòng càng thêm cẩn mật. Những lượt đi tuần dày

hơn, ông bác sĩ không được ân tình như trước. Chatal mỗi ngày chỉ đến hai lần để tiêm thuốc và đo nhiệt độ cho bệnh nhân. Lại một tuần nữa trôi qua, tôi lại trả thêm hai trăm francs, Dega thì nói đủ các thứ chuyện, trừ chuyện vượt ngục. Hôm qua bác ta trông thấy con dao mổ của tôi, hỏi luôn:

- Cậu vẫn giữ con dao ấy đấy à? Để làm gì thế?

Tôi bực bội trả lời:

- Để bảo vệ cái thân tôi và cả cái thân bác nữa khi cần.

Fernandez không phải người Tây-ban-nha, cũng không phải người Argentina. Đó là một người khá, một tay giang hồ chân chính, nhưng chính anh ta cũng bị tác động vì những câu chuyện của lão già Carora. Một hôm tôi nghe thấy anh ta nói với Dega: “ở Quần đảo hình như khí hậu tốt lắm chứ không phải như ở đây, mà không nóng lắm. Nằm trong phòng này rất dễ lây bệnh kiết lỵ vì chỉ cần đi ngoài là có thể bị vi trùng dính vào rồi”. Trong căn phòng dành cho bảy mươi bệnh nhân này ngày nào cũng có một hai người chết vì bị kiết lỵ.

Có một điều kỳ thú đáng lưu ý là họ đều chết vào lúc triều lên buổi chiều hay buổi tối. Chưa có một người bệnh nào chết vào buổi sáng. Đó là một điều bí ẩn của thiên nhiên.

Đêm hôm ấy tôi có một cuộc thảo luận với Dega. Tôi nói với bác ta rằng thỉnh thoảng ban đêm tên giữ chìa khóa người A-rập lại vào phòng đến giở chặn đắp của những người ốm nặng trùm chăn kín mặt. Đó là một hành động rất sơ hở. Chúng tôi có thể đánh vào đầu cho nó ngất xỉu, mặc áo quần của nó vào (chúng tôi đều chỉ mặc sơ-mi dài và đi dép, ngoài ra không có gì khác).

Đóng bộ xong, tôi sẽ đi ra và bất thành linh giật súng của một tên gác cửa, chĩa súng vào mặt chúng nó, bắt chúng nó vào phòng rồi khóa trái cửa lại. Sau đó chúng tôi sẽ nhảy qua tường của bệnh viện ở phía sông Maroni, lao xuống nước rồi để cho luồng nước cuốn đi. Sau đó sẽ hay. Sẵn có tiền, chúng tôi sẽ mua một cái thuyền và một ít lương thực để vượt biển. Cả Dega lẫn Fernandez đều dứt khoát bác bỏ kế hoạch này, lại còn phê phán tôi nặng lời

nữa. Tôi thấy rõ là họ đã nản chí cho nên rất thất vọng. Trong khi đó thời gian cứ trôi qua.

Chúng tôi nằm đây đã được gần ba tuần. Tôi đã chỉ còn mười, mười lăm ngày để chuẩn bị vượt ngục.

Hôm nay là ngày hai mươi một tháng mười một năm 1933, một ngày đáng ghi nhớ. Một bệnh nhân mới bước vào phòng: đó là Joanes Clousiot, người mà họ đã tìm cách ám sát ở Saint-Martin, trong phòng cắt tóc của nhà lao. Hai mắt anh ta nhắm nghiền, đầy những mủ, anh ta hầu như đã mù. Khi Chatal đã ra khỏi phòng, tôi đến cạnh Clousiot. Rất nhanh, anh ta nói với tôi rằng mấy người tù cầm cố kia đã lên đường ra Quần đảo mười lăm hôm nay rồi, nhưng riêng anh ta thì họ bỏ quên. Cách đây ba hôm, một nhân viên kế toán đã báo cho anh ta biết. Anh ta liền bỏ một hạt thầu dầu vào mắt: mắt anh sưng mủ lên cho nên anh được đưa vào đây. Clousiot rất quyết tâm vượt ngục.

Anh ta nói với tôi rằng anh ta sẵn sàng làm tất, kể cả giết người nếu cần, miễn sao đi được. Anh ta có ba nghìn francs. Khi đã được rửa mặt bằng nước nóng anh ta liền nhìn rõ ngay. Tôi trình bày dự định vượt ngục cho anh nghe. Anh ta tán thành, nhưng lại nói rằng muốn đánh úp bọn giám thị phải có hai người, nếu được thì ba càng tốt. Có thể tháo chân giường ra, mỗi người cầm một cái (chân giường làm bằng sắt) để đánh vào đầu bọn gác. Theo anh ta thì dù có cầm súng chĩa vào chúng nó, chúng nó cũng sẽ không tin rằng mình dám bắn, và chúng nó có thể gọi bọn gác ở tòa nhà kế cận, nơi Julio đã trốn thoát, chỉ cách chỗ chúng tôi không đầy hai mươi mét.

III. VƯỢT NGỤC LẦN THỨ NHẤT - TRỐN KHỎI NHÀ THƯƠNG

Tối hôm ấy tôi gặp Dega, và sau đó là Fernandez. Dega nói với tôi là bác ta không tin tưởng vào kế hoạch vượt ngục của tôi; bác ta định đủ một số tiền lớn, nếu cần, để được miễn cầm cố. Bác ta yêu cầu tôi viết thư hỏi Sierra xem thử làm như thế liệu có được không. Ngay hôm ấy Chatal đưa thư đi và đem thư trả lời về cho chúng tôi. Sierra viết: “Đừng dứt tiền cho bất cứ ai để xin miễn cầm cố. Việc này chỉ có các quan chức bên Pháp giải quyết được, còn ở đây thì không có một ai, kể cả viên giám đốc trại khổ sai, có thể miễn cho tù nhân chế độ cầm cố. Nếu không còn hy vọng gì vượt ngục từ bệnh viện, các anh có thể tìm cách xin ra viện một ngày sau khi chiếc tàu chuyên chở tù nhân ra Quần đảo (chiếc Mata) đã lên đường”.

Làm như vậy sẽ được nằm lại tám ngày ở khu vực giam thường trước khi có chuyến tàu sau ra đảo, và có lẽ ở đây dễ vượt ngục hơn là ở gian phòng chúng tôi hiện đang nằm ở bệnh viện. Cũng trong cái thư ấy, Sierra nói rằng nếu tôi muốn anh ta sẽ cho một người tù khổ sai đã được trả tự do đến gặp tôi để nếu cần tôi có thể nhờ anh ta chuẩn bị cho một chiếc thuyền để sẵn ở phía sau bệnh viện. Người tù mãn hạn này là một người quê ở Toulouse, tên là Jésus. Cách đây hai năm, chính hắn đã chuẩn bị cho cuộc vượt ngục của bác sĩ Bougrat. Muốn gặp hắn, tôi sẽ phải đến chiếu điện ở phòng X-quang. Phòng này cũng nằm trong phạm vi bệnh viện nhưng muốn đến đó tù nhân phải có giấy gửi đi khám X-quang. Sierra dặn tôi là nếu đi chiếu điện phải bỏ plan ra trước khi đến phòng X-quang, vì bác sĩ có thể nhìn thấy nó nếu ông ta soi xuống phía dưới phổi. Tôi gửi giấy cho Sierra bảo anh ta cứ cho Jésus đến phòng X-quang và nhờ Chatal thu xếp cho tôi được đi chiếu điện.

Ngay tối hôm ấy Sierra báo cho tôi biết rằng buổi chiều điện là vào ngày kia, chín giờ sáng.

Ngày hôm sau, Dega xin ra viện, cả Fernandez cũng thế. Chiếc Mata vừa đưa tù cầm cố ra Quần đảo hồi sáng sớm. Hai người hy vọng có thể trốn từ khu vực giam tù thường trong trại. Tôi chúc họ may mắn, còn tôi thì vẫn không thay đổi kế hoạch.

Tôi đã gặp Jésus. Đó là một người tù khổ sai già đã được trả lại tự do, khô như một con mắm, da mặt đen sạm, có hai vết sẹo gớm ghiếc chéo qua mặt. Hắn có một con mắt cứ chảy nước mắt sống khi nhìn người ta. Một gương mặt ghê sợ, một cái nhìn cũng ghê sợ không kém. Tôi không thấy tin hắn cho lắm, và sự thể sau này sẽ chứng minh rằng tôi có lý. Chúng tôi đi vào việc ngay:

- Tôi có thể chuẩn bị cho các anh một chiếc thuyền chở được bốn người, tối đa là năm. Một thùng ton-nô nước ngọt, một ít lương thực, cà-phê, thuốc lá; ba cái chèo kiểu thổ dân, mấy cái bao bột không, một cây kim và mấy sợi chỉ để anh tự khâu lấy buồm chính buồm phụ; một cái la bàn, một cái rìu, một con dao, năm lít rượu tafia (rượu rum xứ Guyane) cả thảy hết hai ngàn năm trăm francs. Ba ngày nữa thì hết tuần trăng. Sau bốn ngày, nếu anh đồng ý, tôi sẽ ngồi trong thuyền đợi các anh từ tám giờ tối đến ba giờ sáng trong tám đêm liền. Khi bắt đầu có trăng non tôi sẽ không đợi nữa. Địa điểm đợi là ở chỗ chiếu thẳng từ góc phía dưới của bức tường bệnh viện. Cứ theo đúng hướng bức tường mà đi xuống phía sông, vì sẽ không trông thấy thuyền đâu. Cách hai mét cũng chưa trông thấy được”.

Tôi không tin lắm, nhưng tôi vẫn ưng thuận.

- Còn tiền thì sao? - Jésus hỏi.

- “Tôi sẽ gửi qua Sierra”. - Tôi với hắn từ giã nhau mà không bắt tay. Công chuyện chẳng có vẻ gì lạc quan cho lắm.

Đến ba giờ, Chatal đến trại đưa tiền cho Sierra, hai ngàn năm trăm francs. Tôi tự nhủ: “Mình đánh bạc số tiền này, coi như có mất cũng thôi. Cũng nhờ có Galgani mới chơi sang thế được. Miễn sao hắn không nường hết cả hai ngàn rưởi tờ vào rượu tafia”.

Clousiot vui mừng khôn xiết. Anh ta tin vào bản thân, tin vào tôi và vào kế hoạch vượt ngục. Anh ta chỉ băn khoăn có một điều: không phải đêm nào cũng thế, nhưng có nhiều đêm tên “giữ chìa khóa” người A-rập lại đi vào phòng bệnh nhân, mà lại thường là vào lúc đầu hôm, chưa khuya lắm. Còn một vấn đề nữa: biết chọn đâu ra một người thứ ba để cùng bàn việc này? ở đây có một cậu người Corse, thuộc giới giang hồ thành phố Nice, tên là Biangi. Cậu ta ở tù khổ sai từ 1929. Cậu bị giam ở phòng bệnh dành cho tù nhân cần giám sát nghiêm ngặt này là vì cậu can tội giết người. Clousiot với tôi bàn nhau xem có nên nói với cậu ta không, và nói vào lúc nào. Chúng tôi đang thăm thì bàn bạc như vậy thì cậu ta đến: đó là một thư sinh mười tám tuổi, đẹp lộng lẫy như một thiếu nữ. Họ cậu ta là Maturette, cậu bị xử tử rồi được giảm án xuống khổ sai chung thân vì còn quá ít tuổi - mười bảy tuổi - Cậu ta can tội giết chết một người lái tàu. Tham gia vụ này có hai cậu, một cậu mười sáu tuổi, một cậu mười bảy. Ra tòa đại hình, hai cậu bé này không những không buộc tội lẫn nhau mà còn khẳng khẳng chứng minh rằng chính mình, và chỉ có một mình mình thôi, đã giết người lái xe. Thế nhưng trên người nạn nhân chỉ có một vết đạn. Thái độ của hai cậu bé trong phiên tòa đại hình đã làm cho tất cả các phạm nhân khổ sai ở đây yêu mến họ. Vậy thì Maturette, dáng dấp giống hệt con gái, đến cạnh chúng tôi và cất tiếng thổ thề xin lửa hút thuốc. Chúng tôi liền châm thuốc cho cậu ta, lại cho thêm bốn điều thuốc và một hộp diêm. Cậu ta mỉm một nụ cười đầy sức quyến rũ cảm ơn chúng tôi rồi lui ra. Bỗng Clousiot nói với tôi: “Papi ạ, thôi ổn rồi. Thằng A-rập sẽ vào phòng hoàn toàn theo ý chúng mình cho mà xem. Cậu cũng biết bọn A-rập rất thích con trai vào tuổi măng tơ như cậu ấy. Từ đó đến chỗ dụ thằng giữ chìa khóa kia lên vào phòng ban đêm để tự tình với cậu bé xinh trai chẳng có gì khó. Cậu ta sẽ uốn éo vờ làm khó dễ, nói là chỉ sợ nhớ ai người ta trông thấy, để thu xếp sao cho thằng A-rập vào phòng đúng giờ vào chúng tôi cần.

- Để tôi bàn với cậu ấy.

Tôi đi gặp Maturette. Cậu ta tiếp tôi với một nụ cười đầy ý khuyến khích. Cậu ta tưởng tôi đã “cảm” vì nụ cười lãng lơ ban

này. Tôi nói ngay: “Cậu làm rồi. Đi vào nhà xí một lát”. Vào đến nhà xí, tôi bắt đầu thương lượng.

- Những điều tôi sắp nói với cậu, nếu cậu hờ ra cho ai lấy một tiếng là cậu toi mạng ngay. Đây: cậu có thể làm thế này, thế này và thế này giúp chúng tôi được không? Chúng tôi sẽ trả tiền; cậu muốn lấy bao nhiêu? Hay cậu muốn đi với chúng tôi?

- Tôi muốn đi với các anh, được không?

- Xong ngay! Cứ thế nhé? Cứ thế! - Chúng tôi xiết chặt tay nhau.

Maturette đi ngủ. Tôi gặp Clousiot nói qua cho cậu ta biết tình hình xong cũng đi ngủ nốt. Tối hôm sau đến tám giờ Maturette ra ngồi ở cửa sổ. Cậu ta không phải gọi thằng A-rập. Tự nó dẫn xác đến, thế là hai người bắt đầu nói chuyện rì rầm với nhau một lúc. Đến mười hai giờ Maturette đi ngủ. Tôi và Clousiot thì đã đi nằm từ lúc chín giờ, giả vờ ngủ. Thằng A-rập đi vào phòng, dạo hai vòng, phát hiện ra một bệnh nhân vừa chết. Hấn ra cửa gõ mấy tiếng, và một lát sau có hai người khiêng cáng vào đem xác chết đi. Người xấu số kia sẽ có ích cho chúng tôi vì cái chết của anh ta sẽ là một cái cớ để cho tên giữ chìa khóa A-rập có thể vào phòng bất cứ giờ nào trong đêm. Theo đúng lời khuyên của chúng tôi, hôm sau Maturette hẹn gặp hấn lúc mười một giờ đêm. Đúng giờ ấy, tên giữ chìa khóa vào phòng. Đi ngang giường cậu bé, hấn kéo chân đánh thức cậu ta dậy rồi đi thẳng vào nhà xí. Maturette liền đi theo. Mười lăm phút sau tên giữ chìa khóa ra và rời phòng bệnh nhân. Maturette lập tức đi ngủ lại, không phải nói gì với chúng tôi nữa. Ngày hôm sau cũng lại như thế, nhưng vào lúc mười hai giờ đêm. Mọi sự đều ổn: thằng A-rập sẽ đến đúng vào giờ cậu bé dậy.

Ngày 27 tháng mười một năm 1933, chúng tôi đã sẵn sàng hành động. Hai cái chân giường bằng sắt đã được mở vít sẵn, muốn tháo ra lúc nào cũng được. Tôi đợi đến bốn giờ chiều sẽ có giấy của Sierra cho biết những tin tức cuối cùng. Đúng giờ, Chatal đến, không cầm giấy má gì, chỉ nói với tôi “Francois Sierra bảo tôi

nói với anh là Jésus đợi các anh ở địa điểm đã định. Chúc các anh may mắn. Đến tám giờ tối, Maturette nói với thằng A-rập:

- Hôm nay anh đợi quá nửa đêm hăng đến: vào quãng ấy có thể gặp nhau lâu hơn.

Thằng A-rập hẹn đến sau mười hai giờ. Đúng nửa đêm, chúng tôi đã chuẩn bị xong mọi thứ. Đến mười hai giờ mười lăm thằng A-rập vào, đi thẳng đến giường Maturette kéo chân cậu ta rồi đi tiếp vào nhà xí. Maturette vào theo hấn. Tôi tháo chân giường của tôi ra, nó rơi xuống sàn, hơi ồn một chút. Bên giường Clousiot thì không có tiếng động. Theo kế hoạch, tôi phải đứng sẵn bên cửa nhà xí, còn Clousiot thì cứ đi thoải mái đến chỗ nhà xí để thu hút sự chú ý của hấn. Sau một thời gian chờ đợi khoảng hai mươi phút, mọi sự việc diễn ra rất nhanh. Thằng A-rập từ trong nhà xí đi ra. Trông thấy Clousiot, hấn ngạc nhiên hỏi:

- Giờ này anh còn đứng giữa phòng làm cái gì thế? Đi ngủ đi.

Ngay tức khắc, hấn bị một đòn “con thỏ” đánh vào giữa sọ, im lặng ngã khụy xuống. Tôi lập tức mặc áo quần của hấn vào, đi cả giày của hấn. Chúng tôi lôi hấn vào gầm giường, và trước khi đẩy hấn vào phía trong, tôi bồi thêm cho hấn một vố nữa vào gáy. Thế là xong được một việc.

Cả tám mươi bệnh nhân nằm trong phòng không thấy một người nào động dậy. Tôi đi nhanh về phía cửa ra vào, theo sau có Clousiot và Maturette mặc áo ngủ dài. Tôi gõ cửa. Tên giám thị vừa mở ra là tôi giáng cho một phát chân giường sắt lên đầu. Tên thứ hai để khẩu mousqueton trượt xuống đất. Chắc chắn là hấn ngủ quên. Hấn chưa kịp thức giấc thì tôi đã đánh hấn gục xuống. Mấy tên của tôi không kịp kêu, còn cái thằng bị Clousiot đánh thì chỉ “A!” lên một tiếng khẽ trước khi gục xuống. Hai tên tôi vừa đánh gục trên ghế, còn tên thứ ba thì nằm dài ra đất. Chúng tôi nín thở. Cái tiếng “A?” kia chúng tôi tưởng chừng như cả nhân loại đều nghe thấy. Quả tình tiếng kêu ấy cũng khá to, nhưng chẳng thấy ai động tĩnh gì cả. Chúng tôi không đưa chúng vào phía bên trong phòng làm gì. Chúng tôi cứ thế bỏ đi, cầm theo ba khẩu súng. Clousiot đi đầu, cậu bé đi giữa, còn tôi đi sau cùng. Chúng

tôi đi xuống cái thang gác sáng mờ mờ dưới ánh đèn dầu. Clousiot đã bỏ cái chân giường sắt, còn tôi vẫn cầm nó theo trong tay trái tay phải tôi cầm khẩu súng trường. Xuống đến tầng dưới cùng chẳng thấy gì. Xung quanh tối đen như mực. Phải nhìn thật kỹ mới trông thấy bức tường đi về phía bờ sông. Chúng tôi vội ra chân tường. Tôi đứng áp vào tường làm thang cho các bạn leo lên. Clousiot leo lên ngồi cưỡi trên bức tường rồi lôi Maturette lên, sau đó là tôi. Chúng tôi buông người xuống phía bên kia tường, trong bóng tối. Clousiot rơi vào một cái hốc, kêu đau chân. Maturette và tôi xuống ổn hơn. Cả hai chúng tôi đứng dậy. Chúng tôi đều đã buông khẩu mousqueton trước khi nhảy xuống. Clousiot toan đứng dậy nhưng không sao đứng được. Anh ta nói là gãy mệ nó cái chân rồi. Tôi để Maturette đứng lại với Clousiot, lần theo bức tường chạy về phía bờ sông, vì tối quá nên hai tay tôi cứ phải sờ sờ lên tường. Chạy đến hết tường nào cũng không hay, hai tay bị hụt ngã một cái như trời giáng, tường đến vỡ mặt. Từ phía sông có giọng ai nói với lên:

- Các cậu đây à?

- Ủ! Jésus đây à?

- Ủ!

Hắn quẹt diêm lên trong khoản nửa giây. Tôi đã xác định được chỗ hắn đứng, liền lội xuống nước đi đến đấy. Cùng đứng với Jésus còn có một người nữa.

- Lên trước đi. Ai đấy?

- Papillon đây.

- Tốt.

- Jésus à, phải đi trở lại phía sau, bạn tôi bị gãy chân trong khi trèo tường.

- Thế thì cầm lấy cái này, chèo đi.

Ba cái chèo pagaie vục xuống nước và chẳng bao lâu chiếc xuồng nhẹ đã vượt qua cái khoảng cách chừng một trăm thước từ

chỗ xuống chờ đến chỗ các bạn tôi (tôi đoán chừng chỗ ấy, vì tôi quá chẳng trông thấy gì).

Tôi gọi: “Clousiot?”.

- Khẽ chứ, trời đất - Jésus nói. Này l' Enflé, bật đá lửa lên chút nào! Mấy tia lửa xanh xanh lóe ra. Các bạn tôi đã trông thấy. Clousiot khẽ huýt sáo qua kẽ răng theo kiểu dân Lyon: đây là kiểu huýt sáo không ồn nhưng lại nghe rất rõ, hơi giống tiếng huýt của loài rắn. Cậu ta cứ thế huýt liên tục một lúc, cho đến khi chúng tôi đến nơi. l' Enflé bước xuống ôm xóc Clousiot đưa lên xuống. Maturette lên theo, rồi đến l' Enflé. Trên xuống như vậy có đến năm người, nước chỉ còn cách mạn xuống có hai lông tay.

- Hề muốn động đây phải nói trước nhé, - Jésus nói, - Bướm bướm, đừng chèo nữa, cái chèo đặt nằm ngang trên đùi ấy. Đi thôi l' Enflé!

Lập tức chiếc xuống theo dòng lao vào đêm tối. Đi được chừng một cây số, chúng tôi đã đến ngang tầm khu trại tù sáng mờ mờ dưới ánh điện tời tàn do một cái máy phát điện hạng bét phát ra. Lúc bấy giờ xuống đang ở giữa dòng sông và trôi bằng băng theo dòng, với một tốc độ khó tưởng tượng nổi. L' Enflé đã nhấc chèo lên. Chỉ có Jésus áp mái chèo sát đùi giữ thẳng băng cho chiếc xuống. Hắn không chèo mà chỉ giữ cho xuống đi thẳng. Jésus nói: “Bây giờ thì có thể nói và hút thuốc được rồi. Hình như ổn cả. Cậu có chắc là vừa rồi các cậu không làm ai chết không?”

- Tôi tin như vậy.

- Trời đất! Thế là cậu bịp tớ rồi đấy Jésus ạ! – l' Enflé nói. - Cậu bảo đây là một chuyến vượt ngục thường thôi chẳng có chuyện gì hóa ra là một cuộc vượt ngục của dân cầm cố, theo như tớ hiểu.

- Đúng, đây là dân cầm cố, l'Enflé ạ. Tớ không nói cho cậu biết từ đầu là vì nói ra cậu đời nào chịu giúp tớ. Thế mà tớ lại đang cần một người giúp. Cậu đừng lo có chuyện gì tớ sẽ đứng ra chịu hết.

- Thế mới phải, Jésus ạ. Ăn của cậu có một trăm tớ mà bị xử tử hay bị chung thân thì ớn quá. (Nếu trong một cuộc vượt ngục

mà có một người canh tù bị giết thì phạm nhân và đồng lõa đều bị xử tử, còn nếu có một người bị thương thì họ sẽ bị khổ sai chung thân). Tôi nói:

- l'Enflé ạ, tớ sẽ biếu thêm hai cậu một ngàn francs.

- Thế thì được, anh bạn ạ. Như thế là hợp lẽ. Cám ơn cậu, trong làng chúng tớ chết đói đến nơi cả. Được thả còn tệ hơn là khi đang ở tù. Ít ra khi ở tù còn có cái ăn cái mặc hàng ngày.

- Cậu có đau lắm không? - Jésus hỏi Clousiot.

- Không sao, - Clousiot nói. - Nhưng Papia ạ, với cái chân gãy của tôi thì còn làm ăn gì?

- Sẽ thu xếp sau. Bây giờ ta đang đi đâu thế này, Jésus?

- Tớ sẽ đưa các cậu đến nấp trong một cái vịnh cách cửa biển ba mươi cây số. Các cậu sẽ ở lại đây tám ngày để cho qua giai đoạn căng nhất trong cuộc săn lùng của bọn cảnh sát và bọn đi săn người thuê. Phải làm cho họ tưởng là ngay đêm nay các cậu đã đi hết sông Maroni và ra đến biển rồi. Bọn săn người đi thuyền không gần máy, đáng sợ hơn cả. Nói chuyện, ho, đốt lửa đều có thể đưa đến kết quả tai hại nếu chúng nó đang rình ở nơi nào gần đây. Còn bọn cảnh sát thì đi xuống máy không vào vịnh được, vì sẽ mắc cạn.

Đêm sáng dần. Cả bọn đi tìm mãi mới lần ra được chỗ Jésus đặt mồi (chỉ có một mình hắn biết chỗ này), và thuyền chúng tôi bắt đầu đi vào một vùng bụi bờ rậm rạp. Chiếc xuồng làm cho bụi bờ rạp hẳn xuống, và khi xuồng đã đi qua thì nó lại trôi dậy ở sau lưng chúng tôi, làm thành một bức màn bảo vệ khá dày. Phải là một tay phù thủy mới biết được rằng chỗ này có đủ nước cho một chiếc thuyền đi qua được. Chúng tôi cứ thế đi sâu vào vùng bụi bờ trong một tiếng đồng hồ, vừa đi vừa gạt những cành cây chắn trước mặt. Bỗng nhiên chúng tôi thấy thuyền đã đi vào một thứ kênh thế là chúng tôi dừng lại. Bờ kênh cỏ mọc xanh rờn, rất sạch sẽ, có những cây đại thụ sum sê, cành lá tỏa rất rộng, ánh sáng ban ngày (lúc bấy giờ đã sáu giờ sáng) không lọt qua được. Dưới vòm lá uy nghiêm này vang lên tiếng kêu của những lời muôn thú

mà tôi chưa hề biết. Jésus nói: “Đây là nơi các cậu phải ở lại chờ tám ngày. Đến ngày thứ bảy tôi sẽ đến đưa lương thực cho các cậu”.

Từ dưới một bụi rậm hần lồi lên một con thuyền độc mộc nhỏ xíu dài chừng hai mét. Trong thuyền có hai mái chèo. Đây là cái thuyền hần sẽ dùng để trở về làng khi nước triều lên.

Bây giờ ta hãy lo việc cho Clousiot lúc ấy đang nằm trên bờ kênh. Vì cậu ấy vẫn mặc mỗi chiếc áo ngủ dài, cho nên hai chân cậu vẫn để trần. Chúng tôi dùng rìu để lại mấy cái cành khô cho thẳng, thành hình những thanh gỗ mỏng. L'Enflé cầm chân cậu kéo thật mạnh. Clousiot toát mồ hôi cố chịu đau. Đến một lúc nào đấy cậu nói: “Stop! Ở tư thế này tôi thấy đỡ đau hơn cả, chắc xương lấp đúng rồi”. Chúng tôi lấy mấy cành cây đã dẻo thẳng lấp dọc cái chân gãy, lấy dây gai mới trong chiếc thuyền buộc lại. Clousiot thấy nhẹ hần. Jésus đã mua cho chúng tôi bốn cái quần, bốn cái sơ-mi và bốn cái áo va-rơ bằng len thuộc, bộ đồng phục của những người bị đầy biệt xứ. Maturette và Clousiot mặc cái thứ đó vào, còn tôi vẫn để nguyên bộ đồ của tên “giữ chìa khóa” người A-rập. Cả bọn cùng uống rượu rum. Đây là chai thứ hai được uống cạn kể từ khi lên đường. May thay, cũng ấm người lên thật. Muối tấn công chúng tôi không ngớt: đành phải hy sinh một bó thuốc lá. Chúng tôi ngâm thuốc lá trong một cái gáo rồi lấy nước bôi lên mặt, lên tay, lên chân. Nhờ có mấy cái áo va-rơ bằng len cho nên mới giữ được hơi ấm trong cái không khí ẩm thấp cứ thấm sâu vào người chúng tôi.

L'Enflé nói: “Chúng tôi đi đây. Thế cái món một ngàn tì kia đâu?”.

Tôi đi ra chỗ khác một lát rồi trở về, tay cầm một tờ giấy bạc một ngàn francs mới toanh.

- Thôi ở lại nhé, tám ngày tới cứ ở lý chỗ này, - Jésus nói. - Đến ngày mùng bảy chúng tớ sẽ đến. Ngày mùng tám là các cậu ra khơi. Trong thời gian này các cậu khâu buồm, thu dọn trên thuyền cho thật đâu ra đấy. Vặn cho chặt bản lề bánh lái: “Chúng tớ chưa kịp lắp. Nếu đợi đến mười ngày mà không thấy chúng tớ đến thì

tức là chúng tớ đã bị tóm ở trong làng. Vì chuyện này lại có thêm vụ đánh tên giám thị cho nên tình hình gay lắm”.

Đến đây Clousiot lại cho chúng tôi biết rằng anh ta không để lại khẩu súng trường ở chân tường, mà trước khi trèo anh ta đã ném nó qua tường, không ngờ sông lại gần thế, cho nên khẩu súng bây giờ chắc chắn là nằm dưới nước. Jésus cho rằng như thế rất hay, vì nếu tìm không thấy khẩu súng đâu, bọn săn người sẽ nghĩ là chúng tôi có súng. Bọn này lại là bọn nguy hiểm hơn cả, vì chúng sục sạo sâu hơn bọn cảnh sát, nhưng vũ khí của chúng chỉ có một khẩu súng lục và một con dao phát bờ: tưởng chúng tôi mang theo khẩu mousqueton, chúng sẽ không dám sục sạo nữa. Hai bên chào tạm biệt nhau. Jésus dặn thêm là trong trường hợp bị lộ chúng tôi phải bỏ xuống, đi ngược dòng kênh cho đến khoảng bụi rậm không ngập nước, rồi cứ dùng địa bàn nhắm thẳng hướng bắc mà đi mãi. Có rất nhiều khả năng chúng tôi sẽ gặp, sau hai ba ngày đi bộ, khu trại chết người gọi là “Charvein”. Đến đó thì phải thuê tiền một người nào về báo cho Jésus biết là chúng tôi đang ở đâu..

Hai người tù khổ sai mãn hạn đã bỏ đi. Chỉ mấy phút sau, chiếc thuyền độc mộc của họ đã khuất hẳn, không còn nghe thấy gì, trông thấy gì nữa. Ánh sáng ban ngày lọt vào rừng rậm theo một cách thức thật là đặc biệt. Người ta có cảm tưởng như mình đang đứng dưới những cái mái vòm che ánh sáng và không để lọt một tia nào xuống phía dưới. Trời bắt đầu nóng bức. Lúc bấy giờ chúng tôi mới chợt nhận ra rằng chỉ còn ba đứa chúng tôi, Maturette, Clousiot và tôi ở lại với nhau mà thôi chứ không còn ai khác nữa. Phản xạ trước tiên: chúng tôi nhìn nhau cười lớn - công chuyện vừa qua cứ chạy êm ru như có lắp ổ bi. Chỉ có một chuyện hơi phiền là cái chân của Clousiot. Nhưng bản thân anh ta thì cứ nói rằng bây giờ đã buộc nẹp rồi thì mọi sự đều ổn. Có thể đun nước pha cà-phê ngay. Thế là chúng tôi nhen bếp lên, và một lát sau mỗi đứa uống một ca cà phê đen bỏ đường thô. Ngon tuyệt. Từ tối hôm qua chúng tôi đã tiêu phí nhiều năng lượng đến nỗi bây giờ không sao có đủ can đảm soát lại đồ đạc hay xem xét chiếc thuyền. Để sau rồi hẵng hay. Bây giờ chúng tôi đã được tự do, tự

do, Tự Do! Kể từ khi chúng tôi đến trại khổ sai cho đến hôm nay là đúng ba mươi bảy ngày. Nếu chuyến vượt ngục này thành công, cái án chung thân của tôi chẳng lấy gì làm dài hạn. Tôi nói: “Thưa ngài chánh án, án chung thân ở Pháp chừng bao lâu thì mãn hạn ạ?” Rồi cười phá lên. Maturette cũng vậy, vì cậu ta cũng bị án chung thân. Clousiot nói: “Chúng mình khoan hăng ca khúc khải hoàn. Xứ Colombia còn xa lắm, mà cái thuyền làm bằng một thân cây thui lửa này tôi trông khó lòng đi biển được”.

Tôi lặng thinh không đáp, vì tôi, nói thật ra, mãi cho đến phút cuối tôi vẫn cứ tưởng rằng chiếc thuyền này chỉ là một cái xuống dốc một dốc để đưa chúng tôi đến nơi đầu chiếc thuyền đi biển thực sự. Khi thấy rõ mình nhầm, tôi không dám nói gì, sợ ảnh hưởng đến các bạn ngay từ bước đầu. Mặt khác, vì thấy Jésus có vẻ như coi việc dùng một chiếc thuyền như thế này để vượt bể là điều hoàn toàn tự nhiên, tôi không muốn làm cho mọi người có cảm giác là mình không thông thạo về những thứ thuyền thường vẫn dùng để vượt ngục.

Chúng tôi đã qua cái ngày đầu tiên này để nói chuyện và để tiếp xúc với cái môi trường lạ này: rừng rậm. Lũ khỉ và những loài sóc nhỏ nhào lộn trên đầu chúng tôi. Một đàn bakir (một giống heo rừng nhỏ) đến uống nước và ngụp lặn. Dễ đến hai ngàn con là ít. Chúng ụa vào vịnh bơi lội tứ tung, giật đứt những rễ cây rũ lòng thòng trên mặt nước. Một con cá sấu cai-man không biết từ đâu xông ra ngoạm chân một con heo bakir: con này ré lên thất thanh, thế là cả bầy heo xông vào con cá sấu, trèo cả lên lưng nó, tìm cách cắn vào mép nó. Mỗi lần con cá sấu quẫy đuôi là một con heo văng ra, quay tít mấy vòng rồi mới rơi xuống. Một con bị đuôi cá sấu quật vỡ đầu nổi lênh bênh, bụng ngửa lên trên. Lũ đồng loại lập tức xúm lại ăn thịt nó.

Cái vịnh đỏ ngầu những máu. Cảnh này diễn ra trong khoảng hai mươi phút. Con cá sấu lặn đi đâu mất, không thấy trở lại nữa. Đêm hôm ấy chúng tôi ngủ rất ngon, và đến sáng lại pha cà-phê: Tôi cởi bỏ cái áo va-rơ để tắm rửa bằng bánh xà-bông Marseille tìm thấy trong thuyền. Maturette dùng con dao mổ của tôi cạo râu cho tôi một cách grosso modo* (*đại khái -tiếng La-tinh

thường dùng trong sách vở, ở đây dùng có ý hài hước), rồi cạo cho Clousiot, còn bản thân cậu ta thì không có râu. Khi tôi cầm chiếc va-rơ lên định mặc vào thì thấy rơi ra một con nhện to tướng, mình mấy lông lá, màu đen tím, hầy còn dính vào áo bằng một sợi tơ. Lông con nhện rất dài, ở đầu mút như có một hòn bi nhỏ màu bạch kim. Nó nặng đến năm trăm gam là ít, trông nó to đùng. Tôi thấy tởm quá, liền đâm cho nó chết ngay. Chúng tôi đã lấy tất cả các thứ trong lòng thuyền ra, kể cả cái thùng ton-nô nhỏ đựng nước. Nước trong thùng màu tím, chắc là Jésus, muốn cho nước khỏi thối, đã cho quá nhiều thuốc tím vào đấy. Trong mấy cái chai đây nút rất kỹ có đựng diêm và vỏ quet. Cái đĩa bàn chỉ là thứ đĩa bàn của học trò con nít; nó chỉ cho Nam, Bắc, Đông, Tây, không có đường ghi độ: Cột buồm chỉ cao được hai mét rưỡi, thành thử chúng tôi lấy mấy cái bao bột khâu buồm thành hình thang, bên rìa có đính một sợi dây cho thêm chắc. Tôi làm một tấm buồm foc hình tam giác cân, sẽ lắp ở mũi thuyền cho nó dễ nhấc bổng lên mỗi khi có đợt sóng ngược chiều.

Khi chúng tôi cắm cột buồm, tôi nhận thấy đáy thuyền không chắc: cái lỗ tròn để đút cột buồm vào mòn lở hết. Khi vặn mấy cái vòng có trục xoắn ốc xuống gỗ để lắp bản lề bánh lái, trục sắt cứ lún tuột vào gỗ như thỏi cắm vào bơ. Chiếc thuyền này mục quá rồi. Cái thằng Jésus khôn kiếp ấy nó đưa chúng tôi vào chỗ chết. Tôi miễn cưỡng chỉ cho hai bạn thấy rõ điều này: tôi không có quyền giấu họ. Biết làm thế nào bây giờ? Khi nào Jésus đến chúng tôi sẽ bắt hấn tìm một cái thuyền chắc chắn hơn. Muốn thế, chúng tôi sẽ tước khí giới hấn, và tôi sẽ thủ con dao và cầm cây rìu cùng đi với hấn vào làng để kiếm một cái thuyền khác. Làm như thế rất nguy hiểm, nhưng vẫn không nguy hiểm bằng ra khơi trên cái thứ quan tài kia. Lương thực thì như thế cũng đủ: có một bi-đông dầu ăn và mấy hộp bột sắn lớn. Với từng ấy thứ có thể đi xa được. Sáng hôm ấy chúng tôi chứng kiến một cảnh khá ngộ nghĩnh: một bầy khỉ mặt xám đánh nhau với một bầy khỉ mặt đen lông xù. Trong cuộc ẩu đả này chúng đã ném xuống một khúc cành cây rơi trúng đầu Maturette, làm nổi lên một cục u to bằng quả ổi. Chúng tôi ở lại chỗ này đã được năm ngày và bốn đêm. Đêm hôm

nay mưa như trút. Chúng tôi che thân bằng những tàu lá chuối dại. Nước chảy như suối trên mặt lá trơn, nhưng chúng tôi chẳng bị ướt chỗ nào trừ hai chân. Sáng hôm sau ngồi uống cà-phê tôi nghĩ mà thấy ghê người vì sự bất lương của thằng Jésus: đây là một tội ác đáng ghê tởm. Hắn đã lợi dụng sự thiếu kinh nghiệm của chúng tôi để thay cho chúng tôi cái xuống mục ruỗng này! Để bớt lại năm trăm hay một ngàn quan, hắn đã đành tâm đưa ba con người tới chỗ chết chắc chắn. Tôi cứ tự hỏi xem sau khi đã bắt hắn đổi được chiếc thuyền khác liệu tôi có tự kiềm chế được để đừng giết hắn hay không.

Chợt những tiếng chim gì kêu the thé làm náo động cả cái thế giới nhỏ của chúng tôi, nhưng tiếng kêu lạnh lốt, chói chang đến nỗi tôi phải bảo Maturette lấy con dao phát đi xem thử. Năm phút sau cậu ta quay về và ra hiệu cho tôi. Tôi liền đi theo. Chúng tôi đi đến một nơi cách chỗ để thuyền khoảng trăm rưỡi mét: tôi nhìn thấy một con chim trĩ hay gà lôi gì đấy treo lủng lẳng trên không. Chân nó bị mắc vào một sợi thông lọng buộc trên cành cây. Bằng một nhát dao phát, tôi chặt đầu nó để chấm dứt những tiếng kêu ghê người của nó. Tôi nhắc thử trên tay: dễ phải đến năm ki-lô là ít. Chân nó có cựa như chân gà. Chúng tôi quyết định đem nó về làm thịt ăn, nhưng lại chợt nghĩ ra rằng cái dây thông lọng ắt phải có người treo lên, và chắc quanh đây còn có nhiều dây thông lọng khác nữa. Thử tìm xem đã. Chúng tôi quay trở lại chỗ kia thì thấy một hiện tượng rất lạ: cách vịnh khoảng mười mét có cả một dãy rào đan bằng lá và dây leo cao ba mươi phân chạy dài song song với bờ vịnh. Cứ cách một quãng lại có một chỗ để ngỏ, và ở mỗi chỗ như thế lại có một sợi dây thông lọng bằng thau ngụy trang bằng những nhánh cây, một đầu buộc vào một cái cành cây chia đôi. Tôi hiểu ngay ra rằng con chim từ phía vịnh đi vào tất phải vấp vào dây rào và phải đi dọc rào để tìm lối vào. Gặp chỗ hở, nó liền đi qua, nhưng chân nó vướng vào sợi dây làm cho cành cây bật lên. Thế là con chim bị treo ngược trên cành cho đến khi chủ nhân mấy cái bẫy đến bắt nó về.

Cuộc phát hiện này làm cho chúng tôi rất lo. Dãy rào có vẻ được trông nom khá tốt, hẳn không phải là rào cũ, và nếu thế thì

chúng tôi có nguy cơ bị người làm rào phát hiện. Ban ngày không thể đốt lửa lên được, nhưng ban đêm thì người kia chắc không đến đây làm gì. Chúng tôi cắt phiên nhau gác để đề phòng phía dây rào có đặt bẫy. Chiếc thuyền được giấu dưới một lớp cành cây và bao nhiêu đồ đạc, lương thực đều được đưa vào rừng rậm giấu hết.

Hôm sau phiên gác của tôi trúng vào khoảng mười giờ. Tối hôm qua chúng tôi vừa ăn com chim trĩ hay con gà lôi gì đấy, chúng tôi cũng chẳng biết nữa. Nồi nước suýt thật là béo bổ, và thịt con chim, tuy chỉ luộc lên thôi, mà ngon tuyệt vời. Mỗi đĩa ăn đến hai cà-mèn. Tôi đứng gác nhưng vì mãi mê nhìn đàn kiến sấn lớn màu đen đứng tha mỗi con một dấm mảnh lá lớn về một cái tổ kiến khổng lồ, tôi quên cả gác. Mấy con kiến này dài khoảng một phân rưỡi, chân rất cao.

Mỗi con tha mấy mảnh lá rất lớn. Tôi đi theo chúng đến tận chỗ cái cây chúng đang lột lá, và được thấy cả một tổ chức có qui củ. Trước hết có những con kiến chuyên cắt lá thành từng mảnh. Chúng nó xén một tàu lá to thuộc loại chuỗi rừng thành từng mảnh kích thước rất đều nhau một cách hết sức khéo léo rồi thả rơi xuống đất. Ở phía dưới có một hàng kiến cùng giống với bọn kia nhưng hơi khác một chút: bên cạnh hàm chúng có một cái vạch màu xám. Mấy con kiến này đứng thành hình bán nguyệt, giám sát bọn kiến tha lá. Bọn này từ bên phải nối đuôi nhau kéo đến chỗ nhận các mảnh lá rồi đi về phía trái, phía tổ kiến.

Chúng nó nhanh nhẹn lĩnh phần mình rồi đi vào hàng, nhưng thỉnh thoảng có những con hấp tấp trong khi nhận phần hay xếp hàng gây thành tình trạng nghẽn lối. Lúc bấy giờ mấy con kiến cảnh sát xông vào can thiệp và đẩy từng con vào đúng chỗ của nó. Có một con kiến thợ, không hiểu đã phạm một lỗi gì nặng mà bị lôi ra khỏi hàng, và hai con kiến cảnh binh, con thì cắt đứt đầu nó ra, con thì cắt người nó ra làm hai mảnh ở chỗ ngang thắt lưng. Hai con kiến thợ bị bọn kiến cảnh sát chặn lại, chúng đặt chỗ lá đang khiêng xuống, đào một cái lỗ, và ba cái mảnh của con kiến bị xử tử: đầu ngực và bụng, bị vùi xuống lỗ và đắp đất lên.

Đảo bồ câu

Tôi đang mải mê đứng ngắm cái thế giới tí hon này và theo dõi mấy con kiến cảnh binh xem thử sự giám sát của chúng có đến tận sát cửa vào tổ kiến hay không, thì bỗng có tiếng người nói:

- Không được động đây. Hễ nhúc nhích là chết ngay... Quay lại!

Đó là một người cời trần, mặc quần soọc ka ki, chân đi một đôi ủng da màu đỏ, tay cầm một khẩu súng hai nòng. Người ấy tầm vóc trung bình, to ngang, nước da cháy nắng. Đầu hấn hói trán, quanh hai mắt và ở vùng mũi xăm chàm rất đậm, làm thành một cái mặt nạ vẽ. Ngay giữa trán có xăm hình con gián.

- Anh có vũ khí không?

- Không.

- Anh có một mình à?

- Không.

- Các anh có mấy người?

- Ba.

- Anh đưa tôi đến chỗ các bạn anh đi.

- Không được, vì một trong hai người có một khẩu mousqueton, và tôi không muốn anh bị bắn chết trước khi biết ý định của anh.

- À! Vậy thì anh phải đứng yên và nói khe khẽ một phút. Các anh chính là ba tù nhân vừa trốn khỏi bệnh viện phải không?

- Vâng.

- Ai là Bươm bướm?

- Tôi đây.

- À thế thì anh có thể coi như anh đã gây ra cả một cuộc cách mạng ở trong làng với cuộc vượt ngục của anh! Một nửa số phạm nhân mãn hạn đã bị bắt giải về sở hiến binh.

Hắn bước lại gần tôi, nòng súng chĩa thấp xuống đất chìa tay ra cho tôi bắt và nói:

- Tôi là Le Breton Mặt nạ. Anh đã từng nghe nói về tôi chưa?
- Chưa, nhưng tôi thấy rõ anh không phải là kẻ săn người.
- Đúng đấy. Tôi đặt bẫy ở đây để bắt chim hocco. Hồ ăn mất của tôi một con rồi... nhưng cũng có thể là các anh.
- Chúng tôi ăn đấy.
- Anh uống cà-phê nhá?

Trong cái xác hắn đeo sau lưng có một cái bình thủy. Hắn rót ra cho tôi một ít cà phê, và bản thân cũng uống một ít. Tôi nói:

- Đến gặp các bạn tôi đi.

Hắn đến, và ngồi xuống với chúng tôi. Hắn cười khe khẽ một mình về câu chuyện khẩu mousqueton mà ban nãy tôi đã bịa ra để lòe hắn. Hắn nói:

- Thế mà ban nãy tôi tưởng thật, vì không có một tên săn người nào chịu nhận đi tìm các anh: ai nấy đều biết rằng các anh có mang theo một khẩu mousqueton.

Le Breton Mặt nạ giảng giải cho chúng tôi biết rằng anh ta đã ở Guyane được hai mươi năm và đã ra khỏi tù được năm năm nay. Anh ta bốn mươi lăm tuổi. Vì đã lỡ đại đột xăm hình lên mặt, anh ta không nghĩ đến chuyện về Pháp nữa. Anh ta rất mê rừng và toàn sống nhờ vào rừng: da rắn, da hổ, sư tử, bươm bướm, và nhất là bắt chim hocco - con chim mà chúng tôi vừa ăn. Anh ta kể cho chúng tôi nghe như sau:

- Đây là một giống chim hoang dã thuộc loại gà rừng. Dĩ nhiên nó chưa bao giờ tiếp xúc với gà nhà hay với người. Tôi đặt bẫy bắt sống giống chim này, đem vào làng và bán cho người nào có chuồng gà, vì đây là giống chim rất được ưa chuộng. Còn phải nói. Chẳng cần vật lồng cánh, chẳng cần làm gì, cứ thế đến sâm tối cho nó vào chuồng gà, đến sáng mở cửa chuồng là nó ra đứng trước cửa có vẻ như đang đếm số gà trống và gà mái đang ra chuồng. Nó đi theo đàn gà, và cũng ăn như gà, nhưng vừa ăn vừa

đưa mắt nhìn kỹ bốn phía mười phương, quan sát cả các bụi rậm ở xung quanh.

Đó là một con chó giữ gia cầm không có gì sánh kịp. Đến tối nó về đứng ở cửa chuồng gà, và không thể hiểu nó làm thế nào mà biết được còn thiếu con nào, chỉ biết là nó biết, và lập tức đi tìm. Dù gà trống hay gà mái, hễ tìm ra là nó mổ rõ đầu vào để dạy cho chú gà kia biết giờ biết giấc. Nó giết chuột đồng, rắn, nhện, rết, bọ cạp, và hễ thoáng có bóng một con điều hâu xuất hiện trên nền trời là nó lùa cả đàn gà vào đám cỏ rậm trong khi bản thân nó đứng ra đối địch với kẻ thù. Đã đem nó về là nó không rời chuồng gà bỏ đi nữa.

Một con chim lạ lòng như thế mà chúng tôi đã luộc ăn như một con gà tầm thường.

Le Breton Mặt nạ cho chúng tôi biết rằng Jésus, l'Enflé và khoảng ba chục cựu phạm nhân hiện đang bị giam ở sở cảnh binh Saint-Laurent; ở đây họ đến xem các tù nhân mãn hạn, xem thử có nhận ra một người nào đã từng rình mò xung quanh tòa nhà mà chúng tôi đã ở trước khi trốn đi không. Thằng “giữ chìa khóa” người A-rập thì bị nhốt xà-lim ở sở cảnh binh. Hắn bị giam cách ly, vì họ nghi là hắn đồng lõa với chúng tôi. Hai cú chân giường sắt đã làm cho hắn ngất đi nhưng không để lại chút thương tích nào, còn bọn cảnh sát thì chỉ bị sưng đầu nhẹ. “Còn tôi thì cảnh sát không động đến, vì ai cũng biết tôi không bao giờ nhúng tay vào các vụ vượt ngục”. Le Breton nói với chúng tôi rằng Jésus là một thằng rất khôn nạn. Khi tôi nói tới chiếc xuồng, anh ta đòi xem. Vừa trông thấy nó anh ta đã kêu lên:

- Nó thí mạng các anh còn gì. Cái xuồng này sẽ không bao giờ nổi lấy được một tiếng đồng hồ trên mặt biển. Hễ gặp phải một ngọn sóng hơi mạnh một chút, khi dập xuống nó sẽ vỡ ra làm đôi ngay. Chớ có đi chiếc xuồng này: chẳng khác gì tự sát.

- Thế thì biết làm cách nào bây giờ?
- Anh có tiền không?
- Có.

- Bây giờ tôi nói cho anh biết rõ phải làm gì, hơn nữa, tôi sẽ giúp anh: anh xứng đáng được giúp đỡ. Tôi sẽ giúp không thôi, sao cho anh và các bạn anh thành công. Vì bất cứ lý do gì các anh cũng không được đến gần làng. Muốn có được một cái thuyền tốt, phải đến đảo Bồ câu. Trên đảo này có gần hai trăm người hủi. Ở đây không có giám thị, và không bao giờ có một người nào lành mạnh đến đây, kể cả thầy thuốc. Cứ mỗi ngày vào lúc tám giờ, một chiếc xuồng đưa lương thực đến cho người trên đảo đủ dùng trong hai mươi bốn tiếng, toàn đồ ăn sống. Viên y tá bệnh viện nhà lao giao một thùng thuốc cho hai viên y tá của đảo (đều mắc bệnh hủi), chuyên chăm sóc bệnh nhân trên đảo. Không có một ai, dù là cảnh sát, linh mục hay bọn săn người, đặt chân lên đảo. Những người hủi sống trong mấy túp nhà tranh nhỏ do chính họ dựng lên. Họ có một căn nhà chung để hội họp. Họ nuôi gà vịt để cải thiện bữa ăn hàng ngày. Họ không được công khai bán bất cứ thứ gì, nhưng họ vẫn bí mật giao dịch mua bán với Saint-Laurent, Saint-Jean và với dân Tàu ở Guyane thuộc Hà-lan, ở Albina. Họ đều là những kẻ sát nhân thuộc loại nguy hiểm. Rất ít khi họ giết lẫn nhau, nhưng họ rất hay bí mật ra khỏi đảo, phạm một tội ác rồi sau đó lại trở về ẩn náu trên đảo. Để thực hiện những chuyến đi ấy, họ có một số thuyền lấy trộm được của dân làng bên. Ở đảo này, tội nặng nhất là có một chiếc thuyền. Cảnh sát được lệnh bắn vào bất cứ thuyền nào đi vào đảo Bồ câu hay ra khỏi đảo. Vì vậy bọn hủi nhận chìm thuyền của họ xuống nước và lấy đá chặn cho thuyền khỏi nổi lên. Mỗi khi cần đến thuyền, họ lặn xuống nước bỏ đá ra, thế là thuyền lại nổi lên. Trên đảo có đủ các giống người, từ khắp các miền của nước Pháp.

Kết luận: cái xuồng của anh chỉ có thể dùng trên sông Maroni mà thôi, mà với điều kiện là không chở nặng quá! Muốn ra biển phải kiếm một chiếc thuyền khác và cách tốt nhất là đến đảo Bồ câu mà tìm.

- Làm thế nào để đến đây?

- Đây. Tôi sẽ cùng đi với anh trên sông cho đến khi trông thấy đảo. Nếu đi một mình, anh sẽ không tìm ra hoặc có thể nhầm sang đảo khác. Đảo này cách cửa sông một trăm năm mươi cây số.

Vậy phải quay trở lại phía sau. Nó ở phía trên Saint - Laurent đến năm mươi cây số. Tôi sẽ đưa anh đến thật gần đảo, sau đó tôi sẽ chuyển sang xuồng của tôi (ta sẽ kéo nó theo) và một mình anh sẽ hành động trên đảo.

- Tại sao anh không lên đảo với chúng tôi?

- Trời ơi, - Le Breton nói. - Tôi đặt chân lên bến ván của họ có một lần (cái bến ván này là nơi ghé chính thức của thuyền Ban quản trị). Hồi đó là giữa ban ngày, thế mà những điều tôi trông thấy đã đủ cho tôi ngán lắm rồi. Anh tha thứ cho tôi, Papi ạ, nhưng cho tới chết tôi sẽ không bao giờ còn đặt chân lên đảo này nữa. Và chẳng tôi sẽ không khắc phục nổi cái cảm giác ghê tởm khi đứng gần họ, khi phải nói chuyện, phải thương lượng với họ. Như vậy tôi sẽ có hại hơn là có lợi cho anh.

- Bao giờ thì đi?

- Sớm lắm tôi thì đi.

- Thế bây giờ là mấy giờ rồi, Breton?

- Ba giờ.

- Được thế thì tôi ngủ một lát.

- Không được đâu, anh phải thu xếp chở hết đồ đạc lên xuồng.

- Ô, không, tôi sẽ đi xuồng không, sau đó sẽ quay về đón Clousiot. Clousiot sẽ ở lại đây trông đồ.

- Không thể được, không bao giờ anh có thể tìm lại chỗ này, ngay giữa ban ngày cũng vậy. Mà ban ngày thì anh tuyệt nhiên không được có mặt trên sông. Cuộc lùng bắt các anh chưa chấm dứt đâu. Vùng sông vẫn còn nguy hiểm lắm.

Chiều xuống. Le Breton đi tìm cái xuồng độc mộc của anh. Chúng tôi buộc nó vào phía sau thuyền của chúng tôi. Clousiot ngồi cạnh Le Breton đang cầm chèo lái Maturette ngồi giữa, tôi ngồi phía trước. Thuyền ra khỏi vịnh một cách khó khăn, và khi ra đến sông thì trời đã sắp tối. Một vầng thái dương khổng lồ màu đỏ huyết dụ làm bùng lên một đám cháy ở chân trời phía biển. Muôn

vàn tia lửa của một trận pháo hoa vĩ đại đang thi nhau bùng lên, như thể những tia đỏ đang cố sao cho đỏ hơn những tia đỏ khác, những tia vàng đang cố sao cho vàng hơn những tia vàng khác, và ở những vùng các màu sắc pha trộn vào nhau thì cố sao kết hợp được thật nhiều màu sắc. Có thể trông rõ ở phía trước, cách chúng tôi hai mươi cây số, cái cửa bể của con sông oai nghiêm đang đổ ra đại dương trong những đợt sóng màu hồng chen ánh bạc lấp lánh.

Le Breton nói: “Giờ nước ròng sắp hết. Chỉ một tiếng đồng hồ nữa sẽ thấy nước triều lên: ta sẽ lợi dụng nó để đi ngược sông Maroni, và đi như thế chẳng cần chèo chống gì nhiều, rất chóng đến nơi”.

Đêm tối đổ sập xuống một cách đột ngột.

- Đi thôi, - Le Breton nói. - Chèo cho mạnh để ra giữa sông. Đừng hút thuốc nữa.

Mấy mái chèo vục xuống nước, và chúng tôi cắt ngang dòng đi khá nhanh. Tôi và Le Breton phối hợp rất ăn nhịp với nhau, mái chèo cắt nước đều đặn. Maturette đem hết sức bình sinh ra chèo. Càng ra giữa dòng càng cảm thấy rõ thủy triều đang đẩy thuyền lao mạnh về phía trước. Thuyền lướt đi vun vút, cứ nửa giờ một lại cảm thấy thủy triều lên mạnh hơn. Sáu giờ sau, chúng tôi đã đến rất gần đảo. Thuyền lao thẳng vào đấy: một cái vệt lớn gần đúng giữa dòng sông, chỉ hơi chệch về bên phải một chút. “Đây rồi” - giọng Le Breton nói khẽ. Đêm không tối lắm, nhưng chắc đứng hơi xa không sao thấy được chúng tôi, vì làn sương mù bay là là trên mặt sông. Chúng tôi đã đến sát đảo. Khi đã phân biệt được rõ hơn những đường nét của giải bờ đá, Le Breton bước sang chiếc thuyền độc mộc của anh ta, nhanh nhẹn cởi dây buộc và nói khẽ một câu: “Chúc các bạn may mắn!”.

- Cảm ơn nhé.

- Không có gì.

Chiếc thuyền của chúng tôi, không được Le Breton điều khiển nữa, bị dòng nước đẩy ngang vào bờ đảo. Tôi cố lái cho nó đi thẳng trở lại, nhưng không có kết quả cho lắm, và vẫn bị dòng

nước đầy mạnh, chiếc thuyền đâm cheo chéo vào những khóm lá rũ trên mặt nước. Thuyền xô vào bờ rất mạnh, mặc dầu tôi đã dùng chèo cố hãm lại, đến nỗi giá đây không phải là một lùm cây mà là một tảng đá, thì chiếc thuyền đã vỡ tan ra rồi, và thế là đi tong các thứ đồ dùng và lương thực, v. v. Maturette nhảy xuống nước, kéo chiếc thuyền vào, thế là chúng tôi chui vào phía dưới một lùm cây rất to. Cậu ta lại kéo nữa, và chúng tôi đã buộc được thuyền vào một cành cây. Chúng tôi uống mỗi người mấy ngụm rượu rum, và tôi leo lên bờ một mình, để hai bạn tôi ngồi lại dưới thuyền..

Tay cầm địa bàn, tôi bước đi sau khi đã làm gãy mấy cành cây và móc vào nơi này nơi nọ những miếng vải bao bột mà tôi đã xé sẵn ra trước khi lên đường. Đi được một lát, tôi thấy có ánh đèn lập lòe phía trước và chợt nghe thấy những tiếng người nói. Trước mặt tôi có ba nếp nhà tranh. Tôi bước về phía đó. Vì tôi không biết mình sẽ trình diện với những người ở trên đảo ra sao, tôi quyết định để họ phát hiện tôi trước. Tôi đánh một que diêm. Khi ánh lửa lóe lên, một con chó nhỏ vừa sủa vừa xông vào tôi. Nó cứ chồm chồm chỉ chực cắn vào chân tôi. Mong sao nó đừng mắc bệnh hủi” - tôi thoáng nghĩ. Ngu quá, chó có bao giờ lại mắc bệnh hủi!

- Ai đấy? Ai? Cậu đấy hả Marcel?

- Tôi là một người vượt ngục.

- Anh đến đây làm cái gì? Để ăn trộm hả? Anh tưởng chúng tôi có cửa thừa chắc?

- Tôi cần được giúp đỡ.

- Giúp không hay có trả tiền?

- Mà có cần mồm đi không, thằng Chouette kia?

Bốn bóng người từ trong mấy nếp nhà tranh đi ra.

- Đi tới từ từ anh bạn! Tôi cuộc rằng anh chính là người có khẩu mousqueton. Nếu anh có mang theo, anh cứ để xuống đất đi, ở đây anh không sợ gì hết.

- Vâng, chính tôi, nhưng khẩu mousqueton thì tôi không mang theo.

Tôi bước tới sát họ. Trời tối quá tôi không phân biệt được nét mặt mấy người ấy. Tôi giơ tay ra một cách ngu xuẩn. Không ai bắt lấy bàn tay tôi. Tôi hiểu ra, một cách hơi muộn màng, rằng bắt tay là một cử chỉ không bao giờ có ở đây: họ không muốn làm cho tôi nhiễm bệnh.

- Vào nhà đi, - La Chouette nói.

Túp lều tranh sáng mờ mờ dưới ánh một cây đèn dầu đặt trên bàn.

- Ngồi xuống đi.

Tôi ngồi xuống một chiếc ghế rơm không có lưng tựa. La Chouette thắp thêm ba cây đèn dầu nữa và đem một cây đặt lên cái bàn ngay trước mặt tôi. Ngọn khói bốc lên từ cái bấc đèn dầu đưa tỏa ra một thứ mùi ngửi mà buồn nôn. Tôi ngồi, còn năm người kia đứng, tôi không trông rõ mặt họ. còn mặt tôi thì vừa ngang tầm ánh đèn, chắc họ trông rất rõ: hẳn là họ có chủ ý để ánh sáng như vậy. Giọng nói ban nãy đã mắng bảo La Chouette câm mồm bây giờ lại nói:

- L'anguille, cậu sang bên nhà chung hỏi xem bên ấy có muốn chúng ta đưa anh này sang không. Toussaint trả lời ra sao về đây báo ngay, nhất là trong trường hợp Toussaint đồng ý. Ở đây chúng tôi không có gì để mời anh uống đâu anh bạn ạ, trừ khi anh vui lòng nuốt trứng sống.

Hắn đặt trước mặt tôi một cái giỏ đan đựng đầy trứng.

- Cám ơn, tôi không cần đâu.

Bên tay phải, rất gần chỗ tôi, một người trong bọn họ ngồi xuống, và lần đầu tiên tôi trông thấy bộ mặt của một người hủi. Thật là gớm ghiếc. Tôi phải cố gắng lắm mới không ngoảnh mặt đi và không để lộ cái cảm giác ghê tởm ra ngoài. Cái mũi đã bị ăn mòn hết cả thịt lẫn xương, ở chính giữa mặt chỉ thấy một cái lỗ lớn. Tôi nói là một cái lỗ, chứ không phải hai đầu, nó to bằng một đồng tiền hai francs. Cái môi dưới về phía bên phải cũng bị ăn sứt,

để lộ ba cái răng tróc nếu, rất dài đều vàng khè, cắm thẳng vào xương hàm trên đã tróc hết thịt. Hắn chỉ còn một tai. Hắn đặt một bàn tay bằng bó lên bàn: đó là bàn tay phải. Bằng hai ngón tay cuối cùng còn lại trên bàn tay phải, hắn cầm một điều xì gà to và dài, chắc chắn là do hắn quấn lấy bằng một tấm lá thuốc chưa khô hẳn, vì điều xì-gà có màu tái tái. Chỉ còn con mắt bên trái của hắn là con mi, mắt bên phải không nhắm lại được, và một vết loét dài và sâu từ mắt phải chạy lên trán rồi mắt hút trong mớ tóc hoa râm bù xù.

Bằng một giọng khản đặc, hắn nói với tôi:

- Chúng tôi sẽ giúp anh, anh bạn ạ. Chứ không thì rồi dần dà anh sẽ có đủ thì giờ để trở thành như tôi: điều đó tôi chẳng muốn.

- Cám ơn.

- Tôi tên là Jean sans Peur, tôi là dân ngoại ô. Khi tôi bước chân đến trại khổ sai, tôi còn đẹp hơn, lành mạnh hơn, khỏe hơn anh. Trong mười năm, tôi đã hóa ra thế này.

- Họ không chữa cho anh sao?

- Có chứ. Từ khi tôi tiêm dầu choulmogra cho đến nay thì thấy có đỡ. “Đây anh xem”. Hắn quay nghiêng đầu cho tôi xem mé bên trái: - Bên này đang khô dần.

Một niềm thương xót vô hạn tràn ngập lòng tôi, và tôi giơ tay ra toan sờ vào má bên trái của hắn để bày tỏ niềm thông cảm. Nhưng hắn đã né người ra phía sau, nói:

- Cám ơn anh đã có lòng muốn chạm vào tôi. Nhưng tôi phải khuyên anh là đừng bao giờ chạm vào một người bệnh, mà cũng đừng bao giờ ăn hay uống vào một cái cà-mèn của họ.

Trước sau tôi chỉ một lần trông thấy mặt một người hủi - người duy nhất đã có đủ can đảm chịu để cho tôi nhìn thẳng vào mặt.

- Hắn ta đâu? - Trên ngưỡng cửa hiện ra một bóng người thấp tẹt, gầy như một người lùn.

- Toussaint và mấy tay kia muốn gặp hấn. Đưa hấn tới trung tâm đi.

Jean sans Peur đứng dậy, nói với tôi:

- Đi theo tôi.

Chúng tôi cùng đi cả ra ngoài trong đêm tối, bốn năm người đi phía trước, Jean sans Peur đi bên cạnh tôi, mấy người nữa đi phía sau. Ba phút sau, khi chúng tôi đi đến một cái nền rộng đắp cao lên, ánh trăng mờ mờ soi lên cái thứ quảng trường này. Đó là chỗ cao nhất trên đảo. Ở chính giữa có một ngôi nhà. Một ít ánh sáng lọt qua hai khung cửa sổ. Khoảng hai mươi người đứng trước cửa chờ chúng tôi. Chúng tôi bước tới. Vào đến cửa, họ xê ra hai bên cho chúng tôi vào nhà. Đó là một gian phòng hình chữ nhật chiều dài khoảng mười mét, chiều rộng bốn mét, có một thứ lò sưởi củi gỗ đang cháy, bốn góc có đặt bốn tảng đá lớn cao ngang nhau. Gian phòng được chiếu sáng bằng hai cây đèn bão lớn thấp dầu hỏa. Ngồi trên một chiếc ghế đầu là một người không có tuổi, mặt trắng bệch, mắt đen. Sau lưng hấn có năm sáu người ngồi trên một chiếc ghế dài.

Hấn nói với tôi:

- Tôi là Toussaint le Corse, còn anh là Papillon?

- Vâng.

- Ở trại khô sai tin tức đi rất nhanh, cũng nhanh ngang những hành động của anh. Khẩu mousqueton của anh để đâu?

- Chúng tôi ném xuống sông rồi.

- Ở chỗ nào?

- Ngay trước bức tường bệnh viện, đúng ở chỗ chúng tôi leo qua tường.

- Thế thì có thể tìm lại được chứ?

- Tôi nghĩ là có thể, vì nước chỗ ấy không sâu.

- Sao anh biết?

- Vì chúng tôi phải lội xuống nước để khiêng anh bạn của chúng tôi bị thương đưa lên thuyền.

- Hắn ta bị thương thế nào?

- Gãy một chân.

- Anh đã làm gì cho hắn chưa?

- Tôi đã buộc nẹp cho anh ta.

- Hắn có đau không?

- Có

- Bây giờ hắn đâu?

- Dưới xuống ấy.

- Anh bảo là anh đến đây vì cần được giúp đỡ. Vậy anh cần thứ gì?

- Một chiếc thuyền.

- Anh cần chúng tôi giúp anh một chiếc thuyền?

- Vâng. Chúng tôi có tiền để trả.

- Được Tôi sẽ bán cho anh chiếc thuyền của tôi. Nó là thứ tuyệt hảo, và hãy còn mới toanh. Tôi vừa mới lấy trộm được tuần trước ở Albina. Đó không phải là một cái thuyền, đó là một chiếc tàu viễn dương. Chỉ thiếu có một cái: đó là cái trụ đáy. Trong hai tiếng đồng hồ bọn tôi sẽ lắp cho anh một cái trụ đáy thơm tất. Còn thì cái gì cũng có sẵn: bánh lái có cả tay lái đầy đủ, cột buồm cao bốn mét bằng gỗ lim và một lá buồm bằng vải lanh mới tinh khô. Anh trả tôi bao nhiêu?

- Anh cứ nói giá đi! Tôi không biết giá cả ở đây.

- Ba ngàn francs nếu anh có đủ tiền trả, còn nếu không đủ thì anh quay về tìm khẩu mousqueton đi rồi tôi mai đem đến đây mà đổi lấy thuyền.

- Không, tôi sẽ trả tiền.

- Được rồi. Xong phát. La Puce, dọn cà-phê!

La Puce tức là cái người lùn tịt ban nãy đã sang bên kia tìm tôi. Hắn đến cạnh một tấm ván đóng vào tường phía trên lò sưởi, lấy một cái cà-mèn mới tinh đã được lau chùi bóng lộn lên, rồi lấy một cái chai đựng cà phê rót vào đấy và bắc bên bếp lửa. Một lát sau hắn bỏ cà-mèn xuống, rót cà-phê ra mấy cái ca để cạnh bốn tảng đá. Toussaint cúi người cầm lấy và chuyển cho mấy người ngồi sau lưng hắn. La Puce cầm cái cà-mèn đưa cho tôi, nói: “Uống đi, đừng sợ, cái cà-mèn này chỉ dùng cho khách vắng lai. Không có người bệnh nào uống vào đây đâu”.

Tôi cầm lấy cái cà-mèn uống rồi đặt lên đùi. Lúc bấy giờ tôi mới nhận thấy có một đốt ngón tay người dính vào cái cà-mèn. Tôi đang ngỡ ngàng thì La Puce nói:

- Chà, mình lại rơi đâu mất một ngón tay nữa rồi! Đi đằng nào thế không biết?

- Nó đây - Tôi vừa nói vừa chỉ cái cà-mèn. La Puce gỡ cái ngón tay ra, ném vào lửa. Hắn lại đưa cà-mèn cho tôi, nói:.

- Anh cứ uống đi, vì tôi là loại hủi khô. Tôi cứ rụng dần từng bộ phận một, nhưng tôi không bị rữa, chứng này không lây đâu.

Một mùi thịt nướng thoang thoảng trên không. Tôi nghĩ bụng chắc đó là mùi cái ngón tay bị ném vào lò sưởi

Toussaint nói: “Anh sẽ phải ở lại đây cả ngày cho đến tối để chờ nước ròng. Bây giờ anh phải ra bảo cho các bạn anh biết. Các anh hãy khiêng anh bạn bị gãy chân lên một căn lều mà nằm, xuống thuyền lấy hết các thứ lên rồi nhận chìm nó đi. Ở đây không có ai đỡ được cho các anh một tay đâu. Chắc anh cũng hiểu tại sao rồi.

Tôi lập tức ra chỗ hai bạn tôi đang đợi ở dưới thuyền. Tôi và Maturette khiêng Clousiot lên, đặt cho anh ta nằm trong một căn lều. Một giờ sau dưới thuyền không còn thứ gì nữa, và các đồ đạc, thực phẩm của chúng tôi đều được xếp lại ngăn nắp. La Puce xin chúng tôi cái xuống và một mái chèo. Tôi cho ngay. Hắn liền đem xuống đi dim ở một nơi hắn biết. Đêm đã qua rất nhanh.

Cả ba chúng tôi cùng nằm trong căn lều tranh, trên những tấm chăn mới do Toussaint gửi tới. Mỗi tấm đều được trao cho chúng tôi trong một cái túi bọc bằng giấy gói hàng loại cứng. Tôi nằm dài trên chăn kể lại cho Clousiot và Maturette nghe những sự việc đã diễn ra từ khi tôi lên đảo và kết quả cuộc thương lượng giữa tôi với Toussaint. Clousiot nói ra một câu rất ngốc, chẳng qua vì không kịp suy nghĩ:

- Vậy là chuyến vượt ngục này tốn sáu ngàn năm trăm francs. Tớ sẽ đưa cậu một nửa số tiền ấy, tức là cái món ba ngàn francs của tớ.

- Tụi mình đến đây không phải để ngồi làm những con tính kiểu Armêni như vậy. Chừng nào tôi hãy còn xu là tôi cứ trả. Rồi sau hăng hay.

Không một người hủi nào vào căn lều của chúng tôi. Trời sáng thì thấy Toussaint đến.

- Chào các anh. Các anh có thể ra ngoài chơi. Cứ yên tâm: ở đây không có ai đến quấy rầy các anh đâu.

Trên ngọn cây dừa ở đằng kia có một tay của chúng tôi gác. Xem có thuyền của cảnh sát đi trên sông không. Bây giờ không có. Chừng nào vẫn thấy miếng vải trắng kia bay trên ngọn dừa tức là không có gì. Nếu trông thấy gì, tay gác trên ngọn dừa sẽ xuống báo ngay. Các anh có thể tự đi hái đu đủ lấy mà ăn nếu thấy thích.

Tôi nói:

- Toussaint này, thế cái trụ đấy thì thế nào đây?

- Sẽ lấy cánh cửa bệnh xá mà làm. Đó là loại “gỗ rắn”, rất nặng. Xẻ đôi cánh cửa ra thành hai tấm gỗ ghép lại là xong. Anh em ở đây đã đưa thuyền lên bãi cao từ hồi đêm. Anh đến mà xem.

Chúng tôi cùng đến xem. Đó là một chiến thuyền tuyệt đẹp dài năm mét hãy còn mới tinh. Trên thuyền có hai tấm ván bắc ngang trong đó một tấm có khoét lỗ để đút cột buồm. Thuyền rất nặng. Tôi và Maturette phải khó nhọc lắm mới lật sập nó xuống được. Cánh buồm và dây lèo đều mới. Hai bên mạn thuyền có gắn những cái vòng để buộc các thứ chở theo, trong đó có thùng nước

ngọt. Chúng tôi bắt tay vào việc. Đến trưa, một cái trụ đáy chắc chắn, càng về phía trước càng thon lại, đã được gắn chặt vào đáy thuyền bằng những cái đinh xoắn ốc rất dài và bằng bốn cái đinh chốt có lắp vòng mà tôi đã mang theo.

Đứng thành vòng tròn xung quanh chúng tôi, đám người hủi im lặng xem chúng tôi làm. Toussaint chỉ vẽ cho chúng tôi rõ cần làm những gì, và chúng tôi cứ thế mà làm theo. Mặt Toussaint thoạt trông có vẻ như bình thường: không có chỗ nào lở loét hay sứt sẹo; chỉ khi nào hắn nói mới thấy là chỉ có một nửa mặt bên trái nhúc nhích. Hắn cũng nói rõ cho tôi biết là nửa bên phải bị liệt hẳn, và cũng nói thêm rằng hắn bị bệnh hủi khô. Ngực bên phải và cánh tay phải của hắn cũng bị liệt và hắn dự tính là chỉ ít lâu nữa cái chân phải cũng sẽ liệt nốt: Con mắt phải của hắn im lìm bất động như mắt giả. Nó vẫn thấy, nhưng không cử động được. Tên những người hủi trên mấy trang giấy này đều không phải là tên thật của họ. Để đừng bao giờ những ai đã từng yêu đương hay quen biết những con người khốn khổ này biết được họ đã bị thời rữa ngay khi còn sống một cách ghê sợ như thế nào.

Tôi vừa làm việc vừa nói chuyện với Toussaint. Những người khác chẳng ai nói gì. Chỉ trừ có một lần: lúc ấy tôi toan cầm lấy mấy cái bản lề họ đã tháo ra từ một cái tủ trong bệnh xá để đóng thêm vào trụ đáy cho chắc, thì một người hủi nói: “Khoan đã, cứ để đấy. Trong khi tháo tôi bị đứt tay nên máu dính vào đấy. Tôi đã chùi đi nhưng chưa sạch hẳn”. Một người hủi khác lấy rượu rhum rót lên chiếc bản lề rồi châm lửa đốt hai lần, xong mới nói: “Bây giờ thì được rồi, anh lấy đi”.

Trong khi chúng tôi làm việc, Toussaint nói với một người hủi: “Cậu đã mấy lần đi, cậu phải nói kỹ cho Bướm bướm hiểu rõ cung cách, vì ba cậu này đều chưa đi lần nào”. Người kia lập tức giảng giải:

- Chiều nay sẽ có nước ròng rất sớm, ba giờ đã bắt đầu rồi. Chập tối khoảng sáu giờ, sẽ có một dòng nước thủy triều xuống rất mạnh, trong khoảng chưa đến ba tiếng đồng hồ sẽ đưa các anh xuống chỉ cách cửa bể chừng một trăm cây số. Đến chín giờ là phải

dừng lại. Anh phải buộc kỹ thuyền vào một thân cây trong rừng mà đợi cho qua sáu tiếng đồng hồ nước thủy triều lên: tức là đến ba giờ sáng. Anh đừng ra đi vào giờ này, vì nước xuống chưa mạnh. Đến bốn giờ rưỡi sáng anh hãy cho thuyền ra giữa sông. Anh có được một tiếng rưỡi để đi năm mươi cây số trước khi mặt trời lên. Cái thời gian một tiếng rưỡi này là thời cơ độc nhất vô nhị của anh đấy. Đến sáu giờ, khi trời sáng, anh phải ra biển rồi. Dù bọn cảnh sát có trông thấy anh, chúng cũng không đuổi theo anh được, vì chúng sẽ đến chỗ giáp triều ở cửa biển đúng vào lúc thủy triều bắt đầu lên. Chúng sẽ gặp phải ngọn triều dữ dội không tài nào vượt qua được trong khi anh đã ra khơi rồi. Cái khoảng cách một cây số ngăn chia bọn cảnh sát với anh khi chúng trông thấy anh, bằng bất cứ giá nào anh cũng phải có được nó: vì đó chính là sinh mệnh của anh. Ở đây chỉ có một lá buồm, trước đây anh đã sắm được những gì cho cái xuồng kia?

- Một lá buồm chính và một lá buồm foc.

- Chiếc thuyền này nặng, có thể chịu được hai foc, một lá căng đứng dọc cột buồm, đáy hình tam giác chạy từ mũi thuyền đến chân cột buồm, một lá buộc lỏng cho nó phồng lên ở phía trước mũi thuyền, để nó nâng mũi thuyền lên khi có sóng ngược chiều. Khi vượt cửa biển anh cho căng hết buồm lên, đâm thẳng vào các đợt sóng: ở cửa biển sóng bao giờ cũng rất to. Anh cho hai bạn anh nằm sát đáy thuyền để cho nó có thăng bằng hơn, còn anh, anh phải cầm tay lái thật vững. Đừng buộc vào chân, phải luôn nó vào cái vòng bên mạn thuyền và giữ nó bằng cách quấn một vòng quanh cổ tay (chỉ một vòng thôi đấy). Nếu anh thấy sức gió thổi cùng chiều với một ngọn sóng lớn làm cho nó mạnh thêm gấp bội, và anh phải nằm rạp xuống nước với nguy cơ lật thuyền, anh hãy buông hết ra, sẽ thấy thuyền tức khắc lấy lại thăng bằng. Khi đó anh đừng hăm lại, cứ thả lỏng cho buồm chính vật qua vật lại mặc sức, chỉ dùng hai lá foc cho thuyền tiến thẳng vào luồng gió. Mãi đến khi nào ra đến chỗ nước xanh anh mới đủ thì giờ để bảo cậu bé hạ buồm xuống, thu gọn nó vào lòng thuyền, rồi sau đó cho kéo nó lên và lại chuyển sang hướng mới. Anh biết đường đi trên biển chứ?

- Không. Tôi chỉ biết rằng xứ Venezuela và xứ Colombia ở về phía tây-bắc.

- Đúng đấy, nhưng anh phải coi chừng đừng để gió thổi dạt vào bờ. Xứ Guyane thuộc Hà Lan họ giao trả tù vượt ngục đấy, xứ Guyane thuộc Anh cũng vậy. Đảo Trinidad thì không giao trả tù nhưng lại bắt anh phải lên đường sau mười lăm ngày cho tạm trú. Xứ Venezuela thì trao trả tù vượt ngục sau khi đã bắt anh làm phu sửa đường một hai năm.

Tôi vênh hết tai lên nghe thật kỹ. Toussaint nói là thỉnh thoảng anh ta vẫn đi, nhưng vì anh ta mắc bệnh hủi cho nên cũng bị họ trả về một cách dứt khoát. Anh ta thú thật là chưa bao giờ đi quá được Georgetown ở Guyane thuộc Anh. Bệnh hủi của Toussaint chỉ có thể thấy rõ khi nào anh ta đi chân không: bao nhiêu ngón chân đều đã rụng hết. Anh ta bắt tôi nhắc lại những điều anh ta vừa dặn dò tôi. Tôi nhắc lại không sai một chữ. Đến đây Jean sans Peur nói: “Anh ta phải đi ra khơi trong bao nhiêu lâu?” Tôi trả lời trước:

- Tôi sẽ đi hướng bắc - đông - bắc trong ba ngày. Với ảnh hưởng của hải lưu, hướng thực tế sẽ thành bắc bắc; đến ngày thứ tư tôi sẽ chuyển sang hướng tây bắc, và kết quả sẽ là chính tây.

- Khá lắm, - Toussaint nói. - Tôi thì lần vừa rồi tôi chỉ đi hai ngày theo hướng đông - bắc, thành thử tôi rơi đúng vào Guyane thuộc Anh. Với ba ngày theo hướng bắc, anh sẽ vòng qua phía bắc Trinidad hay Barbados, và băng một phát qua Venezuela mà không hay, để rơi trúng vào Curacao hay Colombia.

Jean sans Peur nói:

- Toussaint này, cậu vừa bán chiếc thuyền bao nhiêu?

- Ba ngàn, - Toussaint nói. - Đắt quá hay sao?

- Không. Tôi hỏi không phải có ý như thế. Chẳng qua để biết thôi. Anh có đủ sức trả không, Papillon?

- Có

- Trả xong có còn được ít nhiều gì không?

- Không. Chúng tôi chỉ có ngân ấy: đúng ba ngàn francs trong plan của cậu Clousiot.

- Toussaint ạ, tôi đưa khẩu súng lục của tôi cho cậu - Jean sans Peur nói. - Tôi muốn giúp các cậu này. Cậu trả tôi bao nhiêu?

- Một ngàn francs, - Clousiot nói. - Tôi cũng muốn giúp các cậu ấy.

- Cảm ơn các anh nhiều quá, - Maturette nhìn Jean sans Peur nói.

- Cảm ơn, - Clousiot cũng nói.

Còn tôi, lúc ấy tôi thấy xấu hổ vì đã nói dối họ. Tôi nói:

- Không được, tôi không thể nhận của anh một món quà như vậy: không có lý do gì cho phép tôi nhận như thế.

Jean sans Peur nhìn tôi, nói:

- Có chứ, có lý do đấy. Ba ngàn francs là một món tiền lớn, thế nhưng với cái giá ấy Toussaint thiệt ít nhất là hai ngàn, vì chiếc thuyền tốt cực kỳ. Không có lý gì tôi lại không góp phần giúp các anh.

Lúc bấy giờ đã xảy ra một điều rất cảm động: La Chouette ném một cái mũ xuống đất, thế là đám người hủi ném vào đấy người thì tiền đúc, người thì tiền giấy. Từ khắp mọi nơi đều có những người hủi kéo tới, và ai ai cũng có ít nhiều bỏ vào cái mũ. Tôi thấy xấu hổ quá. Nhưng bây giờ tôi không thể nói rằng tôi còn tiền? Trời ơi, biết làm thế nào bây giờ? Tôi đã xử sự một cách thật đốn mạt trước nghĩa cử cao đẹp của họ. Tôi nói: "Tôi van các anh, các anh đừng hy sinh như vậy!". Một người da đen Tombouetou, hai tay cùi hết chỉ còn là hai cục thịt, không sót lấy được một ngón, nói: tiền của chúng tôi không phải để sống. Anh cứ nhận đi, đừng ngượng ngáp. Tiền chúng tôi dùng để đánh bạc hay để hôn hít mấy con mẹ hủi vẫn thỉnh thoảng từ Albina tới". Những lời này làm cho tôi thấy đỡ nặng lòng, và đến đây tôi mới từ bỏ ý định thừa nhận là mình hãy còn tiền.

Họ đã cho lượ hai trăm quả trứng khiêng tới cho chúng tôi trong một cái thùng mang dấu chữ thập đỏ. Đó là cái thùng đựng các thứ thuốc họ vừa nhận được sáng nay. Họ còn mang đến hai con rùa sống mỗi con ít ra cũng phải đến ba chục cân, sau khi đã trói nó lại rất kỹ, một mớ thuốc lá chưa thái, hai chai đầy diêm que và bìa quẹt, một bị gạo chừng năm mươi cân, hai bị than củi, một cái bếp cồn (cái bếp của bệnh xá), và một bi-đông xăng. Cả cái tập thể khốn khổ này đều xúc động vì tình cảnh của chúng tôi, và ai cũng muốn góp phần vào sự thành công của chuyến vượt ngục. Tưởng chừng như chính họ đang vượt ngục vậy. Chúng tôi đã kéo chiếc thuyền đến một cái bến gần chỗ chúng tôi ghé xuống đêm trước. Họ đã đếm số tiền quyên góp trong cái mũ: tám trăm mười francs. Tôi chỉ phải đưa một ngàn hai trăm francs cho Toussaint là đủ. Clousiot đưa cái plan của cậu ta cho tôi, tôi mở nó ra trước mặt mọi người. Nó đựng một tờ giấy bạc một ngàn francs và bốn tờ năm trăm. Tôi trao cho Toussaint một ngàn rưỡi francs, anh ta thối lại ba trăm rồi nói:

- Anh cầm lấy khẩu súng này, tôi tặng anh đấy. Các anh đã chơi xả láng với số kiếp, phải làm sao đừng để xảy ra cái tình trạng là đến phút cuối chỉ vì không có vũ khí mà đi tong hết cả bấy nhiêu công sức. Tôi hy vọng rằng anh sẽ không có dịp nào cần phải dùng đến nó.

Tôi không còn biết nói thế nào để cảm ơn anh ta - trước hết là anh ta, và sau đó là tất cả cái khối cộng đồng của họ. Người y tá của đảo đã xếp sẵn một cái hộp đựng bông thấm nước, cồn, aspirin, băng, i-ốt, một cái kéo và một cuộn băng dính. Một người hải mang đến hai tấm ván mỏng bào rất kỹ và hai giải băng Velpeau mới tinh còn để nguyên trong hộp. Anh ta tặng chúng tôi mấy thứ đó chẳng qua để chúng tôi thay bộ nẹp chân cho Clousiot.

Đến khoảng năm giờ trời bắt đầu đổ mưa. Jean sans Peur nói với tôi.

- Các anh gặp may đấy. Trời này thì không sợ bị chúng nó nhìn thấy. Các anh có thể lên đường ngay và như thế là lợi được cả

nửa giờ. Khi phải dừng lại đợi, các anh sẽ ở gần cửa biển hơn để lại lên đường lúc bốn giờ rưỡi sáng.

Tôi nói:

- Tôi sẽ làm thế nào để biết giờ giấc đây?
- Thủy triều sẽ cho anh biết giờ, tùy theo lúc nó lên hay xuống.

Chúng tôi hạ thủy chiếc thuyền. Nó chẳng phải như cái xuồng kia đâu: mạn thuyền nhô cao lên trên mặt nước đến hơn bốn tấc trong khi chở cả ba chúng tôi lẫn toàn bộ đồ lể và lương thực. Cột buồm được quán trong mấy lá buồm và đặt nằm trong lòng thuyền, vì đến khi xuất phát để ra biển mới dùng đến buồm. Chúng tôi lắp bánh lái, tay lái đâu vào đấy, đặt thêm một cái đệm bằng dây leo để tôi ngồi lái thuyền cho êm. Chúng tôi lại dùng mấy tấm chắn lót thành một chỗ nằm cho Clousiot ở đáy thuyền (cậu ta không chịu thay băng). Clousiot nằm ngay dưới chân tôi: cậu ta nằm giữa lòng thuyền, một bên là tôi, bên kia là cái thùng đựng nước ngọt. Maturette cũng ngồi giữa lòng thuyền, nhưng ở phía trước. Tôi lập tức có được một cảm giác an toàn mà tôi không hề thấy có khi ngồi lên cái xuồng trước kia.

Trời vẫn mưa. Tôi sẽ phải đi xuôi dòng ở khoảng giữa sông, nhưng hơi chệch sang bên trái, phía bờ thuộc địa phận Hà Lan. Jean sang Peur nói:

- Lên đường mạnh giỏi nhé! Thôi đi ngay đi cho sớm sửa.
- Chúc các anh may mắn! - Toussaint nói đoạn đập mạnh chiếc thuyền ra khỏi bờ.

“Cảm ơn Toussaint, cảm ơn Jean, cảm ơn tất cả các bạn một ngàn lần”. - Và chúng tôi rời khỏi đảo rất nhanh dưới sức đẩy của dòng nước thủy triều xuống đã bắt đầu từ cách đây hai tiếng rưỡi và bây giờ đang chảy băng băng như dòng thác.

Trời vẫn mưa, nhìn ra phía trước cách mười thước đã không trông thấy gì rồi. Vì ở phía xuôi có hai hòn đảo nhỏ nữa, cho nên Maturette cứ phải chồm người lên, mắt đắm đắm nhìn trước mặt, để cho thuyền khỏi đâm vào những tảng đá ven bờ đảo. Đêm đã

xuống. Một cái cây đại thụ cùng trôi xuôi dòng với chúng tôi đã có lúc làm cho chúng tôi phải lúng túng với những cành lá xum xuê của nó. May thay nó trôi chậm hơn, cho nên chúng tôi cũng nhanh chóng gạt nó ra xa chiếc thuyền, và tiếp tục lao tới với tốc độ ba mươi cây số một giờ là ít. Chúng tôi hút thuốc lá, uống rượu rum.

Người trong làng hải đã cho chúng tôi sáu chai đầy. Có điều lạ là trong chúng tôi không có ai nhắc tới những vết loét khủng khiếp mà chúng tôi đã nhìn thấy trên thân thể những người hải. Câu chuyện chỉ xoay quanh một đề tài duy nhất: lòng tốt của họ, sự hào phóng của họ, tính ngay thẳng của họ, và cái hên của chúng tôi đã gặp được Le Breton Mặt nạ đưa chúng tôi đến Đảo Bò Cầu.

Trời mưa mỗi lúc một to, tôi ướt như chuột lột, nhưng mấy cái áo va-rơ len tốt đến nỗi mặc dầu ướt sũng nó vẫn giữ được hơi ấm như thường. Chúng tôi không thấy lạnh. Chỉ có bàn tay tôi cảm lái bị nước mưa làm cho tê dại đi. Maturette nói:

- Bây giờ chúng mình trôi phải đến bốn mươi cây số một giờ. Đã đi được bao nhiêu lâu rồi nhỉ?

- Để yên tớ nói cho mà nghe, - Clousiot nói. - Đợi tí nhé: ba tiếng mười lăm phút.

- Cậu này điên! Cậu làm thế nào mà biết được?

- Từ khi bắt đầu đi tớ đã đếm từng ba trăm giây một, cứ mỗi lần tớ lại cắt một miếng các-tông. Tớ đã có được ba mươi chín miếng. Mỗi miếng là năm phút, vị chi là ba giờ mười lăm phút. Nếu tớ không nhầm, chỉ mười lăm hay hai mươi phút nữa chúng mình sẽ không đi xuôi nữa, mà sẽ trôi ngược về điểm xuất phát.

Tôi đẩy tay lái sang phải để cho thuyền đi chéo góc vào bờ, phía Guyane thuộc Hà Lan. Chưa vào đến bờ đã thấy dòng nước đứng lại, không chảy xuôi mà cũng chẳng chảy ngược. Trời vẫn cứ mưa. Bây giờ chúng tôi không hút thuốc, không nói chuyện nữa, chỉ bảo nhau thầm thì: “Cầm lấy chèo mà chèo vào đi”. Tôi cũng chèo, còn tay lái thì kẹp vào đùi cho bánh lái khỏi đảo. Thuyền từ từ ghé vào dải bờ rậm rạp. Chúng tôi vít cành cho thuyền chui vào

dưới một lùm cây, và nấp vào đay Xung quanh cây lá dày đặc, tôi như bưng. Dòng sông phủ một lớp sương mù xám xịt. Nếu không căn cứ vào nước thủy triều lên xuống thì không thể nào biết được phía nào là biển, phía nào là nguồn sông.

Giờ hoàng đạo

Thủy triều lên sẽ kéo dài sáu giờ. Thêm một tiếng rười ời nước ròng nứa: như vậy tôi có thể ngủ bảy tiếng đồng hồ, mặc dầu tôi đang ở vào một trạng thái phấn khích dữ dội. Tôi phải ngủ bằng được, vì một khi đã ra khơi rồi, tôi còn ngủ vào lúc nào được nữa? Tôi nằm xuống giữa cái thùng ton-nô và cái cột buồm, Maturette căng một tấm chăn làm mái giữa cái thùng và tấm ván ngang, thế là tôi đã được che mưa che gió tươm tất, tha hồ ngủ cho kỹ. Tuyệt nhiên không có gì đến quấy rầy giấc ngủ say như chết của tôi, dù là một giấc chiêm bao, là mưa gió hay là tư thế nằm không thoải mái. Tôi ngủ, ngủ mãi cho đến khi Maturette đánh thức tôi dậy:

- Papi ơi, hình như đến giờ rồi, hay gần gần như thế. Nước thủy triều bắt đầu xuống từ lâu rồi.

Tôi thò tay xuống nước thì thấy luồng nước chảy về phía mũi thuyền, tức về phía biển, rất nhanh (chúng tôi cho thuyền quay mũi sẵn ra biển). Trời đã tạnh mưa. Một vành trăng khuyết cho phép chúng tôi nhìn thấy khá rõ trước mặt chúng tôi hàng trăm mét, dòng sông đang cuốn đi những đám cỏ, những thân cây, những khối gì đen ngòm. Nơi chúng tôi buộc thuyền không có gió. Liệu ra giữa sông sẽ có chãng? Gió có mạnh không? Chúng tôi từ dưới lùm cây rậm chui ra, thuyền vẫn buộc vào một rễ cây bằng một cái nút thông lọng. Tôi nhìn lên trời để xác định đâu là bờ biển, đâu là nơi dòng sông kết thúc và cửa biển bắt đầu. Chúng tôi đã xuống đến gần cửa biển hơn nhiều so với dự tính, và tôi có cảm giác chỉ độ không đầy mười cây số nữa là ra đến biển. Chúng tôi uống mấy ngụm rượu rum cho thật tỉnh người. Tôi trưng cầu ý kiến hai bạn: ta dựng cột buồm ở đây chãng? Phải, chúng tôi cùng dựng nó lên: nó đứng rất vững trên cái ổ của nó ở đáy thuyền, và cái lỗ tròn trên tấm ván ngang khoét vừa khớp giữ nó rất chặt.

Tôi kéo buồm lên nhưng không trương ra, cứ để nó cuộn tròn xung quanh cột. Buồm chéo và buồm foc đã được sắp sẵn đầu vào đáy để Maturette có thể lắp vào ngay khi nào tôi thấy cần. Để trương buồm ra, chỉ cần buông sợi dây quần nó xung quanh cột buồm. Chính tôi sẽ từ chỗ cầm lái mà làm thao tác này. Maturette ngồi ở phía trước cầm chèo; tôi cũng cầm chèo ngồi ở phía sau. Phải rút ra khỏi bờ thật mạnh và thật nhanh, vì luồng nước cứ ép chúng tôi vào đấy.

- Coi chừng, chuẩn bị lên đường, tùy ơn Chúa

- Tùy ơn Chúa! - Clousiot nhắc lại.

- Xin phó thác thân tôi vào tay Người, - Maturette nói.

Chúng tôi giật mạnh con thuyền ra khỏi bờ. Rất đều tay, chúng tôi vục chèo xuống nước và kéo thật mạnh: thuyền tách ra một cách dễ dàng. Mới ra cách bờ chưa được hai mươi thước mà đã đi được một trăm thước về phía xuôi. Đột nhiên gió ập tới và đẩy chúng tôi ra giữa sông.

Lắp buồm chéo và foc, dây buộc cho chặt. Gió lùa vào hai cánh buồm, và chiếc thuyền chồm lên như một con tuấn mã rồi lao tới, nhanh như mũi tên. Chắc chúng tôi lên đường muộn so với giờ đã định, vì dòng sông đột nhiên sáng bừng lên như giữa ban ngày. Có thể trông rõ bờ bên phải thuộc địa phận của Pháp cách chúng tôi khoảng hai cây số, và bên trái, cách một cây số, là bờ thuộc địa phận Hà Lan. Phía trước mặt có thể trông rất rõ những đợt sóng biển bạc đầu, giống như một đàn cừu.

- Trời đất ơi! Chúng mình nhàm giờ mất rồi, - Clousiot nói. - Liệu có kịp ra biển không?

- Không biết. - Tôi đáp xẵng.

- Xem kìa: sóng biển cao quá, đỉnh sóng trắng quá! Không khéo thủy triều bắt đầu lên rồi cũng nên. Không thể được, tôi vẫn thấy các thứ đang trôi xuôi đấy

Maturette nói:

- Chúng mình không được rồi, chúng mình sẽ không tới kịp.

Tôi liền găt:

- Cầm mồm đi, ngồi cho sát chỗ dây buồm foc và buồm chéo. Cả cậu nữa Clousiot ạ. Cậu im mồm đi cho tôi nhờ.

Đoàng - ình...! Đoàng - ình...? Mấy phát súng các bin bắn về phía chúng tôi. Phát thứ hai tôi định vị được rất rõ ràng. Hoàn toàn không phải bắn từ phía bọn cai ngục, mà là từ phía Guyane thuộc Hà Lan.

Tôi trương buồm lớn. Nó phồng lên mạnh đến nỗi chỉ thiếu chút nữa nó giật cổ tay tôi ra khỏi thuyền. Con thuyền nghiêng hơn bốn mươi lăm độ. Tôi cố hứng gió đến mức tôi đa: điều đó chẳng khó gì, vì gió quá nhiều. Đoàng - ình, đoàng - ình, đoàng - ình, rồi không nghe thấy gì nữa. Gió đưa chúng tôi về phía bờ Pháp nhiều hơn, và chắc hẳn vì thế mà tiếng súng trường ngừng bật.

Thuyền chúng tôi lao đi với một tốc độ khủng khiếp dưới một ngọn gió mãnh liệt tưởng có thể cuốn phăng mọi vật. Thuyền lao nhanh đến nỗi tôi có cảm giác như bị ném về phía giữa cửa bể rồi chỉ vài phút nữa là đâm vào bờ Pháp. Có thể trông thấy rất rõ mấy người chạy ra bờ sông. Tôi từ từ đảo buồm bằng cách kéo thật mạnh sợi lèo. Bây giờ buồm chính đã dòng thẳng trước mặt tôi. Buồm foc tự nó đảo lại, cả lá buồm chéo cũng thế. Chiếc thuyền xoay ba phần tư, tôi liền thả buồm ra và chúng tôi ra khỏi cửa biển với gió thổi thẳng từ sau lưng. Uf! Xong rồi! Mười phút sau, đợt sóng biển đầu tiên tìm cách chặn chúng tôi lại, chúng tôi cưỡi lên trên ngọn nó một cách dễ dàng, và tiếng suýt-suýt của con thuyền khi còn lướt trên sông nhường chỗ cho tiếng tặc-i-tặc i-tặc của sóng biển vỗ vào ức thuyền. Sóng rất cao, thế mà chúng tôi vượt qua một cách dễ dàng chẳng khác gì một cậu bé nhảy cừu. Tặc-i-tặc, chiếc thuyền leo lên một ngọn sóng rồi lại trượt xuống mà không hề rung hay lắc. Chỉ có tiếng “tặc” của vỏ thuyền đập xuống mặt nước khi từ một ngọn sóng cao trượt xuống.

- Urra! Urra! Ra được rồi! Ra được rồi! - Clousiot gào cật lực.

Và để thêm hào quang cho trận thắng này của chí kiên quyết của chúng tôi trước những sức mạnh của thiên nhiên, Chúa lòng

lành đã gửi cho chúng tôi một cảnh mặt trời mọc sáng chói. Các đợt sóng biển cứ tiếp nối nhau theo một nhịp điệu đồng đều. Chúng tôi càng tiến ra biển cả thì sóng càng bớt cao. Nước biển còn gợn bùn trông rất bẩn. Trước mặt chúng tôi, về phía bắc, màu nước trông như đen: lát nữa nó sẽ là màu xanh biếc. Tôi không cần nhìn địa bàn: cứ để mặt trời đứng bên vai phải, tôi lao thẳng phía trước, gió đầy buồm nhưng thuyền không nghiêng nhiều như ban nãy vì tôi buông một phần dây buồm chính, nó chỉ phồng một nửa mà không bị căng. Cuộc phiêu lưu lớn của chúng tôi bắt đầu.

Clousiot nhồm dậy. Anh muốn chồm cả người lên, ngẩng đầu lên để nhìn cho rõ. Maturette liền đến đỡ anh ngồi dậy quay mặt về phía tôi, lưng dựa vào cái thùng ton-nô. Anh vấn cho tôi một miếng thuốc lá, châm lên rồi chuyển cho tôi. Cả ba chúng tôi cùng hút thuốc.

- Đưa chai rum đây, ta uống một chén mừng chuyến vượt cửa biển, - Clousiot nói.

Maturette rót rõ đây ba cái ca sắt: thế là chúng tôi chạm cốc. Maturette ngồi sát cạnh tôi bên tay trái. Chúng tôi nhìn nhau. Gương mặt hai bạn tôi sáng ngời hạnh phúc. Chắc hẳn gương mặt tôi cũng vậy. Clousiot nói:

- Thừa thuyền trưởng, xin ngài cho biết chúng ta đang đi đâu?

- Đi Columbia, nếu Thượng đế vui lòng.

- Thượng đế vui lòng quá đi chứ! - Clousiot nói.

Mặt trời lên rất nhanh, chẳng mấy chốc chúng tôi đã khô ráo. Mấy chiếc áo sơ mi của bệnh viện được cải biến thành khăn choàng “burnous” kiểu A-rập. Chốc chốc chúng tôi lại thấp nước đội lên đầu cho mát để khỏi bị say nắng. Biển cả một màu xanh ngọc bích, sóng cao ba mét nhưng rất dài cho nên thuyền đi rất thoải mái. Gió vẫn mạnh, nên khoảng cách giữa chúng tôi và bờ biển tăng lên rất nhanh. Chốc chốc tôi lại ngoái nhìn dải bờ đang mờ dần ở chân trời. Càng cách xa, cái khối màu lá cây ấy càng phô rõ những đường nét thêu thùa bí ẩn của nó ra. Tôi đang mãi nhìn

về phía sau thì một đợt sóng đánh ngang sườn nhắc cho tôi nhớ đến trách nhiệm của mình đối với tính mạng của các bạn và của bản thân.

- Em đi thôi cơm đây, - Maturette nói.

- Để tớ cầm cái lò cho, - Clousiot nói, - còn cậu cầm cái nôi.

Cái can xăng được chèn rất kỹ ở tit mũi thuyền, nơi tuyệt đối cấm hút thuốc. Cơm chín tới thơm phức. Chúng tôi ăn cơm nóng trộn với hai hộp cá xác-đin.

Sau đó là một châu cà-phê ngon tuyệt. “Một châu rượu rum nhé?” Tôi từ chối, vì trời nóng quá. Vả lại tôi chẳng phải là tay bợm rượu. Cứ chốc chốc Clousiot lại quán thuốc lá rồi châm lên cho tôi. Bữa cơm đầu tiên trên thuyền đã diễn ra một cách êm đẹp. Cứ vị trí của mặt trời thì lúc bảy giờ là mười giờ sáng. Chúng tôi mới ra khơi được có năm tiếng đồng hồ, nhưng có thể cảm thấy biển dưới đáy thuyền rất sâu. Sóng đã bớt cao, thuyền cắt sóng mà không thành tiếng vỗ. Một ngày tuyệt đẹp. Tôi nhận thấy rằng ban ngày chẳng mấy khi cần đến la bàn. Thỉnh thoảng tôi mới phải so vị trí mặt trời với kim chỉ nam và cứ theo đấy mà định hướng, dễ lắm. Ánh nắng phản chiếu trên mặt biển làm cho tôi mỏi mắt. Tôi thấy tiếc là đã không nghĩ đến việc kiếm một cặp kính râm.

Bỗng dưng, Clousiot nói với tôi:

- Tôi gặp được anh ở bệnh viện thật may cho tôi quá!

- Đâu phải chỉ có anh là may? Anh đến cũng là rất may cho tôi. - Tôi nghĩ đến Dega, đến Fernandez... Giá họ đồng ý, có phải bây giờ đã cùng ở đây cả rồi không

- Chưa chắc, - Clousiot nói. Anh sẽ gặp những chuyện rắc rối vì khó lòng có thể thu xếp sao cho thằng A-rập vào phòng đúng lúc thuận tiện cho anh.

- Đúng, Maturette đã giúp ích cho chúng ta rất nhiều, và tôi đang mừng cho mình là đã đưa cậu ấy đi, vì cậu ấy rất tận tâm, can đảm và tháo vát.

- Cám ơn anh, - Maturette nói, - và cám ơn cả hai anh đã không khinh em còn ít tuổi và... ẻo lả thế này, mà vẫn tin tưởng vào em. Em sẽ cố sao cho xứng đáng với lòng tin của hai anh.

Rồi tôi nói: “Cả Francois Sierra nữa, giá có cả anh ta cùng đi thì hay biết mấy! Cả Galgani nữa...”

- Cứ như sự tình đã diễn ra thì không thể được, anh Papi ạ. Ví thử Jésus là người đứng đắn, kiếm được cho ta một chiếc thuyền tốt, ta có thể đợi hai anh ấy ở chỗ nấp còn hẩn, tức Jésus ấy, có thể giúp cho họ trốn và đưa họ đến đây với ta. Và chẳng, họ đều biết rõ anh và hiểu rằng sợ dĩ anh không cho tìm họ chẳng qua là vì không thể làm như thế được mà thôi: à Maturette, nhân thể cũng hỏi cậu luôn, đầu đuôi ra sao mà cậu lại được xếp vào phòng dành cho loại phạm nhân nguy hiểm trong bệnh viện?

- Đạo ấy em không biết là em bị cấm cố. Em đi khám vì em thấy đau họng, và cũng để kiểm cố đi đâu cho đỡ buồn. Thế rồi ông bác sĩ, khi nhìn thấy em, liền nói: “Xem phiếu của cậu tôi thấy là cậu bị cấm cố ở Quần đảo. Vì tội gì thế? - “Thưa bác sĩ tôi không biết ạ. Bị cấm cố là thế nào ạ?” - “Thôi được rồi. Chẳng là thế nào cả. Vào bệnh viện đi”. Thế là em được nhập viện, có vậy thôi.

- Ông ta muốn gia ân cho cậu đấy, - Clousiot nói.

Ai mà biết được vì nguyên do gì ông ta làm như thế, cái ông Toubib*(*cách gọi thân mật dùng cho thầy thuốc). Chắc bây giờ ông ta đang tự nhủ: “Cái cậu có bộ mặt như thằng bé giúp lễ trong nhà thờ ấy kể ra cũng không đến nỗi tồi: nó dám vượt ngục kia mà?”.

Chúng tôi nói chuyện tầm phào một lúc. Tôi nói biết đâu ta sẽ gặp Julot, “con người cầm búa” ấy. Chắc bây giờ anh ta đi xa lắm rồi, trừ phi anh ta vẫn ẩn náu trong rừng”. Clousiot nói: “Tôi ấy mà, lúc ra đi tôi có để lại một mảnh giấy dưới cái gối ấy, đề là: “Đã ra đi không để địa chỉ lại”. Cả bọn cười phá lên.

Chúng tôi dong thuyền trong năm ngày không có chuyện gì xảy ra. Ban ngày, mặt trời, trong cuộc hành trình từ đông sang tây của nó, được tôi dùng làm địa bàn. Ban đêm thì tôi xem địa bàn để

chính hướng. Sáng ngày thứ sáu, một vầng thái dương rạng rỡ đón chào chúng tôi, biển lặng hẳn đi, mấy đàn cá chuồn bay vọt lên cách chúng tôi không xa. Tôi mệt như cả người ra.

Đêm qua, để tôi khỏi ngủ quên, Maturette chốc chốc lại lấy khăn lông thấm nước biển lau lên mặt tôi, ấy thế mà tôi vẫn ngủ như thường. Lúc bảy giờ Clousiot dúi điều thuốc lá đang cháy vào người tôi. Sáng nay, thấy biển lặng gió, tôi quyết định ngủ. Chúng tôi hạ buồm lớn và buồm foc xuống, chỉ để lại cái buồm chéo, thế là tôi lặn ra lòng thuyền ngủ như chết. Lá buồm lớn đã được căng ra trên đầu tôi để che nắng cho tôi. Không rõ tôi đã ngủ được bao lâu thì Maturette lay tôi dậy nói: “Bây giờ chỉ độ mười hai giờ hay một giờ trưa, nhưng em đánh thức anh dậy vì có cơn gió lạnh bắt đầu nổi lên, và ở chân trời, từ phía gió thổi tới, thấy đen kịt lại”.

Tôi choàng dậy và ra ngồi bên tay lái. Cánh buồm foc lúc bảy giờ được căng một mình, kéo chúng tôi đi trên mặt biển phẳng như gương. Sau lưng tôi, về hướng đông, trời đen kịt lại, và gió thổi mỗi lúc một lạnh hơn. Buồm chéo và buồm foc cũng đủ kéo thuyền lướt đi rất nhanh. Tôi cho cuộn lá buồm chính xung quanh cột buồm và buộc lại thật chặt.

- Hai cậu giữ cho vững nhé, vì đây là một trận bão. Những giọt mưa nặng trĩu bắt đầu rơi lộp bộp trên lưng chúng tôi. Cái đám đen ngòm trên vòm trời phía đông tiến về phía chúng tôi với một tốc độ thần kỳ, nhìn mà chóng cả mặt: chỉ trong mười lăm phút mà từ chỗ mãi tít ở chân trời nó đã đến ngay sát chúng tôi

Thôi xong, nó đến rồi. Một luồng gió hung hãn vô cùng xô vào chúng tôi. Những đợt sóng bỗng dựng nổi lên một cách bất ngờ như do một phép thần thông, đợt nào cũng sủi bọt trắng xóa. Mặt trời mất đi đằng nào không còn tăm tích, mưa đổ xuống xối xả, xung quanh tôi mịt không còn trông thấy gì, và sóng đánh vào thuyền tung tóe quất mạnh vào mặt tôi rất buốt như những nhát roi da. Bão biển. Đây là trận bão đầu tiên của tôi, với toàn bộ giàn nhạc binh khủng khiếp của những sức mạnh thiên nhiên được tháo cũi sổ lồng, với đủ lệ bộ sấm, sét, mưa, sóng gào, gió hú, từ

khấp bốn phương đổ với vây chặt lấy chúng tôi, đâm bổ vào chúng tôi.

Chiếc thuyền của chúng tôi bị tung lên như một mảnh rơm rác, khi thì nhấc bổng lên đến những chiều cao khó lòng tưởng tượng nổi, khi thì ném xuống những vực sâu thăm thẳm, sâu đến nỗi khó có thể hình dung rằng nó có thể ngoi lên được. Ấy thế nhưng, sau những cuộc đâm đầu xuống vực quái đản như thế, nó vẫn bay vút lên, vượt qua một ngọn sóng bạc đầu nữa, rồi cứ thế mà lao tới. Hai tay tôi nắm chặt lấy tay lái, sẵn sàng chinh hướng cho con thuyền để đón những đợt sóng cả hiểm nghèo. Có một lần, nghĩ rằng nên cưỡng lại một phần nào đợt sóng cả cao ngất đang tiến tới, tôi hướng mũi thuyền vào nó. Có lẽ tôi quay thuyền quá nhanh, cho nên kết quả là nước tràn vào rất nhiều, ngập hết cả lòng thuyền, phải đến bảy mươi lăm phân nước là ít. Tôi cuống quýt quay trở thế nào không biết mà rốt cuộc đã để cho một đợt sóng đánh thẳng vào bên sườn chiếc thuyền - một điều cực kỳ nguy hiểm làm cho nó nghiêng hẳn về một bên, suýt lật úp xuống, đến nỗi bao nhiêu nước trong lòng thuyền đều bị dốc ra ngoài gần hết.

- Cừ quá! - Clousiot reo lên. - Cậu quả là tay sói biển điêu luyện, Bướm bướm ạ! Nhoáng một cái đã hất hết nước ra rồi! - Tôi nói - “Đấy, đã thấy chưa?”

Cậu ta có biết đâu là do tôi thiếu kinh nghiệm mà cả lũ suýt toi mạng vì để thuyền lật sập giữa biển khơi. Tôi quyết định thôi không vật lộn với các đợt sóng nữa, chỉ lo tới hướng đi, cố gắng giữ sao cho thuyền được thăng bằng đến mức tối đa. Tôi đón sóng chênh chếch ba phần tư, tôi để cho thuyền hạ xuống theo đà sóng, và cùng lên một cách thụ động với mặt biển. Tôi nhanh chóng nhận ra rằng đó là một phát kiến quan trọng: làm như thế, tôi đã thủ tiêu được chín mươi phần trăm nguy hiểm. Mưa đã tạnh. Gió vẫn thổi như điên như dại, nhưng bây giờ điều đó cho phép tôi nhìn thấy rõ phía trước và phía sau tôi. Phía sau thì sáng, phía trước thì tối đen, chúng tôi đang ở giữa hai cái thái cực ấy.

Đến khoảng năm giờ, mọi sự đều đã qua. Mặt trời lại chói sáng trên nền trời, gió đã trở lại bình thường, sóng không còn cao

lắm nữa. Tôi giương buồm lớn lên, và chúng tôi lại lên đường, vui khắp khởi vì hài lòng với bản thân. Hai bạn tôi dùng cà-mèn tát nốt chỗ nước còn đọng lại ở đáy thuyền. Họ lấy mấy tấm chăn ra phơi: buộc lên cột buồm, cứ gió thế này chẳng mấy chốc mà khô. Chúng tôi nấu cơm, chiên bột với dầu, ăn xong lại uống cà-phê hai suất, rồi làm một châu rượu rum ra trò. Mặt trời sắp lặn, bao nhiêu lửa tàn ném hết ra soi lên mặt biển xanh biếc, vẽ thành một bức tranh không sao quên được: nền trời một màu huyết dụ, vàng thái dương đã chìm một nửa xuống biển chiếu lên trời với mấy làn mây trắng và dọi lên mặt biển những chùm tia sáng vàng. Nhưng đợt sóng khi dâng lên thì xanh biếc ở phần gốc, xanh lục ở phần giữa, còn phần ngọn thì đỏ, hồng hay vàng tùy theo màu của tia sáng dọi vào. Một cảm giác thanh thản và êm dịu lạ lùng tràn vào hồn tôi. Và cùng với trạng thái thanh thản ấy là một niềm tin vững chãi ở bản thân. Tôi đã qua cuộc thử thách một cách trót lọt, và trận bão ngắn vừa qua đã rất bổ ích cho tôi. Tôi đã tự mình học được cách điều khiển con thuyền trong những trường hợp như thế. Tôi sẽ bước vào đêm nay một cách hoàn toàn thanh thản.

- Thế nào, Clousiot, cậu đã thấy rõ cái thao tác dốc nước ra khỏi thuyền chưa?

- Bạn ơi, giả sử cậu không làm như vậy và để cho một đợt sóng thứ hai xô vào sườn, thì thuyền đã đắm mẹ nó rồi. Cậu quả là một quán quân.

- Anh học qua các thứ đó trong hải quân đấy à? - Maturette nói:

- Đúng, cậu thấy đấy, kể ra được huấn luyện trong hải quân cũng có ích ít nhiều đấy chứ, nhỉ.

Chắc chúng tôi đã đi chệch hướng khá nhiều. Nhưng với những cơn sóng gió như vừa qua, ai mà biết được trong bốn tiếng đồng hồ chúng tôi đã chệch hướng mất bao nhiêu? Tôi sẽ theo hướng tây bắc để chỉnh lại. Đúng đấy Đêm đỏ sập xuống ngay sau khi mặt trời lặn hết xuống biển, ném lên chân trời những tia cuối cùng của trận pháo hoa, lần này màu tím.

Chúng tôi lại dong buồm đi thêm sáu ngày nữa mà không có chuyện gì xảy ra trừ vài ba cơn mưa bão không lần nào kéo dài quá ba tiếng đồng hồ, và cũng không thể nào sánh kịp trận bão đầu tiên mà chúng tôi có cảm giác như đã kéo dài vô tận. Sáng hôm ấy đến mười giờ gió đứng hẳn, mặt biển không một gợn sóng. Tôi ngủ được một giấc gần bốn tiếng. Khi thức dậy tôi thấy rất mệt mỏi: nó tróc hết cả da rồi, mũi tôi cũng vậy, bàn tay phải của tôi cũng không còn da, thịt cứ phô trần ra đỏ hồng. Maturette và Clousiot cũng chẳng khá hơn. Chúng tôi phải bôi dầu lên mặt và lên hai bàn tay mỗi ngày hai lần, nhưng như thế vẫn chưa đủ: chỉ mấy tiếng là nắng nhiệt đới đã làm cho lớp dầu khô rang.

Lúc bảy giờ chắc vào khoảng hai giờ trưa theo bóng nắng. Tôi ăn trưa, rồi chúng tôi thu xếp căng lá buồm lên làm mái để tránh nắng, vì trên biển không có lấy một hơi gió thoáng. Có một đàn cá xúm lại quanh thuyền, nơi Maturette vừa rửa chén đĩa. Tôi cầm lấy con dao phát rừng và bảo Maturette ném mấy nắm gạo xuống nước (chỗ gạo của chúng tôi từ khi bị ướt đã bắt đầu lên men). Đàn cá ngoi lên sát mặt nước đớp gạo. Một con gần như nhô hẳn đầu lên trên mặt nước, tôi liền chém cho một nhát, thế là nó quay đờ ra, ngửa bụng lên. Con cá nặng đến bốn ki-lô. Chúng tôi đánh sạch vảy rồi đem luộc lên. Tối hôm ấy chúng tôi ăn cá luộc với bột sắn.

Chúng tôi ra khơi đã được mười một ngày. Trong suốt thời gian ấy chỉ có một lần chúng tôi nhìn thấy một chiếc tàu rất xa ở tận chân trời. Tôi bắt đầu băn khoăn tự hỏi không biết chúng tôi đang ở đâu thế này. Dĩ nhiên là ở ngoài khơi, rất xa mọi vùng đất liền; điều đó thì hoàn toàn chắc chắn rồi. Nhưng ở vị trí nào so với Trinidad hay bất cứ một hòn đảo nào thuộc Anh? Cái này thì chịu. Nhưng vừa nghĩ tới đã có câu trả lời ngay... Quả nhiên, ngay trước mặt chúng tôi, có một cái chấm đang từ từ to dần lên. Tàu viễn dương hay sà-lúp đi biển? Thôi nhầm rồi, nó không đi về phía chúng tôi Bây giờ đã trông thấy rõ đó là một chiếc tàu lớn, đang đi về phía bên hông chúng tôi. Nó đang đi lại gần thật, nhưng đi chệnh chéch, và chúng tôi không nằm trên đường đi của nó. Vì lúc ấy không có gió cho nên mấy lá buồm của chúng tôi buông thong xuống một cách thảm hại, chiếc tàu chắc chúng trông thấy chúng

tôi. Nhưng bỗng có tiếng còi tàu hú lên, sau đó là ba tiếng “tu tu tu, ngắn, rồi chiếc tàu đổi hướng và đi thẳng về phía chúng tôi.

- Miễn sao nó đừng đến gần quá - Clousiot nói.

- Không có gì nguy hiểm đâu, biển lặng như dầu thế này...

Đó là một chiếc tàu chở dầu hỏa. Nó càng đến gần chúng tôi càng trông rõ có người đứng trên boong. Có thể đoán chắc họ đang bắn khoan tự hỏi không biết mấy con người kia đang làm gì trên cái vỏ đậu phụng ở giữa biển khơi thế này. Tàu từ từ tiến về phía chúng tôi bây giờ đã trông thấy rõ mấy viên sĩ quan và đám thủy thủ, có cả người đầu bếp, rồi lại thấy mấy người đàn bà mặc áo dài hoa và mấy người đàn ông mặc sơ-mi màu. Chúng tôi hiểu đó là những hành khách trên tàu. Nhưng tàu chở dầu mà lại có cả hành khách chúng tôi thấy cũng hơi lạ. Chiếc tàu tiến tới rất chậm, và viên thuyền trưởng nói với chúng tôi bằng tiếng Anh.

- Where are you coming from? (Các ông từ đâu đến?).

- French Guyane. (Guyan thuộc Pháp).

- Vous parlez francais? (Các ông nói được tiếng Pháp chứ?) - một bà nói.

Tôi liền trả lời bằng tiếng Pháp:

- Thưa bà vâng,

- Các ông làm gì giữa biển khơi thế này?

- Chúng tôi đi theo đường Trời định.

Người đàn bà quay sang nói chuyện với viên thuyền trưởng một lát rồi lại nói với chúng tôi:

- Ông thuyền trưởng mời các ông lên tàu, ông ấy sẽ cho trực thuyền của các ông lên luôn.

- Bà nói giúp là chúng tôi cảm ơn ông thuyền trưởng, nhưng chúng tôi xin đi thuyền này thôi.

- Tại sao các ông không để cho chúng tôi giúp đỡ?

- Vì chúng tôi là những tù nhân vượt ngục, và vì chúng tôi không đi cùng hướng với tàu của các vị.

- Các ông định đi đâu?
- Đi Martinique, có lẽ còn xa hơn nữa. Chỗ này là chỗ nào?
- Giữa biển khơi.
- Muốn đến quần đảo Antilles phải đi như thế nào?
- Các ông có biết đọc bản đồ hàng hải của Anh không?
- Có

Một lát sau họ giòng dây xuống biểu chúng tôi một tấm bản đồ hàng hải, mấy tút thuốc lá, súc bánh mì, một cái đùi cừu rô ti.

- Ông xem bản đồ đi!

Tôi xem bản đồ rồi nói:

- Tôi phải đi hướng tây 1/4 nam mới có thể vào quần đảo Antilles thuộc Anh, có phải thế không?

- Đúng.

- Chừng bao nhiêu hải lý?

- Đi hai ngày thì đến, - viên thuyền trưởng nói.

- Tạm biệt, cảm ơn tất cả các vị!

- Thuyền trưởng có lời khen ngợi lòng cam đảm hải hồ của các ông!

- Cảm ơn, vĩnh biệt!

Chiếc tàu chở dầu từ từ ra đi. Nó rà sát cạnh chúng tôi, tôi phải cho thuyền tránh ra, sợ luồng nước xoáy sau chân vịt. Vừa lúc ấy một thủ thủ ném cho tôi một cái mũ lưỡi trai của sĩ quan hàng hải. Nó rơi đúng vào giữa thuyền. Tôi đã đội chiếc mũ lưỡi trai có gắn chiếc mỏ neo và thêu một lon vàng kim tuyến này khi chúng tôi đến Trinidad sau hai ngày dong buồm bình an vô sự

Trinidad

Chim trời đã báo cho chúng tôi biết đã sắp tới đất liền trước khi chúng tôi trông thấy đất liền rất lâu. Vào khoảng bảy giờ rưỡi sáng, một đàn chim đã bay đến lượn vòng xung quanh thuyền

chúng tôi. “Đến rồi, các bạn ơi, đến rồi? Chúng mình đã hoàn thành được phần đầu của cuộc vượt ngục, phần khó nhất. Tự do vạn tuê!”

Cả ba đưa chúng tôi đều bộc lộ nỗi vui mừng của mình bằng những tiếng reo hò, những lời cảm thán trẻ thơ. Mặt chúng tôi đều trát đầy mỡ ca-cao (chiếc tàu vừa gặp có cho chúng tôi một ít để bôi những chỗ bị bỏng nắng cho đỡ rát). Đến khoảng chín giờ thì trông thấy đất liền. Một ngọn gió mát rượi nhưng không mạnh lắm nhanh chóng đưa chúng tôi vào bờ trên một mặt biển khá phẳng lặng. Mãi đến khoảng bốn giờ chiều chúng tôi mới nhìn thấy những chi tiết của một hòn đảo dài viền những ngôi nhà trắng chụm lại thành từng khóm nhỏ, trên chóp đảo mọc đầy những rặng dừa. Chưa trông rõ đây là một hòn đảo hay là một bán đảo, mà cũng chưa rõ mấy khóm nhà kia có người ở hay không. Phải đến hơn một tiếng đồng hồ nữa mới nhìn thấy những bóng người đang chạy ra cái bãi cát mà thuyền chúng tôi đang tiến vào. Không đầy hai mươi phút sau, một đám đông hỗn tạp đủ màu sắc đã tụ tập lại. Cả cái làng nhỏ bé này đã ra bãi biển hết, không còn sót một ai, để tiếp đón chúng tôi. Về sau chúng tôi được biết rằng đây là làng San Fernando.

Cách bờ ba trăm thước tôi bỏ neo. Neo ăn ngay lập tức. Tôi làm như vậy một phần là để xem thử phản ứng của dân làng ra sao, và cũng để thuyền khỏi bị thủng khi chạm đáy, nếu đáy biển ở đây bằng san hô. Chúng tôi hạ buồm và chờ đợi. Một chiếc xuồng nhỏ bơi ra phía chúng tôi. Trên xuồng có hai người da đen ngồi chèo và một người da trắng đội mũ cối kiểu thuộc địa.

- Xin hoan nghênh các vị khách mới đến Trinidad, - người da trắng nói bằng tiếng Pháp rất sôi. Hai người da đen cười niềm nở, phô hết hai hàng răng trắng muốt.

- Xin cảm ơn ngài về những lời lẽ tốt đẹp của ngài. Đây bãi là san hô hay là cát ạ?

- Cát đấy, các ông có thể vào tận bờ mà không ngại gì cả.

Chúng tôi kéo neo lên, và sóng biển từ từ đẩy chúng tôi vào bờ cát. Thuyền vừa chạm đất thì có mười người lội xuống nước kéo

thăng một mạch chiếc thuyền lên bãi. Họ ngắm nghía chúng tôi, giơ tay sờ chúng tôi một cách thân ái, mấy người đàn bà da đen hay ấn độ gì đấy phác những cử chỉ mời mọc. Ai ai cũng muốn mời chúng tôi về nhà: người da trắng biết nói tiếng Pháp giảng giải cho chúng tôi như vậy. Maturette bốc một nắm cát và đưa lên môi hôn. Thế là cả đám người reo hò nhảy nhót như điên như dại.

Sau khi tôi nói rõ tình trạng của Clousiot cho người da trắng biết, ông ta liền sai người khiêng cậu ấy về nhà ông ta, gần ngay bãi biển. Ông ta nói rằng chúng tôi có thể để nguyên đồ đạc trên thuyền cho đến mai, không có ai động đến đâu. Mọi người đều gọi tôi là “captain” (“thuyền trưởng”), tôi cười lớn khi nghe mình được đề bạt như vậy. Ai cũng nói với tôi: “Good captain, long ride on smal boat!” (Thuyền trưởng giỏi, chuyến đi thì xa mà thuyền thì nhỏ thế!).

Đêm đã xuống. Sau khi yêu cầu họ đẩy thuyền lên cao hơn chút nữa và buộc nó vào một chiếc thuyền to hơn nhiều đang nằm giữa bãi, chúng tôi đi theo người da trắng (ông ta là người Anh) về nhà ông. Đó là một ngôi bungalow thuộc loại thường thấy ở bất cứ vùng đất nào thuộc Anh; vài ba bậc thềm bằng gỗ, một cái cửa ra vào có chằng lưới sắt. Tôi vào theo người Anh, Maturette đi sau lưng tôi. Bước vào nhà, tôi trông thấy Clousiot ngồi trên một chiếc ghế bành, cái chân bị gãy kê trên một chiếc ghế, đang ba hoa chích chòe với một thiếu phụ và một cô con gái.

- Đây là vợ tôi và con gái tôi, - người Anh nói. Tôi còn một đứa con trai nữa đang đi học ở Anh.

- Xin các ông tự coi là thượng khách của nhà này, người thiếu phụ nói bằng tiếng Pháp.

- Mời các ông ngồi, - cô con gái vừa nói vừa đem lại cho chúng tôi chiếc ghế bành bằng mây đan.

- Cám ơn bà, cám ơn cô, xin các vị đừng tự làm phiền nhiều quá vì chúng tôi.

- Sao lại thế ạ? Chúng tôi rất biết các ông từ đâu đến, xin các ông cứ yên tâm, và tôi xin nhắc lại: các ông là thượng khách trong nhà này.

Chủ nhân là một trạng sư, gọi là master Bowen, có văn phòng luật sư ở Port of Spain, thủ đô của đảo Trinidad, cách đây bốn mươi cây số.

Họ dọn ra cho chúng tôi một ấm trà pha sữa, một đĩa bánh mì nướng phết đường, một đĩa bơ và một hũ mứt. Đây là buổi tối đầu tiên chúng tôi được làm người tự do, tôi sẽ không bao giờ quên buổi tối này. Không có một lời nào nhắc tới quá khứ của chúng tôi, không có lấy một câu hỏi tò mò nào có thể làm cho chúng tôi ngượng ngập: họ chỉ hỏi xem chúng tôi lênh đênh mất mấy ngày trên biển và chuyển đi có vất vả gì không, Clousiot có đau lắm không, chúng tôi có muốn họ đi đăng ký với cảnh sát địa phương ngay ngày mai hay để đến ngày kia, chúng tôi có còn ông cụ bà cụ không, có vợ con gì không. Nếu chúng tôi muốn viết thư cho người thân, họ sẽ đi bỏ thư cho... Còn biết nó với các bạn những gì nữa: đó là một cuộc đón tiếp hết sức đặc biệt, của dân đảo ngoài bãi biển cũng như của cái gia đình đầy thiện ý chân thành đối với ba người bôn tẩu.

Master Bowen gọi điện thoại cho một ông bác sĩ để hỏi ý kiến ông ta về người bị thương. Bác sĩ dặn là đến chiều mai phải đưa người ấy đến bệnh viện tư của ông để soi X-quang xem cần phải làm gì. Master Bowen lại gọi điện đến Port of Spain cho vị chỉ huy Đạo Quân Cứu thế (Salvation Army). Ông này hứa là sẽ chuẩn bị cho chúng tôi một căn phòng trong khách sạn của Đạo, bao giờ thích đến thì đến, và dặn chúng tôi giữ thuyền cho cẩn thận nếu có còn tốt, vì chúng tôi sẽ cần đến nó để ra đi. Ông ta hỏi xem chúng tôi là tù khổ sai hay là dân bị đầy biệt xứ. Chúng tôi trả lời là tù khổ sai.

Điều đó hình như làm cho ông bác sĩ hài lòng.

- Các ông có muốn tắm tấp, cạo mặt không? - cô con gái nói. - Nhất là các ông đừng từ chối nhé, không có chút gì phiền hà cho

chúng tôi đâu. Trong phòng tắm đã có sẵn mấy bộ đồ để thay. Tôi hy vọng các ông sẽ mặc vừa.

Tôi vào tắm, cạo râu, chải đầu cẩn thận rồi trở ra trong một bộ trang phục tươm tất: quần xám, sơ-mi trắng, giày tennics, bít tất trắng.

Một người Ấn Độ gõ cửa ngoài. Anh ta cầm một cái gói lớn, đưa cho Maturette, nói rằng bác sĩ được biết tôi vốc người xấp xỉ bằng bác sĩ cho nên dễ mượn áo quần, nhưng Maturette thì vốc người bé nhỏ, mà trong nhà ông luật sư không có áo bé nhỏ như thế, cho nên không thể mặc nhờ của ai được, ông ta phải gửi gói áo quần số nhỏ này tới. Nói xong, người Ấn Độ cúi mình chào chúng tôi theo tập quán của người theo đạo Hồi, và lui ra. Đứng trước một lòng nhân hậu lớn lao như vậy, tôi biết nói sao để các bạn hiểu được nỗi xúc động không sao tả nổi đang tràn ngập lòng tôi lúc bấy giờ? Clousiot được cho đi ngủ trước, còn năm người chúng tôi ngồi giờ lâu trao đổi ý kiến về nhiều vấn đề khác nhau. Điều làm cho hai người phụ nữ quan tâm hơn cả là chúng tôi định sẽ làm lại cuộc đời ra sao. Không ai dă động đến quá khứ, chỉ toàn chuyện hiện tại và tương lai.

Master Bowen lấy làm tiếc rằng Trinidad không chấp nhận cho những người vượt ngục định cư trên đảo. Ông phân trần rằng ông đã có mấy lần xin nhà chức trách trên đảo chấp nhận biện pháp này cho một vài người nhưng chưa bao giờ được chấp thuận. Cô con gái nói tiếng Pháp y hệt người Pháp, không thua gì cha cô, không bao giờ phát âm sai hay có giọng lơ lớ. Cô ta tóc vàng, mặt đầy tàn nhang, tuổi chừng từ mười bảy đến hai mươi (tôi không dám hỏi xem cô bao nhiêu tuổi). Cô nói:

- Các ông hãy còn trẻ lắm; cả một quãng đời dài đang đợi các ông. Tôi không biết các ông đã làm gì nên tội mà bị xử như vậy, và không muốn biết. Nhưng đã có đủ can đảm để lao ra biển trên một con thuyền nhỏ bé như vậy để đi một hành trình dài và nguy hiểm như vậy, thì tất nhiên các ông sẵn sàng trả bất cứ giá nào để được sống tự do và đó là một điều rất đáng phục.

Đêm hôm ấy, chúng tôi đã ngủ đến tám giờ sáng mới dậy. Bàn ăn đã dọn sẵn. Hai người phụ nữ nói với chúng tôi một cách rất tự nhiên rằng Master Bowen đã đi Prot of Spain đến chiều mới về, có đem theo những tài liệu cần thiết để vận động cho chúng tôi. Con người ấy đã đi khỏi nhà trong khi có ba tên tù khổ sai vượt ngục đang ở đây: đó là một bài học có một không hai đối với chúng tôi. Ông ta muốn nói với chúng tôi: “Các anh là những con người bình thường, lành mạnh; các anh có thể thấy tôi tin các anh như thế nào khi tôi mới tiếp xúc với các ông có mười hai tiếng đồng hồ mà đã để cho các ông ở lại trong nhà một mình với vợ con tôi. Sau khi đã nói chuyện với ba ông, tôi đã thấy rõ rằng ba ông là những con người hoàn toàn đáng tin cậy, đến mức các ông không thể nào có một hành vi, một cử chỉ hay một lời lẽ nào đáng trách ở nhà tôi, cho nên tôi đã để các ông ở trong nhà tôi như những người bạn cũ. Cách bày tỏ lòng tin cậy này đã làm cho chúng tôi rất cảm động.

Tôi không phải là một người tri thức có thể miêu tả lại cho bạn đọc - nếu một ngày kia cuốn sách này sẽ có người đọc - với sức truyền cảm cần thiết, với đầy đủ tính hùng biện, để bạn đọc hiểu hết cái cảm giác tự trọng lớn lao... không phải: cái cảm giác trong sáng và mãnh liệt của kẻ thấy mình được phục hồi, nếu không phải là được bước vào một cuộc sống mới. Lễ rửa tội tương tượng ấy, cuộc tẩy rửa thanh cao ấy, cuộc nâng cao con người tôi lên trên đồng bùn nhơ mà tôi đã sa vào, cái cách thức mà người ta đã dùng để chỉ qua một ngày đã trao cho tôi một trách nhiệm thực sự ấy, vừa rồi đã làm cho tôi biến thành một con người khác một cách giản dị đến nỗi cái mặc cảm của người tù khổ sai khiến cho người ta còn nghe thấy tiếng xiềng xích ngay cả khi đã được trả tự do và luôn luôn có cảm giác như có ai đang theo dõi mình, đến nỗi tất cả những gì tôi đã trông thấy, đã trải qua và đã chịu đựng, tất cả những gì đã xô tôi đến chỗ trở thành một con người tật nguyên, thối nát, luôn luôn nguy hiểm cho mọi người, bề ngoài thì phục tùng một cách thụ động nhưng bất cứ lúc nào cũng có thể biến thành một kẻ nổi loạn hung hãn khủng khiếp, tất cả - những cái đó giờ đây bỗng biến mất như do một phép thần thông. Xin cảm ơn Luật sư Bowen, vị trạng sư của Hoàng gia, cảm ơn ông đã làm cho

tôi trở thành một con người khác trong một thời gian ngắn ngủi như vậy!

Người con gái có mái tóc vàng óng, có đôi mắt xanh như biển khơi ở xung quanh, đang ngồi với tôi dưới rặng dừa mọc quanh nhà cha cô. Nhưng giàn hoa giấy đỏ, vàng và tím nhạt đang nở rộ làm cho mảnh vườn có được cái thi vị cần thiết cho giờ phút này.

- Ông Henri ạ (cô gọi tôi là Monsieur. Đã bao nhiêu lâu rồi không ai còn gọi tôi là Monsieur nữa!), như ba tôi đã nói với ông hôm qua, một sự thiếu thông cảm đầy bất công của nhà cầm quyền Anh không cho phép các ông ở lại đây: thật đáng tiếc. Họ chỉ cho các ông mười lăm ngày để nghỉ ngơi rồi lại ra đi. Sáng sớm hôm nay tôi vừa ra xem chiếc thuyền của các ông, nó quá nhỏ bé và mong manh đối với cuộc viễn hành đang chờ đợi các ông. Ta hãy hy vọng rằng các ông sẽ đến được một đất nước có tinh thần mến khách hơn xứ sở chúng tôi và cũng hiểu biết người hơn. Tất cả các đảo thuộc Anh đều hành động giống nhau trong những trường hợp tương tự. Nếu trong chuyến đi sắp tới ông phải khổ sở nhiều, tôi xin ông đừng oán giận những người dân ở trên các đảo đó; người dân không phải là người chịu trách nhiệm về cách quan niệm này. Đây là những mệnh lệnh xuất phát từ nước Anh, do những người không hiểu biết gì về các ông ban hành. Địa chỉ của ba tôi là 101 Queen Street, Port of Spain, Trinidad. Tôi xin ông, nếu sau này Chúa muốn rằng ông có điều kiện làm như vậy, tôi xin ông viết cho chúng tôi vài dòng để chúng tôi được biết số phận của các ông.

Tôi cảm động đến nỗi không còn biết trả lời ra sao nữa. Bà Bowen đến cạnh chúng tôi. Đó là một người đàn bà đẹp trạc bốn mươi tuổi, tóc màu hạt dẻ vàng, mắt màu xanh ngọc thạch. Bà mặc một chiếc áo dài trắng rất giản dị, thắt một cái giải trắng, chân đi một đôi dép màu lá mạ.

- Thưa ông, chồng tôi đến năm giờ mới về. Ông ấy đang vận động các ông có thể đi xe của nhà chúng tôi lên thủ đô mà không có cảnh sát đi kèm. Nhà tôi cũng muốn làm thế nào để các ông khỏi ngủ qua đêm đầu tiên ở Sở Cảnh sát Port of Spain. Người bạn bị thương của ông sẽ đến thẳng bệnh viện tư của một bác sĩ bạn

nhà tôi, còn ông và cậu em ít tuổi kia sẽ đến Khách sạn của Đạo quân Cứu thế.

Maturette đi đâu về, ra vườn gặp chúng tôi, cậu ấy kể là vừa ra chỗ đỗ thuyền: có một đám người hiếu kỳ đang đứng quanh. Mọi vật trên thuyền đều y nguyên, không có ai động đến. Trong khi xem xét chiếc thuyền, mấy người hiếu kỳ tìm thấy một viên đạn giắt vào đít thuyền, ở phía dưới bánh lái. Một người trong bọn họ xin phép Maturette giữ viên đạn làm kỷ niệm. Cậu ta trả lời: “captain, captain”. Người thổ dân hiểu rằng muốn thế phải xin ông thuyền trưởng, anh ta nói: “Sao không thả mấy con rùa ra?”.

- Các ông có rùa à? - Cô con gái hỏi. - Thế thì ra xem đi.

Chúng tôi cùng ra chỗ đỗ thuyền. Giữa đường, một cô bé thổ dân xinh đẹp cầm lấy tay tôi một cách hết sức tự nhiên. “Good afternoon” - đám người nhiều màu sắc ấy cùng nói một lượt. Tôi bắt hai con rùa ra rồi hỏi cô con gái chủ nhà: “Bây giờ thế nào nhỉ? Ném xuống biển nhé? Hay là cô đem về để trong vườn ấy, cô có thích không?”.

- Cái bể ở cuối vườn đựng nước biển. Ta sẽ nuôi chúng nó trong cái bể ấy, như vậy tôi sẽ có được chút kỷ niệm của các ông.

- Phải đấy.

Tôi đem tất cả những vật để trong thuyền ra phân phát cho những người dân đảo có mặt ở đấy, trừ cái đĩa bàn, mớ thuốc lá, con dao, cái rựa, cây rìu, mấy tấm chăn và khẩu súng lục mà tôi gói kín trong chăn: không ai trông thấy nó.

Đến năm giờ chiều Master Bowen về.

- Thưa các ông, mọi việc đều đã dàn xếp xong xuôi. Chính tôi sẽ đưa các ông đến thủ đô. Ta sẽ đưa ông bạn bị thương vào bệnh viện trước, rồi sau đó ta sẽ ra khách sạn.

Chúng tôi xếp cho Clousiot nằm ở ghế sau của chiếc xe. Tôi đang cảm ơn cô con gái thì bà mẹ đến, tay xách một chiếc va-li. Bà nói:

- Xin ông nhận cho mấy bộ quần áo của nhà tôi, chúng tôi xin biếu ông với tất cả tấm lòng thành.

Tôi còn biết nói gì trước một lòng nhân hậu đầy tình người như thế!

- Cảm ơn ông bà, cảm ơn vô cùng.

Chúng tôi lên xe ra đi. Đó là một chiếc xe hơi tay lái đặt bên phải. Đến sáu giờ kém mười lăm chúng tôi đã đến bệnh viện. Nó được gọi là bệnh viện Saint-George. Mấy người y tá đặt Clousiot lên cáng và đưa vào một gian phòng có một người thổ dân đang ngồi trên giường. Bác sĩ đến. Ông bắt tay Bowen, rồi bắt tay chúng tôi. Ông không nói được tiếng Pháp, nên nhờ ông luật sư nói lại với chúng tôi rằng Clousiot sẽ được chăm sóc chu đáo, và chúng tôi có thể đến thăm anh bao nhiêu cũng được. Chúng tôi lại lên xe ông Bowen đi qua thành phố. Chúng tôi đều trầm trồ trước quang cảnh những dãy phố sáng trưng dưới ánh điện, xe hơi và xe đạp qua lại tấp nập. Những người da trắng, da đen, da vàng, Ấn Độ, thổ dân, chen vai thích cánh trên các vỉa hè của cái thành phố Port of Spain xây dựng toàn bằng gỗ. Đến khách sạn của Đạo quân Cứu thế, một tòa nhà chỉ có tầng dưới xây bằng đá còn các tầng trên đều bằng gỗ, được đặt ở một vị trí khá đẹp trên một quảng đường sáng trưng mà ở lối vào tôi có thể đọc thấy mấy chữ Fish Market (Chợ cá), ông thống lĩnh Đạo quân Cứu thế tiếp chúng tôi cùng với toàn bộ Ban tham mưu của ông gồm có những hội viên cả nam lẫn nữ. Ông có biết một ít tiếng Pháp, còn thì mọi người đều nói với chúng tôi bằng tiếng Anh. Chúng tôi không hiểu được bao nhiêu, nhưng gương mặt họ tươi cười, ánh mắt họ niềm nở đến nỗi chúng tôi đều biết chắc đó là những lời lẽ đầy tình thân ái.

Người ta đưa chúng tôi lên một căn phòng ở tầng thứ ba, có ba cái giường - cái thứ ba dành sẵn cho Clousiot - ăn thông với một căn buồng tắm có để sẵn xà phòng và khăn mặt cho chúng tôi dùng. Sau khi đưa chúng tôi về phòng, ông thống lĩnh nói:

- Nếu các ông muốn dùng bữa, đến bảy giờ, tức nửa tiếng nữa, các ông có thể dự bữa ăn tối chung của khách sạn.

- Thôi ạ, chúng tôi không đói.

- Nếu các ông muốn đi dạo phố, xin các ông cầm lấy hai đồng dollars tiền Antilles này để uống chén cà phê hay chén trà. Nhất là xin các ông đừng đi lạc. Khi nào muốn về khách sạn, xin các ông hỏi đường bằng mấy chữ đơn giản: “Salvation Army, please?”.

Mười phút sau chúng tôi đã ra phố. Chúng tôi đi trên vỉa hè, chen vai thích cánh với khách qua đường. Chẳng ai nhìn ngó chúng tôi, chẳng ai để ý đến chúng tôi. Chúng tôi thở thật sâu, bồi hồi thưởng thức những bước đi tự do đầu tiên trong một thành phố. Sự tin cậy thương xuyên đã khiến người ta để cho chúng tôi đi tự do trong một thành phố khá lớn như thế này làm cho chúng tôi hởi lòng, và không những đem lại cho chúng tôi lòng tự tin, mà còn soi sáng thêm cho chúng tôi hoàn toàn ý thức được rằng không đời nào mình lại có thể phụ lòng tin ấy. Maturette và tôi đi chậm chậm giữa đám đông. Chúng tôi thấy cần chen vai thích cánh với họ, được họ chen lấn xô đẩy, được họ đồng hóa thành một bộ phận của họ. Chúng tôi vào một quán bao gọi hai cốc bia. “Two beers, please” - mấy tiếng đó có gì lạ đâu? Phải, nó nghe tự nhiên hoàn toàn. Ấy thế mà chúng tôi vẫn thấy có cái gì hoang đường, huyền hoặc khi một người con gái Anh-điêng đeo cái vỏ ốc vàng trong mũi nói với chúng tôi sau khi dọn bia ra: “Half a dollar, sir”. Nụ cười của cô gái với hàm răng như chuỗi ngọc trai, đôi mắt to màu đen tím hơi xéch ở bên khóe, mái tóc huyền xõa ngang vai, chiếc yếm hơi hở ở chỗ đôi vú bắt đầu, đủ cho người ta đoán được vẻ đẹp tuyệt vời của đôi vú ấy, những thứ vật vãnh và toàn hoàn tự nhiên đối với mọi người ấy đối với chúng tôi lại là những chuyện thần tiên huyền ảo. Ở kia, Papi, không phải đâu, không thể như thế được, chẳng lẽ đang là một xác chết còn sống, là một tên tù khổ sai chung thân, mà bỗng dưng dùng một cái đã hóa thành một người tự do sao?

Vừa rồi là Maturette trả tiền bia, cậu ta chỉ còn nửa dollar. Bia mát rượi uống đã lắm. Maturette bàn: “Uống thêm cốc nữa nhé?” Cái việc uống liền một lúc hai châu bia tôi thấy là không nên:

- Kìa, Maturette, cậu mới được thực sự tự do có chưa đây một tiếng đồng hồ mà đã muốn say sưa be bét rồi?

- Ô! Em xin anh, Papi, anh đừng nói quá lời! Uống hai cốc bia mà anh gọi là say sưa be bét?

- Có thể cậu có lý, nhưng tôi cho rằng nếu đứng đắn thì không nên vô lý lấy những lạc thú trước mắt. Theo tôi nên nhấm nháp từng tí một thì hơn là nhai ngấu nhai nghiền. Vả lại tiền có phải của mình đâu.

- Vâng, đúng thế thật, anh có lý. Ta sẽ học sống tự do theo kiểu nhỏ giọt, như thế xứng đáng hơn.

Chúng tôi rời khách sạn đi ra dãy phố lớn chạy suốt từ đầu đến cuối thành phố - gọi là Watters Street. Và chúng tôi hân hoan với những chuyến tàu điện qua lại, với những con lừa kéo xe, những chiếc xe hơi, những ánh đèn điện quảng cáo ở các rạp chiếu bóng và các quán rượu ban đêm, với những đôi mắt của các thiếu nữ da đen hay Ấn Độ vừa nhìn chúng tôi vừa cười, đến nỗi chúng tôi không hề có chủ đích mà cũng đã ra đến cảng từ bao giờ không biết. Trước mặt chúng tôi là những chiếc tàu thủy đèn thấp sáng trưng, những chiếc thuyền du lịch với những tên gọi diệu huyền: Panama, Los Angeles, Boston, Québec; những chiếc tàu chở hàng: Hamburg, Amsterdam, London, và chạy dài dọc bờ xây, xếp hàng san sát vào nhau, là những quán ăn, quán rượu, quán bar đầy những khách nam nữ đang ăn, uống, nói, cười, lớn tiếng cãi cọ với nhau. Bỗng nhiên một nhu cầu không sao cưỡng nổi giục già tôi trà trộn vào đám đông này, chen vai thích cánh với những con người có lẽ cũng phạm tục, nhưng lại đầy sức sống.

Ở sân hiên một quán bar có những dãy thùng nước đáp ướp nào sò, nào nhím biển, nào tôm càng, nào “dao biển”, nào trai, nào vẹm, cả một cuộc trưng bày những món ăn hải sản ngon lành cám dỗ người qua đường. Những chiếc bàn tải khăn ca-rô trắng chen đỏ, phần nhiều đều có khách ngồi, như đang chào mời chúng tôi. Những cô gái da nâu nhạt, nét mặt thanh tú, loại con gái lai da đen nhưng không còn giữ lại một nét nào của chủng tộc negroid, thân hình bó chặt trong những bộ coóc-xê đủ màu cổ hở rất rộng, đang đứng chào hàng, lại càng khiến cho người ta muốn thưởng thức các thứ đó hơn nữa. Tôi đến cạnh một cô gái, nói:

- French money good? (Tiền Pháp tốt không?) - vừa nói vừa đưa ra một tờ giấy bạc một ngàn francs.

- Yes, I change for you (Tốt, tôi đổi giúp ông).

Cô ta cầm lấy tờ giấy bạc rồi mất hút trong căn phòng chật ních những người. Một lát sau cô ta trở lại, nói: “Come here (đến đây)”, rồi dẫn tôi đến chỗ quây tính tiền. Có một người Tàu đang ngồi đấy.

- Ông là người Pháp?

- Vâng.

- Đổi một ngàn francs à?

- Vâng.

- Đổi hết ra dollars Artilles à?

- Vâng.

- Hộ chiếu đâu?

- Không có.

- Thẻ thủy thủ?

- Không có.

- Giấy nhập cảnh?

- Không có.

- Được

Người tàu nói mấy tiếng với cô gái, cô ta nhìn căn phòng một thoáng rồi đến cạnh một người dáng dấp như một thủy thủ, đội một cái mũ cát-kết giống như cái của tôi, có một vành lon kim tuyến và một cái mỏ neo, rồi dẫn hấn đến cạnh quây tính tiền. Người tàu nói:

- Giấy căn cước anh đâu?

- Đây

Thế là người Tàu thân nhiên như không làm một tờ phiếu đổi một ngàn francs mang tên người lạ mặt, bảo hấn ký vào, xong

đâu đây cô gái cầm cánh tay hắn lôi đi. Chắc hẳn là người kia không sao biết được việc gì đang xảy ra. Còn tôi thì nhận hai trăm năm mươi dollars Antilles trong đó có năm mươi dollars bằng giấy ăn một và ăn hai dollars. Tôi đưa cho cô gái một dollar, chúng tôi đi ra ngoài và ngồi vào bàn gọi đủ các thứ món hải vị và mấy chai rượu vang trắng loại mạnh, chén một bữa ngon tuyệt trần.